

KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA 2016 - CỤM THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1	LỖ THỊ CHÚ	LPH000350	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.00	20/11/1998	Nữ
2	LỖ VĂN ĐỨC	LPH000656	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50	29/08/1998	Nam
3	LỮU SEO ÁO	LPH000200	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.20	19/02/1998	Nam
4	LỮU THỊ CỎ	LPH000367	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25	16/02/1998	Nữ
5	MA SEO NHÀ	LPH001967	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.20	03/01/1998	Nam
6	MA SEO XÓA	LPH003111	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.60	02/03/1998	Nam
7	MA THỊ CHẾ	LPH000271	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	07/02/1997	Nữ
8	MA THỊ DUA	LPH000446	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.50	10/12/1998	Nữ
9	MA THỊ DÍN	LPH000426	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00	29/11/1998	Nữ
10	MA THỊ VUI	LPH003093	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 2.00	20/01/1998	Nữ
11	MA THỊ XAY	LPH003107	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	28/11/1998	Nữ
12	MÃ THỊ TÂM	LPH002403	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	09/11/1998	Nữ
13	NGÔ ANH TÚ	LPH002898	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.40	14/08/1998	Nam
14	NGÔ LÊ QUÝ	LPH002226	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 8.20 Sinh học: 7.00	26/11/1998	Nam
15	NGÔ THỊ HÀ	LPH000739	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.20	08/07/1998	Nữ
16	PHÙNG HƯNG	LPH001254	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25	25/03/1990	Nam
17	PHẠM LÊ VY	LPH003101	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.60	23/12/1998	Nữ
18	SÙNG A GIẢ	LPH000691	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.80	10/10/1998	Nam
19	ĐÀO THỊ MAI	LPH001685	Toán: 2.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00	16/09/1998	Nữ
20	ĐÀO ĐỨC HUY	LPH001157	Toán: 6.75 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.60	26/06/1997	Nam
21	ĐỖ VIỆT HUY	LPH001160	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 1.60 Hóa học: 5.20	13/11/1998	Nam
22	ĐẶNG THỊ ƠN	LPH002052	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50	18/09/1998	Nữ
23	ĐẶNG THỊ ỆT	LPH000684	Toán: 4.75 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50	05/12/1997	Nữ
24	ĐẶNG VĂN TÚ	LPH002894	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 0.00 Địa lí: 1.25	06/07/1997	Nam
25	ĐẶNG VĂN VŨ	LPH003083	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75	05/03/1998	Nam
26	ĐỖ HOÀI ANH	LPH000022	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 2.65	18/07/1998	Nữ
27	ĐỖ KHẢI HÂN	LPH000855	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.60	12/08/1998	Nữ
28	ĐỖ LINH CHI	LPH000273	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.60	05/01/1998	Nữ
29	ĐỖ LINH CHI	LPH000274	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 6.63	16/07/1998	Nữ
30	ĐỖ MINH ANH	LPH000024	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 5.10	05/09/1998	Nữ
31	ĐỖ MINH ĐỨC	LPH000648	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75	27/09/1991	Nam
32	ĐỖ NGỌC HẢI	LPH000767	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 6.95	09/07/1998	Nam
33	ĐỖ NGỌC HẢI	LPH000768	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.25	21/02/1998	Nam
34	ĐỖ QUANG VŨ	LPH003081	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 6.00	08/06/1998	Nam
35	ĐỖ QUỐC HUY	LPH001155	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 4.58	05/09/1998	Nam
36	ĐỖ THÚY NGÀ	LPH001854	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	12/01/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
37	THÀN THỊ HUẾ	LPH001109	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.00	06/12/1998	Nữ
38	THÀO A PHẪNG	LPH002067	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.20	07/05/1998	Nam
39	THÀO A THÀNH	LPH002466	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 7.40	27/03/1998	Nam
40	THÀO SEO CHỖ	LPH000322	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50	02/09/1998	Nam
41	THÀO SEO PHÀ	LPH002064	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	02/04/1997	Nam
42	THÀO SEO SẦU	LPH002300	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50	25/01/1998	Nam
43	THÀO THỊ HOA	LPH001000	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.00	24/10/1998	Nữ
44	THÀO THỊ LƯU	LPH001660	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.40	22/07/1998	Nữ
45	THÀO THỊ MỤA	LPH001785	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25	11/01/1998	Nữ
46	THÀO THỊ QUÝ	LPH002229	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50	15/05/1998	Nữ
47	THÀO THỊ SẦY	LPH002302	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25	17/08/1998	Nữ
48	THÀO THỊ TẤU	LPH002413	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 6.80 Sinh học: 5.60	09/07/1998	Nữ
49	THÀO VĂN NAM	LPH001836	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.80	18/04/1998	Nam
50	THẦN THỊ HOA	LPH001001	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.00	06/06/1998	Nữ
51	THẦN VĂN LỢI	LPH001631	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 4.50	16/07/1998	Nam
52	TRÁNG A CHÙA	LPH000326	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 1.60 Sinh học: 3.40	07/07/1998	Nam
53	TRÁNG PHƯƠNG	LPH002156	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75	12/10/1998	Nữ
54	TRÁNG SEO NỔ	LPH002029	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75	25/05/1998	Nam
55	LÊ THỊ THU HÀ	LPH000735	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.40	15/06/1998	Nữ
56	LÊ TIẾN THÀNH	LPH002454	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 5.00	06/10/1998	Nam
57	LÊ TÙNG DƯƠNG	LPH000565	Toán: 4.00 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 1.88	22/12/1996	Nam
58	LÊ VIỆT HOÀNG	LPH001050	Toán: 8.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 8.60 Tiếng Anh: 1.88	15/01/1998	Nam
59	LÊ VIỆT HOÀNG	LPH001051	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.60 Sinh học: 5.20	26/08/1998	Nam
60	LÊ VĂN CHƯƠNG	LPH000353	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.60	03/09/1998	Nam
61	LÊ ĐÌNH HOÀNG	LPH001048	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	01/02/1998	Nam
62	LÊ ĐÌNH TUYẾN	LPH002991	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 2.73	29/07/1998	Nam
63	LÙ THỊ THU MỸ	LPH001804	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50	09/04/1998	Nữ
64	LÙ THỊ THUYỀN	LPH002688	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.75	06/12/1998	Nữ
65	LỪNG THỊ DINH	LPH000429	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.80	17/07/1998	Nữ
66	LỪNG TUẤN ĐẠT	LPH000610	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60	19/09/1998	Nam
67	LÝ MAI PHƯƠNG	LPH002166	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25	18/11/1998	Nữ
68	LÝ MINH THIÊN	LPH002573	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.40	19/03/1998	Nam
69	LÝ MINH THẮNG	LPH002536	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75	24/01/1998	Nam
70	LÝ NGỌC TUYẾN	LPH002993	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50	13/06/1998	Nam
71	LÝ THÀNH KIÊN	LPH001386	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.75	20/08/1992	Nam
72	LÝ THỊ NGUYỄN	LPH001945	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50	25/11/1998	Nữ
73	VÀNG VĂN MẠNH	LPH001734	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50	21/10/1996	Nam
74	VÀNG VĂN THẢO	LPH002526	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.38	01/11/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
75	VÀNG VĂN UYÊN	LPH003024	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.75	13/03/1991	Nam
76	VŨ HOÀNG HIỆP	LPH000934	Toán: 7.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	14/09/1998	Nam
77	VŨ HOÀNG HIỆP	LPH000935	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50	31/03/1998	Nam
78	VŨ HỒNG KHANH	LPH001336	Toán: 6.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	24/07/1996	Nam
79	VŨ MẠNH CƯỜNG	LPH000404	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.80	10/05/1998	Nam
80	VŨ NGỌC KHÁNH	LPH001359	Toán: 4.75 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.00	02/09/1996	Nam
81	VŨ QUANG HIẾU	LPH000975	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 3.88	03/01/1998	Nam
82	VŨ QUỐC CƯỜNG	LPH000405	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.60	04/04/1998	Nam
83	VŨ THANH BÌNH	LPH000248	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 4.55	06/08/1998	Nữ
84	VŨ THANH THÚY	LPH002686	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 4.35	19/07/1998	Nữ
85	VŨ THÙY DƯƠNG	LPH000587	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 5.00	23/03/1998	Nữ
86	VŨ TRUNG KIẾN	LPH001396	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25	19/10/1998	Nam
87	VŨ TRUNG KIẾN	LPH001397	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 3.20	23/08/1998	Nam
88	VÀNG VĂN KINH	LPH001402	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.25	08/08/1996	Nam
89	VŨ TUẤN THÀNH	LPH002472	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.60	06/08/1998	Nam
90	VŨ VĂN TRƯỜNG	LPH002887	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 2.75	18/09/1998	Nam
91	NGUYỄN THẾ ANH	LPH000096	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00	20/06/1995	Nam
92	NGUYỄN THẾ NAM	LPH001824	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 5.03	05/10/1998	Nam
93	NGUYỄN THỊ ANH	LPH000097	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Sinh học: 3.00 Địa lí: 4.00	26/09/1998	Nữ
94	NGUYỄN THỊ CÚC	LPH000372	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 3.20	20/01/1998	Nữ
95	NGUYỄN THỊ HOA	LPH000996	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75	08/08/1998	Nữ
96	NGUYỄN THỊ HOA	LPH000997	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	22/08/1998	Nữ
97	NGUYỄN THỊ HUẾ	LPH001107	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.00	04/02/1998	Nữ
98	NGUYỄN THỊ HẬU	LPH000865	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.80 Sinh học: 7.40	25/06/1998	Nữ
99	NGUYỄN THỊ HỢI	LPH001096	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75	03/07/1998	Nữ
100	NGUYỄN THỊ LAN	LPH001427	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 3.80	14/07/1998	Nữ
101	NGUYỄN THỊ LƯU	LPH001659	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.25	13/01/1998	Nữ
102	NGUYỄN THỊ MAI	LPH001697	Toán: 6.75 Hóa học: 5.60 Sinh học: 6.80	10/09/1997	Nữ
103	NGUYỄN THỊ MAI	LPH001698	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.60	20/04/1998	Nữ
104	NGUYỄN THỊ NGÀ	LPH001862	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.20	21/05/1998	Nữ
105	NGUYỄN THỊ QUẾ	LPH002221	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 3.53	20/10/1998	Nữ
106	NGUYỄN THỊ THƯ	LPH002694	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00	14/12/1998	Nữ
107	NGUYỄN THỊ THƯ	LPH002695	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75	18/05/1998	Nữ
108	NGUYỄN THỊ TÂM	LPH002405	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Tiếng Anh: 2.50	04/06/1997	Nữ
109	ĐẶNG QUỐC TOÀN	LPH002739	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.40	10/11/1998	Nam
110	ĐẶNG THÙY LINH	LPH001498	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60	03/12/1998	Nữ
111	ĐẶNG THỊ DUYỄN	LPH000540	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Địa lí: 4.50	03/11/1998	Nữ
112	ĐẶNG THỊ GIẢNG	LPH000719	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.75	06/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
113	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	LPH001262	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00	03/04/1998	Nữ
114	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	LPH001263	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 5.20 Tiếng Anh: 4.95	29/06/1998	Nữ
115	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	LPH001305	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.00	13/03/1998	Nữ
116	ĐẶNG THỊ NHUNG	LPH001996	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 3.65	27/09/1998	Nữ
117	ĐẶNG THỊ THANH	LPH002433	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75	04/08/1998	Nữ
118	ĐẶNG THỊ THANH	LPH002434	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 6.75	20/08/1998	Nữ
119	ĐẶNG VĂN GIẢNG	LPH000718	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.20	05/07/1998	Nam
120	ĐẶNG VĂN PHONG	LPH002079	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.00	24/07/1998	Nam
121	ĐẶNG VĂN THỊNH	LPH002592	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	20/10/1998	Nam
122	ĐẶNG VĂN TUYẾN	LPH002998	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	04/08/1997	Nam
123	ĐẶNG ĐÌNH HIẾU	LPH000943	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 5.20 Sinh học: 3.20	13/05/1998	Nam
124	ĐẶNG ĐÌNH HÙNG	LPH001121	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.80	22/09/1998	Nam
125	ĐẶNG ĐỨC THẮNG	LPH002545	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	28/05/1998	Nam
126	SÙNG A NAM	LPH001835	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.00	29/04/1998	Nam
127	SÙNG A SÁI	LPH002283	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	07/08/1998	Nam
128	SÙNG A TRỨ	LPH002867	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	30/01/1998	Nam
129	THÀO A DÌN	LPH000425	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.25	15/04/1994	Nam
130	THÀO A TRỨ	LPH002868	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20	05/06/1998	Nam
131	TRẮNG A DÈ	LPH000412	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.40 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25	25/11/1998	Nam
132	TRẦN LỆ MỸ	LPH001805	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 2.23	06/12/1998	Nữ
133	TẠ THẢO MY	LPH001798	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.75 Tiếng Anh: 6.93	28/09/1998	Nữ
134	TẠ ĐỨC ANH	LPH000140	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80 Địa lí: 4.50	21/03/1998	Nam
135	TẦN LỖ MÃY	LPH001749	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	03/05/1998	Nữ
136	TẦN MÃY ON	LPH002051	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.80	04/10/1998	Nữ
137	TẦN TẢ MÃY	LPH001750	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50	01/01/1998	Nữ
138	TẦN TẢ MÃY	LPH001751	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	06/12/1997	Nữ
139	VI THỊ THU	LPH002637	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75	05/09/1996	Nữ
140	VÀNG A SẤU	LPH002301	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50	10/04/1998	Nam
141	VÀNG A ĐẠI	LPH000595	Toán: 1.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.00	08/10/1998	Nam
142	VÀNG GỖ VI	LPH003050	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00	22/06/1998	Nữ
143	VÙ A QUANG	LPH002201	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.25	16/09/1998	Nam
144	ĐỖ THỊ DUNG	LPH000451	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.40	11/12/1998	Nữ
145	ĐỖ THỊ HIỀN	LPH000883	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.00	01/12/1998	Nữ
146	ĐỖ THỊ HIỀN	LPH000884	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.25	10/01/1998	Nữ
147	ĐỖ THỊ HIỀN	LPH000885	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.40	10/07/1998	Nữ
148	ĐỖ THỊ HƯNG	LPH001241	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60 Tiếng Anh: 2.53	10/09/1998	Nữ
149	ĐỖ TIẾN ĐẠT	LPH000601	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.20	04/06/1998	Nam
150	ĐỖ TUẤN ANH	LPH000026	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00	30/04/1994	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
151	ĐỖ VIỆT ĐỨC	LPH000650	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	15/04/1998	Nam
152	ĐỖ VĂN HIỂN	LPH000913	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.60	14/10/1998	Nam
153	ĐỖ VĂN HUÂN	LPH001100	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 2.75	15/06/1995	Nam
154	ĐỖ VĂN HƯNG	LPH001242	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.60	12/04/1998	Nam
155	ĐỖ VĂN THÁI	LPH002416	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.50	12/11/1988	Nam
156	ĐỖ ĐỨC MẠNH	LPH001717	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 2.40 Tiếng Anh: 1.88	07/03/1998	Nam
157	ẤU THỊ NHẪN	LPH001975	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	14/04/1998	Nữ
158	ẤU VĂN TRỌN	LPH002844	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	22/07/1998	Nam
159	BÀN THỊ GHẺN	LPH000689	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.50	11/02/1998	Nữ
160	BÀN VĂN HÙNG	LPH001120	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.20	03/12/1998	Nam
161	BÀN VĂN KIẾN	LPH001382	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	21/01/1998	Nam
162	TRÁNG THỊ MỸ	LPH001802	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.00	29/08/1998	Nữ
163	TRẦN ANH ĐỨC	LPH000670	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.20	04/09/1998	Nam
164	TRẦN LÊ HOÀN	LPH001033	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.40	22/08/1998	Nam
165	TRẦN LÊ QUÂN	LPH002217	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.80 Tiếng Anh: 4.55	25/03/1998	Nam
166	TRẦN MINH TÚ	LPH002909	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.50	05/12/1995	Nam
167	TRẦN NGỌC HÀ	LPH000755	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 2.25	05/04/1998	Nữ
168	TRẦN QUÝ ĐỨC	LPH000675	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 3.20	28/04/1998	Nam
169	TRẦN THU ANH	LPH000156	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50	05/01/1998	Nữ
170	TRẦN THU NGÀ	LPH001869	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 7.20	17/12/1998	Nữ
171	TRẦN THẢO MY	LPH001801	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	09/12/1998	Nữ
172	TRẦN THẾ NAM	LPH001841	Toán: 8.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.80	13/09/1998	Nam
173	TRẦN THẾ ĐẠT	LPH000619	Toán: 6.50 Ngữ văn: 2.50 Hóa học: 6.40 Sinh học: 4.80	05/07/1998	Nam
174	TRẦN THỊ HUẾ	LPH001110	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.25	15/05/1998	Nữ
175	TRẦN THỊ HẢI	LPH000794	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25	08/10/1998	Nữ
176	TRẦN THỊ HẢO	LPH000825	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	04/12/1998	Nữ
177	TRÁNG SEO ĐÀ	LPH000590	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 2.00	18/07/1987	Nam
178	TRẦN THỊ HẬU	LPH000871	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	24/04/1998	Nữ
179	TRẦN THỊ MAI	LPH001705	Toán: 1.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.25	01/01/1998	Nữ
180	LÝ THỊ NGUYỆT	LPH001954	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.60	10/04/1998	Nữ
181	LÝ THỊ PHƯƠNG	LPH002130	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.20	14/04/1998	Nữ
182	LÝ XUÂN THIỀN	LPH002582	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25	04/01/1998	Nam
183	LƯU CÔNG MINH	LPH001767	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.20	31/05/1998	Nam
184	LƯU QUANG HUY	LPH001164	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.60	01/01/1998	Nam
185	LƯU THỊ HUYỀN	LPH001203	Toán: 7.75 Vật lí: 8.40 Hóa học: 8.80	17/09/1997	Nữ
186	LƯU THỊ HƯƠNG	LPH001274	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25	20/01/1998	Nữ
187	LƯU TUẤN HƯNG	LPH001249	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60 Sinh học: 6.60	27/06/1998	Nam
188	LƯƠNG THỊ ĐAO	LPH000407	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.40	15/03/1997	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
189	LƯƠNG THỊ HẬU	LPH000864	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 5.00	14/02/1998	Nữ
190	LƯƠNG THỊ HỌC	LPH001068	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25	18/09/1998	Nữ
191	LƯƠNG THỊ LAN	LPH001423	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 4.46	15/10/1997	Nữ
192	LƯƠNG THỊ NGÀ	LPH001858	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.80	15/05/1998	Nữ
193	LƯƠNG VĂN TUY	LPH002989	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	03/01/1994	Nam
194	LƯƠNG VĂN ĐỨC	LPH000659	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00	27/08/1995	Nam
195	LƯƠNG ĐỨC ANH	LPH000063	Toán: 3.25 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 5.60 Sinh học: 3.60	06/08/1998	Nam
196	LẠI HOÀNG SƠN	LPH002339	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.00	06/08/1994	Nam
197	LẠI THỊ HƯƠNG	LPH001271	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	22/11/1998	Nữ
198	VŨ ĐĂNG QUANG	LPH002202	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50	16/12/1992	Nam
199	VƯƠNG THỊ HUỆ	LPH001118	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.60	15/09/1998	Nữ
200	VƯƠNG THỊ HẬU	LPH000873	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.40	04/07/1998	Nữ
201	VƯƠNG THỪA VŨ	LPH003091	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.25	06/07/1998	Nam
202	VƯƠNG VĂN HẬU	LPH000874	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.20	09/08/1998	Nam
203	ĐINH HẢI LONG	LPH001606	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.20	04/02/1998	Nam
204	ĐINH HẢI LONG	LPH001607	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.80	19/04/1998	Nam
205	ĐINH NGỌC YẾN	LPH003134	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 3.38	19/10/1998	Nữ
206	ĐINH QUỐC BẢO	LPH000207	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.60	03/09/1998	Nam
207	ĐINH THỊ CHÍN	LPH000303	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.20	06/11/1998	Nữ
208	ĐINH THỊ THÚY	LPH002676	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50	07/08/1998	Nữ
209	ĐINH VĂN MINH	LPH001763	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 2.80	01/07/1998	Nam
210	ĐINH XUÂN SƠN	LPH002331	Toán: 6.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.40	30/07/1998	Nam
211	ĐINH ĐỨC MẠNH	LPH001719	Toán: 6.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.60	30/05/1998	Nam
212	ĐOÀN DUY TÙNG	LPH002966	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.20	09/05/1995	Nam
213	ĐOÀN NGỌC ÁNH	LPH000178	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.00	13/12/1998	Nữ
214	ĐOÀN THUY VÂN	LPH003038	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00	17/04/1998	Nữ
215	NGUYỄN THỊ ÁNH	LPH000188	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	06/08/1998	Nữ
216	NGUYỄN THỊ ĐÀO	LPH000598	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25	26/04/1998	Nữ
217	NGUYỄN TUẤN VŨ	LPH003087	Toán: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40	16/10/1997	Nam
218	NGUYỄN TUẤN VŨ	LPH003088	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25	24/02/1998	Nam
219	NGUYỄN VĂN ANH	LPH000120	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 5.15	08/09/1998	Nữ
220	NGUYỄN VĂN ANH	LPH000121	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25	23/03/1997	Nữ
221	NGUYỄN VĂN DUY	LPH000534	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25	26/07/1998	Nam
222	NGUYỄN VĂN HẢO	LPH000822	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.60	25/11/1998	Nam
223	NGUYỄN VĂN HẢI	LPH000789	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Địa lí: 3.00	17/09/1998	Nam
224	NGUYỄN VĂN LỘC	LPH001627	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	10/12/1998	Nam
225	NGUYỄN VĂN NAM	LPH001825	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 1.00	05/10/1995	Nam
226	NGUYỄN VĂN NAM	LPH001826	Toán: 9.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 3.15	12/04/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
227	NGUYỄN VĂN NAM	LPH001827	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.00	19/08/1998	Nam
228	NGUYỄN VĂN PHÚ	LPH002095	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 3.40	31/03/1998	Nam
229	NGUYỄN VĂN SƠN	LPH002346	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	12/11/1998	Nam
230	NGUYỄN VĂN TAM	LPH002392	Toán: 7.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.40	28/03/1996	Nam
231	NGUYỄN VĂN THƠ	LPH002610	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 6.75	07/10/1995	Nam
232	NGUYỄN VĂN THƯ	LPH002696	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 5.20	02/09/1998	Nam
233	ĐỒNG DIỆU LINH	LPH001495	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00	01/06/1998	Nữ
234	ĐỒNG THỊ CHUNG	LPH000329	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50	25/10/1998	Nữ
235	ĐỖ BÍCH PHƯƠNG	LPH002163	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.50	12/08/1998	Nữ
236	ĐỖ KHÁNH HOÀNG	LPH001040	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	20/12/1995	Nam
237	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	LPH001184	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.60	31/07/1998	Nữ
238	ĐỖ PHƯƠNG LINH	LPH001489	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75	05/04/1998	Nữ
239	ĐỖ PHƯƠNG ĐÔNG	LPH000640	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.20	24/01/1998	Nam
240	ĐỖ THANH DƯƠNG	LPH000559	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	14/11/1998	Nam
241	ĐỖ THỊ LAN ANH	LPH000025	Toán: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 7.00	10/11/1997	Nữ
242	ĐỖ THỊ NHẬT LỆ	LPH001454	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.20	12/11/1998	Nữ
243	BÙI QUỲNH TRANG	LPH002753	Toán: 6.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.60 Sinh học: 4.20	03/02/1998	Nữ
244	BÙI THANH QUANG	LPH002181	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.00	11/08/1998	Nam
245	BÙI THỊ HẢI YẾN	LPH003130	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50	01/09/1998	Nữ
246	BÙI THỊ MỸ LINH	LPH001482	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Tiếng Anh: 4.73	19/02/1998	Nữ
247	BÙI THỊ TỔ UYÊN	LPH003018	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.75	04/11/1998	Nữ
248	BẠCH XUÂN CHIẾN	LPH000293	Ngữ văn: 0.50 Lịch sử: 0.00 Địa lí: 2.50	19/07/1997	Nam
249	DƯƠNG KHÁNH DUY	LPH000521	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25	01/06/1994	Nam
250	DƯƠNG THU HƯƠNG	LPH001257	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 5.98	17/01/1997	Nữ
251	VŨ THỊ GẦU	LPH000688	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.50	13/08/1998	Nữ
252	VŨ GIA ĐỨC	LPH000681	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.40	08/07/1998	Nam
253	VŨ HẢI YẾN	LPH003148	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 7.78	21/09/1998	Nữ
254	VŨ HỒNG KỶ	LPH001409	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.20	02/05/1997	Nam
255	VŨ HỮU TÀI	LPH002390	Toán: 7.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.60	07/02/1998	Nam
256	VŨ THẾ TÀI	LPH002391	Toán: 1.25 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.20 Địa lí: 4.25	20/08/1998	Nam
257	VŨ THỊ CHI	LPH000287	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.00 Địa lí: 3.50	03/07/1998	Nữ
258	VŨ THỊ HẢO	LPH000827	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.20	29/08/1998	Nữ
259	VŨ THỊ NAM	LPH001845	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	07/05/1997	Nữ
260	VŨ THỊ NHƯ	LPH002024	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50	13/04/1998	Nữ
261	VŨ VĂN LẬP	LPH001447	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.20	27/01/1998	Nam
262	VŨ ĐỨC HUY	LPH001181	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.40	01/11/1998	Nam
263	ĐÀO A SÓNG	LPH002326	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.75	03/02/1998	Nam
264	ĐÀO LY SƠN	LPH002329	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.20	15/09/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
265	ĐÀO THU HÀ	LPH000730	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.40 Sinh học: 6.00	18/06/1998	Nữ
266	ĐỖ DŨNG SỸ	LPH002381	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.40	08/11/1998	Nam
267	ĐỖ HẢI YẾN	LPH003132	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Sinh học: 3.00 Địa lí: 3.00	25/01/1998	Nữ
268	ĐỖ LAN ANH	LPH000023	Toán: 7.25 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.80	15/11/1998	Nữ
269	BÀN VĂN TIẾN	LPH002718	Toán: 6.75 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 3.98	16/03/1997	Nam
270	BÀN VŨ HOÀNG	LPH001036	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25	06/09/1998	Nam
271	BÙI BÍCH HỢP	LPH001097	Toán: 6.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.20	01/05/1998	Nữ
272	BÙI MINH HẬU	LPH000856	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.00	25/06/1998	Nữ
273	BÙI NGỌC LÂM	LPH001435	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.20	27/12/1998	Nam
274	BÙI NGỌC ÁNH	LPH000175	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.75	19/07/1998	Nữ
275	BÙI SĨ THÀNH	LPH002446	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00	26/08/1998	Nam
276	BÙI THU THẢO	LPH002474	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20	16/03/1998	Nữ
277	BÙI THỊ DOAN	LPH000440	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.50	21/10/1998	Nữ
278	BÙI THỊ NGỌC	LPH001906	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 5.80	04/07/1998	Nữ
279	BÙI THỊ NGỌC	LPH001907	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.20	30/12/1998	Nữ
280	BÙI THỊ NHÀI	LPH001968	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.00 Địa lí: 2.50	21/05/1998	Nữ
281	BÙI TUẤN ANH	LPH000015	Toán: 6.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.80	29/08/1998	Nam
282	BÙI TUẤN LÂM	LPH001436	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 9.00	06/01/1998	Nam
283	BÙI VĂN LINH	LPH001483	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.60	21/04/1998	Nam
284	BÙI VĂN PHÚC	LPH002097	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80	21/05/1998	Nam
285	BÙI XUÂN DUY	LPH000520	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 2.40 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00	15/08/1998	Nam
286	BÙI XUÂN HẢI	LPH000765	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25	26/12/1997	Nam
287	TRẦN THỊ NGÀ	LPH001867	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75	11/11/1998	Nữ
288	TRẦN THỊ THU	LPH002635	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.20	06/02/1998	Nữ
289	TRẦN THỊ VÂN	LPH003044	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25	16/09/1998	Nữ
290	TRẦN THỊ ÁNH	LPH000197	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.40	01/01/1998	Nữ
291	TRẦN VĂN KHA	LPH001332	Toán: 2.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.80	01/12/1993	Nam
292	TRẦN VĂN MÙI	LPH001787	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50	04/02/1997	Nam
293	TRẦN VĂN TÂM	LPH002407	Toán: 7.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.80	12/06/1998	Nam
294	TRẦN VĂN ĐỨC	LPH000679	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Địa lí: 3.25	09/02/1998	Nam
295	TRẦN ĐỨC ANH	LPH000145	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.60	14/02/1998	Nam
296	TRẦN ĐỨC LỢI	LPH001632	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	23/10/1998	Nam
297	TÔ HOÀNG NAM	LPH001837	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 7.20	22/12/1998	Nam
298	TÔ LAN HƯƠNG	LPH001292	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 4.75	15/02/1997	Nữ
299	TÔ THÀNH NAM	LPH001838	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.80	07/12/1998	Nam
300	TÔ TIẾN DŨNG	LPH000511	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80	03/09/1998	Nam
301	TÔ VĂN TRỌNG	LPH002847	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00	19/02/1992	Nam
302	TẠ MINH TUẤN	LPH002951	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.20	26/10/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
303	TẠ THÙY LINH	LPH001566	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00	10/02/1998	Nữ
304	TẠ VĂN THUẬN	LPH002644	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Tiếng Anh: 3.33	12/01/1998	Nam
305	LINH THU HOÀI	LPH001014	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	18/09/1998	Nữ
306	LỖ MINH THÀNH	LPH002453	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.75	14/02/1998	Nam
307	LỤC PHÚC TUẤN	LPH002926	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20	02/05/1998	Nam
308	LỤC THÙY LINH	LPH001514	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 4.03	23/10/1998	Nữ
309	LỤC THỊ DUYỀN	LPH000541	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 3.80 Sinh học: 3.40 Địa lí: 4.00	01/12/1998	Nữ
310	LỤC THỊ NGOAN	LPH001904	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00	26/01/1998	Nữ
311	LỤC VĂN HƯỚNG	LPH001319	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50	29/03/1996	Nam
312	MAI NGỌC LONG	LPH001612	Toán: 4.75 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.00	26/02/1997	Nam
313	MAI THỊ NHUNG	LPH002005	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 1.80	30/01/1998	Nữ
314	MAI THỊ TRANG	LPH002783	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.60	23/01/1998	Nữ
315	MAI VĂN NGHĨA	LPH001893	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.20	15/03/1995	Nam
316	MAI ĐÌNH TUẤN	LPH002911	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 1.75	10/06/1995	Nam
317	MÀ THỊ NGUYỆT	LPH001955	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.60	28/01/1998	Nữ
318	MỪNG ĐỨC ĐIẾP	LPH000631	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00	12/08/1998	Nam
319	MỘC VĂN CHINH	LPH000310	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25	27/02/1997	Nam
320	NGUYỄN ANH TÚ	LPH002899	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 8.33	15/12/1998	Nam
321	NGUYỄN ANH TÚ	LPH002900	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	20/02/1998	Nam
322	NGUYỄN HỮU AN	LPH000008	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.00	15/08/1993	Nam
323	ĐOÀN TIẾN ANH	LPH000034	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.40	01/02/1998	Nam
324	ĐOÀN VIỆT ANH	LPH000035	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 7.73	02/12/1998	Nam
325	ĐOÀN VĂN TẶNG	LPH002395	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00	04/01/1998	Nam
326	ĐOÀN XUÂN NAM	LPH001810	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 5.00	20/03/1998	Nam
327	ĐÀM HỮU GIANG	LPH000695	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 4.43	14/02/1998	Nam
328	ĐÀO DUY KHIÊM	LPH001364	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.60	13/12/1998	Nam
329	ĐÀO HOÀNG YẾN	LPH003133	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.00	08/05/1998	Nữ
330	ĐÀO HỮU THẮNG	LPH002543	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.63	06/05/1998	Nam
331	ĐÀO LAN HƯƠNG	LPH001259	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 Tiếng Anh: 3.28	15/05/1998	Nữ
332	ĐÀO MINH HIẾU	LPH000940	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 4.00	01/01/1998	Nam
333	ĐÀO NGỌC MINH	LPH001761	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 9.00 Địa lí: 6.25	31/01/1998	Nam
334	ĐÀO QUANG SƠN	LPH002330	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75	26/02/1998	Nam
335	ĐÀO THANH MAI	LPH001686	Toán: 9.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 9.60 Sinh học: 9.80	02/01/1998	Nữ
336	ĐÀO THU TRANG	LPH002764	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25	30/12/1998	Nữ
337	ĐÀO THỊ HUYỀN	LPH001229	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 7.25 Tiếng Anh: 4.30	22/09/1998	Nữ
338	ĐÀO THỊ HƯƠNG	LPH001260	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 8.63	21/12/1998	Nữ
339	ĐÀO THỊ TRANG	LPH002763	Toán: 2.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 7.50 Tiếng Anh: 2.63	04/03/1998	Nữ
340	NGUYỄN VĂN TRỤ	LPH002848	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.50	20/06/1994	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
341	NGUYỄN VĂN ĐẠI	LPH000594	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80	02/05/1998	Nam
342	NGUYỄN VĂN ĐẠT	LPH000614	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.60	03/06/1998	Nam
343	NGUYỄN VĂN ĐẠT	LPH000615	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.20	17/07/1998	Nam
344	NGUYỄN VĂN ĐẠT	LPH000616	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50	23/05/1998	Nam
345	NGUYỄN VĂN ĐỨC	LPH000668	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75	06/07/1998	Nam
346	NGUYỄN XUÂN VŨ	LPH003089	Toán: 2.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.20	10/09/1993	Nam
347	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	LPH003086	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	23/12/1998	Nam
348	NGUYỄN ĐỨC ANH	LPH000080	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 4.20	18/09/1998	Nam
349	NGUYỄN ĐỨC ANH	LPH000081	Toán: 5.75 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.20 Tiếng Anh: 2.63	25/04/1997	Nam
350	NGUYỄN ĐỨC DUY	LPH000530	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 3.63	14/06/1998	Nam
351	NGUYỄN ĐỨC DUY	LPH000531	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.60	14/09/1998	Nam
352	NGUYỄN ĐỨC HUY	LPH001166	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.00	04/10/1998	Nam
353	NGUYỄN ĐỨC HẢI	LPH000782	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	07/02/1998	Nam
354	NGUYỄN ĐỨC TÂM	LPH002404	Toán: 0.50 Ngữ văn: 3.50 Tiếng Anh: 3.35	25/06/1995	Nam
355	NGÔ THU PHƯƠNG	LPH002131	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.60	18/07/1998	Nữ
356	NGÔ THU PHƯƠNG	LPH002132	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.80 Sinh học: 5.40	23/09/1998	Nữ
357	NGÔ TIẾN THÀNH	LPH002457	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 5.60	21/06/1998	Nam
358	NGUYỄN VĂN XANH	LPH003105	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	17/04/1998	Nam
359	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	LPH000643	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.20 Địa lí: 3.50	06/02/1996	Nam
360	NGUYỄN XUÂN BẮC	LPH000215	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.00	19/03/1994	Nam
361	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	LPH001625	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00	19/07/1998	Nam
362	NGUYỄN ĐĂNG HẢI	LPH000781	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.40 Sinh học: 7.00	18/07/1998	Nam
363	NGUYỄN ĐẠI HIỆP	LPH000925	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	06/08/1998	Nam
364	NGUYỄN ĐẮC HIỆP	LPH000924	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 3.45	08/05/1998	Nam
365	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	LPH001725	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.40 Sinh học: 7.20	10/01/1998	Nam
366	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	LPH001726	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.40	16/05/1998	Nam
367	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	LPH001727	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00	24/12/1998	Nam
368	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	LPH002741	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00	15/01/1997	Nam
369	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	LPH002940	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.60	10/03/1998	Nam
370	NGUYỄN ĐỨC VINH	LPH003070	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.00	19/04/1998	Nam
371	NGUYỄN ĐỨC VINH	LPH003071	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00	22/03/1998	Nam
372	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	LPH003059	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75	29/12/1995	Nam
373	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	LPH003060	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 7.60	30/09/1998	Nam
374	NGÔ CAO SƠN HẢI	LPH000779	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.20	11/08/1998	Nam
375	ĐỖ TIẾN CỬ	LPH000375	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 6.83	14/11/1998	Nam
376	ĐỖ VĂN HỘI	LPH001074	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 2.73	24/06/1998	Nam
377	ĐỖ VĂN ĐỨC	LPH000649	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 6.48	02/11/1998	Nam
378	ẤU THỊ HUỆ	LPH001117	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75	05/12/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
379	BÀN THỊ DẦN	LPH000409	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.00	05/03/1998	Nữ
380	BÀN THỊ NẤY	LPH001850	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.20	01/01/1998	Nữ
381	BÙI KIM YẾN	LPH003129	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 5.60 Sinh học: 3.60	14/02/1998	Nữ
382	BÙI ĐỨC ANH	LPH000009	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.75	20/05/1998	Nam
383	CAO HẢI YẾN	LPH003131	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.40	10/09/1998	Nữ
384	CAO VĂN HẢI	LPH000766	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50	25/08/1998	Nam
385	CHẢO LÃO TẢ	LPH002384	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25	13/12/1998	Nam
386	CHẢO LÃO TẢ	LPH002385	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.40	15/05/1998	Nam
387	CHẢO LÃO TẢ	LPH002386	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 5.80	16/07/1998	Nam
388	CHẢO LÃO TẢ	LPH002387	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00	20/12/1991	Nam
389	CHẢO LỖ MÂY	LPH001740	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00	18/07/1998	Nữ
390	ĐỖ MINH TÚ	LPH002893	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00	24/10/1994	Nam
391	CHẢO TẢ MÂY	LPH001741	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.25	07/01/1998	Nữ
392	CHẢO TẢ MÂY	LPH001742	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25	14/02/1998	Nữ
393	CAO HẢI LINH	LPH001484	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	02/10/1998	Nam
394	CAO NGỌC ANH	LPH000016	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.00	08/10/1998	Nữ
395	CAO THỊ THOA	LPH002601	Toán: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.20	02/05/1997	Nữ
396	CAO THỊ THUỶ	LPH002655	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.60	28/06/1998	Nữ
397	CHU PHÚ NHÂN	LPH001972	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.20	01/12/1998	Nam
398	CHU VIỆT ANH	LPH000019	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.00	12/07/1998	Nam
399	CHU VĂN VINH	LPH003068	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00	04/10/1998	Nam
400	CHẢO LÃO PẾT	LPH002062	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00	06/08/1997	Nam
401	CHẢO NGÀ MÙI	LPH001788	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.80	22/04/1998	Nữ
402	CHẤU PÁO LÊN	LPH001458	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80	17/04/1998	Nữ
403	DÌ THỊ HUYỀN	LPH001182	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.50	30/08/1998	Nữ
404	DÌ XUÂN HỒNG	LPH001075	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 4.73	06/04/1998	Nữ
405	DƯ MINH HẰNG	LPH000829	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 6.80	23/09/1998	Nữ
406	DƯƠNG ĐỨC ĐỖ	LPH000639	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.40	15/05/1998	Nam
407	GIÀNG A BÌNH	LPH000236	Toán: 4.00 Ngữ văn: 2.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.60	18/11/1997	Nam
408	GIÀNG A KHAY	LPH001362	Toán: 1.75 Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.75	01/03/1998	Nam
409	GIÀNG A LONG	LPH001608	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50	12/03/1998	Nam
410	GIÀNG A SỪNG	LPH002370	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 3.33	25/01/1998	Nam
411	TẤN MÙI LIÊU	LPH001474	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25	02/05/1998	Nữ
412	TẤN MÂY CHÂU	LPH000270	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25	20/02/1998	Nữ
413	TẤN MÂY KIỂM	LPH001381	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.08	10/03/1998	Nữ
414	TẤN MÂY NHÂN	LPH001971	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75	11/12/1998	Nữ
415	TẤN THỊ HIỆP	LPH000931	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75	09/02/1998	Nữ
416	TỪ QUANG HUY	LPH001177	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.60	22/04/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
417	VI THỊ GIANG	LPH000716	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	04/09/1998	Nữ
418	VI THỊ THOAN	LPH002606	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.60 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 1.75	11/12/1998	Nữ
419	VÀNG A THÀNH	LPH002471	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.60 Sinh học: 3.00	15/07/1998	Nam
420	VÀNG DỪNG TỶ	LPH003017	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50	13/10/1998	Nữ
421	VÀNG MÙI CỎI	LPH000355	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.40	23/02/1998	Nữ
422	VÀNG SAN MỸ	LPH001752	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.20 Địa lí: 5.25	03/01/1998	Nữ
423	VÀNG SEO PHỦ	LPH002108	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.80	06/11/1998	Nam
424	VÀNG SEO SẾN	LPH002304	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.40	20/06/1998	Nam
425	VÀNG THỊ DỪA	LPH000449	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	17/02/1998	Nữ
426	TẦN CAO PHẪU	LPH002068	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25	19/01/1998	Nam
427	VÀNG THỊ KIM	LPH001400	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00	21/07/1998	Nữ
428	VÀNG THỊ MAI	LPH001707	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75	17/07/1998	Nữ
429	NGUYỄN THU HÀ	LPH000749	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.40 Tiếng Anh: 3.33	22/09/1998	Nữ
430	NGUYỄN THỊ HÀ	LPH000741	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 9.20 Tiếng Anh: 3.88	08/06/1998	Nữ
431	NGUYỄN THỊ HÀ	LPH000742	Toán: 5.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 3.53	16/08/1998	Nữ
432	NGUYỄN THỊ HÀ	LPH000764	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Địa lí: 4.75	12/07/1998	Nữ
433	NGUYỄN THỊ NỤ	LPH002032	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25	25/08/1998	Nữ
434	NGUYỄN THỊ TÚ	LPH002901	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.60	02/10/1998	Nữ
435	NGUYỄN THỊ VI	LPH003049	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00	02/11/1998	Nữ
436	NGUYỄN TRÀ MY	LPH001795	Toán: 7.75 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 7.00 Tiếng Anh: 3.25	21/04/1998	Nữ
437	NGUYỄN TỔ MAI	LPH001696	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 8.78	11/08/1998	Nữ
438	NGUYỄN TỔ NHƯ	LPH002023	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.25	05/10/1998	Nữ
439	NGUYỄN VĂN AN	LPH000007	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.00	19/08/1998	Nam
440	NGUYỄN VĂN HỒ	LPH001072	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75	09/04/1991	Nam
441	NGUYỄN VĂN TÚ	LPH002903	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.20	20/06/1998	Nam
442	NGUYỄN VŨ SƠN	LPH002347	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.40 Địa lí: 4.00	07/12/1998	Nam
443	NGÔ HUYỀN ANH	LPH000071	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 5.15	10/10/1998	Nữ
444	NGÔ MINH SÁNG	LPH002293	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50	20/10/1998	Nam
445	NGÔ NGỌC THƠM	LPH002613	Toán: 4.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.20	27/10/1998	Nữ
446	NGÔ VIỆT HÙNG	LPH001134	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.25	20/02/1995	Nam
447	ĐÀO TÙNG LINH	LPH001492	Toán: 8.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.60	07/10/1998	Nam
448	ĐÀO VĂN THẮNG	LPH002544	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	17/03/1998	Nam
449	ĐẶNG ANH TUẤN	LPH002921	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75	08/01/1998	Nam
450	ĐẶNG BÍCH HẬU	LPH000857	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	18/11/1998	Nữ
451	ĐẶNG MINH HUY	LPH001159	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.00	14/04/1998	Nam
452	ĐẶNG MINH HUẾ	LPH001103	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00	04/01/1998	Nữ
453	ĐẶNG NGỌC MAI	LPH001687	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25	10/10/1998	Nữ
454	ĐẶNG NGỌC ÁNH	LPH000176	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40	13/10/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
455	ĐẶNG PHÚC ĐỨC	LPH000651	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 5.60	26/07/1998	Nam
456	ĐẶNG THỊ HIỀN	LPH000877	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.20	09/07/1998	Nữ
457	ĐẶNG THỊ HẰNG	LPH000832	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.80	01/11/1998	Nữ
458	ĐẶNG THỊ THÙY	LPH002649	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	19/02/1998	Nữ
459	ĐẶNG THỊ THẢO	LPH002479	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 3.38	01/05/1998	Nữ
460	ĐẶNG THỊ THỦY	LPH002656	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75	02/07/1998	Nữ
461	ĐẶNG VIỆT BẮC	LPH000212	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 6.73	14/12/1998	Nam
462	ĐẶNG VĂN BÌNH	LPH000233	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25	07/08/1995	Nam
463	ĐẶNG VĂN BÌNH	LPH000234	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.50	27/09/1993	Nam
464	ĐẶNG VĂN HIỀN	LPH000887	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00	24/08/1993	Nam
465	NGÔ TRUNG HIẾU	LPH000954	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25	23/11/1998	Nam
466	NGÔ TRỌNG HIẾU	LPH000953	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.40	16/04/1998	Nam
467	NGÔ TÙNG DƯƠNG	LPH000568	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00	11/11/1998	Nam
468	NGÔ XUÂN TƯỜNG	LPH003016	Toán: 2.25 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.00	12/05/1989	Nam
469	NHƯ TIẾN QUỲNH	LPH002265	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75	17/03/1998	Nam
470	NÔNG THỊ DUYỀN	LPH000549	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.00	01/01/1998	Nữ
471	NÔNG THỊ GIANG	LPH000710	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 6.75 Tiếng Anh: 7.33	17/02/1998	Nữ
472	NÔNG THỊ NGOAN	LPH001905	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 6.03	10/03/1998	Nữ
473	NÔNG TIẾN HIẾU	LPH000965	Ngữ văn: 1.00 Lịch sử: 0.00 Địa lí: 1.25	25/07/1996	Nam
474	NÔNG VIỆT TOÀN	LPH002742	Toán: 7.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.80 Sinh học: 5.20	02/09/1998	Nam
475	NÔNG VĂN QUỲNH	LPH002249	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.80	26/02/1998	Nam
476	NÔNG VĂN QUYỀN	LPH002242	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.00	28/01/1998	Nam
477	NÔNG VĂN THẮNG	LPH002558	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.00	15/08/1998	Nam
478	NÔNG VĂN VƯƠNG	LPH003100	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 2.40 Sinh học: 5.20 Địa lí: 3.00	10/10/1998	Nam
479	NÔNG XUÂN GIAO	LPH000720	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.40	28/06/1998	Nam
480	NÙNG THỊ PHIẾU	LPH002073	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	12/04/1998	Nữ
481	NÙNG THỊ TƯƠNG	LPH003013	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.00	07/08/1998	Nữ
482	DƯƠNG THÙY LINH	LPH001485	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	15/10/1998	Nữ
483	DƯƠNG THÙY LOAN	LPH001586	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 2.10	06/08/1998	Nữ
484	DƯƠNG THỊ NHUNG	LPH001994	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.20 Sinh học: 4.80	06/08/1998	Nữ
485	DƯƠNG VĂN THANH	LPH002428	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.50	27/08/1995	Nam
486	GIÀNG CHÁ THẮNG	LPH002546	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00	12/09/1998	Nam
487	GIÀNG SEO HƯỜNG	LPH001318	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.60	20/08/1998	Nam
488	GIÀNG SEO QUẢNG	LPH002205	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.25	21/04/1996	Nam
489	GIÀNG SEO THẮNG	LPH002547	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.60	16/10/1998	Nam
490	GIÀNG SEO TRẮNG	LPH002834	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.60	15/08/1998	Nam
491	GIÀNG THỊ CHIÊN	LPH000291	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25	04/08/1998	Nữ
492	GIÀNG THỊ QUYÊN	LPH002230	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.40	04/06/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
493	GIÀNG TRẠCH DÂN	LPH000408	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00	04/06/1998	Nam
494	HOÀNG ANH QUYỀN	LPH002236	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25	29/05/1998	Nam
495	HOÀNG BÍCH VIỆT	LPH003055	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	21/10/1998	Nữ
496	HOÀNG BẢO TRUNG	LPH002852	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 4.10	15/04/1997	Nam
497	HOÀNG ĐIỀU LINH	LPH001503	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 6.45	24/06/1998	Nữ
498	HOÀNG DUY KHÁNH	LPH001342	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00	09/10/1998	Nam
499	HOÀNG DUY PHONG	LPH002080	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60 Tiếng Anh: 4.05	19/08/1998	Nam
500	CỦ ANH TUẤN	LPH002919	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.00	19/10/1990	Nam
501	CƯ SEO SẼNH	LPH002306	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50	15/01/1997	Nam
502	CƯ THỊ CHAO	LPH000262	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.80	24/04/1998	Nữ
503	CỔ THỊ HIỀN	LPH000876	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.25	04/03/1998	Nữ
504	CỔ THỊ THÍM	LPH002591	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	15/09/1998	Nữ
505	GIÀNG A CHÔ	LPH000319	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.80	09/01/1998	Nam
506	GIÀNG A LAI	LPH001414	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 4.60	19/06/1998	Nam
507	GIÀNG A LÌN	LPH001479	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	09/07/1995	Nam
508	GIÀNG A LÚA	LPH001636	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 5.60	21/01/1997	Nam
509	GIÀNG A NGA	LPH001856	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.20 Sinh học: 4.20	27/02/1998	Nam
510	GIÀNG A PAO	LPH002054	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 3.20	05/04/1998	Nam
511	GIÀNG A TRỪ	LPH002865	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.20	03/10/1998	Nam
512	HÀ KIỀU ANH	LPH000037	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 3.00	06/10/1998	Nữ
513	HÀ MINH ĐỨC	LPH000652	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 3.40	23/10/1998	Nam
514	HÀ THU THỦY	LPH002657	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50	19/04/1997	Nữ
515	HÀ THÁI SƠN	LPH002332	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.80	03/12/1998	Nam
516	HÀ THỊ DUNG	LPH000457	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.00	22/05/1998	Nữ
517	HÀ VIỆT TRỮ	LPH002866	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.75	01/11/1995	Nam
518	GIÀNG A VĨNH	LPH003078	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	07/11/1997	Nam
519	GIÀNG SEO CÙ	LPH000368	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60	03/07/1998	Nam
520	GIÀNG SEO CỔ	LPH000357	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75	02/08/1998	Nam
521	GIÀNG SEO HỒ	LPH001070	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.50	20/01/1987	Nam
522	GIÀNG SEO KÝ	LPH001410	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.80 Sinh học: 3.20	20/03/1998	Nam
523	GIÀNG SEO VƯ	LPH003095	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50	20/11/1998	Nam
524	GIÀNG SEO XÀ	LPH003104	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50	03/06/1998	Nam
525	GIÀNG THỊ CÚ	LPH000370	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25	16/06/1998	Nữ
526	GIÀNG THỊ DÍ	LPH000413	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	07/10/1998	Nữ
527	GIÀNG THỊ DỠ	LPH000445	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.25	07/09/1998	Nữ
528	GIÀNG THỊ KE	LPH001331	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.00	08/06/1998	Nữ
529	GIÀNG THỊ RỄ	LPH002278	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 2.98	04/05/1998	Nữ
530	GIÀNG THỊ SI	LPH002313	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 2.35	20/08/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
531	GIÀNG THỊ VỂ	LPH003047	Toán: 3.50 Ngữ văn: 2.50 Hóa học: 3.60 Sinh học: 3.80	09/04/1998	Nữ
532	GIÁP VĂN NAM	LPH001811	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 3.75	15/12/1994	Nam
533	HOA THỊ ĐIẾP	LPH000629	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.75	26/10/1998	Nữ
534	HOÀNG SEO VU	LPH003080	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00	15/09/1998	Nam
535	HOÀNG THẾ VŨ	LPH003084	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 4.00	13/08/1998	Nam
536	VÀNG THỊ MẾN	LPH001757	Toán: 0.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25	16/10/1998	Nữ
537	VÀNG THỊ NƠI	LPH002031	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	27/08/1998	Nữ
538	VÀNG THỊ THU	LPH002636	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.00	04/09/1998	Nữ
539	VÀNG VĂN HỢP	LPH001099	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 3.60 Sinh học: 4.40	21/05/1998	Nam
540	VÀNG VĂN SƠN	LPH002360	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	22/01/1998	Nam
541	VÀNG VĂN ĐẠT	LPH000621	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.00	05/02/1998	Nam
542	VÀNG VĂN ĐỨC	LPH000680	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50	15/11/1998	Nam
543	VÀNG ĐỨC THẾ	LPH002569	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Sinh học: 3.20 Địa lí: 3.00	28/03/1997	Nam
544	VÙI THỊ THOA	LPH002603	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	22/06/1998	Nữ
545	VĂN ANH TUẤN	LPH002958	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.00	19/06/1992	Nam
546	VŨ BIÊN THÙY	LPH002654	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	28/11/1998	Nữ
547	VŨ DIỆU THÙY	LPH002647	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.60	01/04/1998	Nữ
548	VŨ DUY KHÁNH	LPH001358	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 7.40	01/09/1998	Nam
549	VŨ GIANG NAM	LPH001844	Ngữ văn: 0.00 Lịch sử: 1.25	02/11/1988	Nam
550	VŨ HOÀNG ANH	LPH000170	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00	05/09/1995	Nam
551	VŨ HỒNG DIỄN	LPH000419	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	23/08/1995	Nam
552	VŨ HỒNG THỦY	LPH002672	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	28/11/1998	Nữ
553	VŨ KHÁNH DUY	LPH000539	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.00	10/02/1996	Nam
554	NGÔ VĂN HUỖNH	LPH001238	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25	12/02/1997	Nam
555	NGÔ VĂN NGHĨA	LPH001895	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60	14/10/1998	Nam
556	NGÔ XUÂN TÙNG	LPH002971	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 3.20	09/07/1998	Nam
557	NGÔ ĐỨC NGHĨA	LPH001894	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 9.40 Hóa học: 6.60 Tiếng Anh: 3.05	01/12/1998	Nam
558	NGẢI SEO CHẨN	LPH000267	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.40	15/01/1996	Nam
559	NGẢI THỊ LIÊN	LPH001469	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.00	20/10/1998	Nữ
560	NÔNG HỒNG SƠN	LPH002348	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25	16/05/1998	Nam
561	NÔNG NGỌC SƠN	LPH002350	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.00	13/10/1997	Nam
562	NÔNG QUỐC ĐẠT	LPH000617	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Địa lí: 4.00	30/07/1998	Nam
563	NÔNG THỊ HUẤN	LPH001101	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25	14/09/1997	Nữ
564	NÔNG THỊ HẠNH	LPH000812	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50	11/02/1998	Nữ
565	NÔNG THỊ HẠNH	LPH000813	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	13/08/1998	Nữ
566	NÔNG THỊ HỒNG	LPH001091	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25	11/01/1998	Nữ
567	NÔNG THỊ OANH	LPH002047	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	15/10/1998	Nữ
568	NÔNG THỊ THẢO	LPH002513	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.00	16/07/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
569	NÔNG THỊ TIẾP	LPH002732	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75	11/08/1998	Nữ
570	NÔNG VĂN HOÀN	LPH001029	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50	27/02/1998	Nam
571	NÔNG ĐỨC VIỆT	LPH003062	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50	27/09/1998	Nam
572	ĐẶNG VĂN MÀNH	LPH001715	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00	06/08/1998	Nam
573	ĐẶNG VĂN QUÂN	LPH002209	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	01/07/1998	Nam
574	ĐẶNG VĂN TOÀN	LPH002740	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25	14/02/1995	Nam
575	ĐẶNG ĐỨC MẠNH	LPH001720	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.40 Tiếng Anh: 6.03	09/08/1998	Nam
576	ĐỖ DUY KHƯƠNG	LPH001378	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.80	29/10/1998	Nam
577	ĐỖ HOÀNG HIỆP	LPH000915	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50	31/10/1990	Nam
578	ĐỖ HUYỀN THẢO	LPH002476	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.40	02/08/1998	Nữ
579	ĐỖ HỒNG KHANH	LPH001335	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.80 Địa lí: 3.75	08/04/1998	Nam
580	ĐỖ KHÁNH LINH	LPH001487	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 7.20 Sinh học: 7.00	29/07/1998	Nữ
581	ĐỖ MINH HƯỜNG	LPH001316	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 6.80 Sinh học: 4.60	10/06/1998	Nam
582	ĐỖ MINH TRANG	LPH002760	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 2.13	20/10/1997	Nữ
583	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	LPH000382	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.40	03/05/1998	Nam
584	ĐỖ NGỌC HOÀNG	LPH001041	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 5.40	18/05/1998	Nam
585	ĐỖ NGỌC HUYỀN	LPH001185	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.60 Hóa học: 3.60	22/07/1998	Nữ
586	ĐỖ NGỌC QUANG	LPH002182	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00	28/01/1998	Nam
587	ĐỖ QUỐC KHÁNH	LPH001340	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.40	02/09/1998	Nam
588	ĐỖ THU PHƯƠNG	LPH002112	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 3.00	23/07/1998	Nữ
589	ĐỖ THÚY QUỲNH	LPH002252	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.00 Địa lí: 4.75	27/11/1998	Nữ
590	NÚNG ĐỨC QUYỀN	LPH002243	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75	19/06/1998	Nam
591	PHAN HỒNG PHÚC	LPH002099	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25	12/04/1997	Nam
592	PHAN THÙY LINH	LPH001552	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00	13/03/1998	Nữ
593	PHAN THỊ CHINH	LPH000311	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 5.20	20/08/1998	Nữ
594	PHAN THỊ CHÍNH	LPH000316	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.00	02/02/1998	Nữ
595	PHAN THỊ QUỲNH	LPH002267	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 7.45	03/07/1998	Nữ
596	PHAN THỊ THOAN	LPH002605	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25	15/06/1998	Nữ
597	PHAN TIẾN MẠNH	LPH001732	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40	07/05/1998	Nam
598	PHAN VĂN TRUNG	LPH002859	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	22/07/1998	Nam
599	PHẦN THIÊN HẢI	LPH000790	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00	13/11/1998	Nam
600	PHÍ QUỐC THỊNH	LPH002596	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 7.20 Sinh học: 6.00	21/02/1998	Nam
601	PHÙNG CẢO PHÂY	LPH002069	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.00	12/05/1998	Nam
602	PHÙNG THẾ DŨNG	LPH000508	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.00	28/09/1998	Nam
603	PHÙNG THỊ HIỀN	LPH000880	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75	10/01/1998	Nữ
604	PHÙNG TÂN TIẾN	LPH002727	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	14/01/1998	Nam
605	PHẠM BÍCH NGỌC	LPH001930	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.00	16/08/1998	Nữ
606	PHẠM DUY LƯỢNG	LPH001658	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00	20/11/1992	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
607	PHAM HOÀNG ĐẠT	LPH000618	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 5.00	15/06/1998	Nam
608	HOÀNG DUY THANH	LPH002435	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.00	05/05/1998	Nam
609	HOÀNG HUY THIỄN	LPH002579	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.60	22/12/1998	Nam
610	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	LPH002119	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 3.88	06/05/1998	Nữ
611	HOÀNG MAI HUYỀN	LPH001192	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	15/10/1998	Nữ
612	HOÀNG MINH HIẾU	LPH000945	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50	21/06/1997	Nam
613	HOÀNG MINH NGỌC	LPH001913	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.60	17/06/1998	Nam
614	HOÀNG NGỌC MỊCH	LPH001758	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50	23/10/1995	Nam
615	HOÀNG PHÚ QUYỀN	LPH002237	Toán: 3.25 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 2.60	23/01/1998	Nam
616	HOÀNG QUỐC HIỆP	LPH000919	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	14/12/1998	Nam
617	HOÀNG QUỐC THÁI	LPH002417	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25	12/06/1996	Nam
618	HOÀNG SEO QUANG	LPH002188	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.80	15/06/1998	Nam
619	HOÀNG THANH LÂM	LPH001439	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00	16/07/1998	Nam
620	HOÀNG THU TRANG	LPH002769	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 4.60	02/03/1998	Nữ
621	HOÀNG THU TRANG	LPH002770	Toán: 0.25 Ngữ văn: 4.50 Sinh học: 3.80 Địa lí: 4.25	20/11/1998	Nữ
622	HOÀNG THÀNH ĐẠT	LPH000605	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75	15/11/1998	Nam
623	HOÀNG THÀNH ĐẠT	LPH000606	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.40	17/05/1998	Nam
624	HOÀNG THÁI DĂNG	LPH000411	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75	11/02/1998	Nam
625	HOÀNG THÙY DUNG	LPH000460	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 3.08	05/11/1998	Nữ
626	HÀ VĂN DŨNG	LPH000487	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.00	15/01/1998	Nam
627	HÀN VĂN ANH	LPH000039	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 6.00	13/08/1998	Nữ
628	HÙ VĂN HIẾU	LPH000948	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.60	08/01/1996	Nam
629	HÀNG THỊ CÁ	LPH000255	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.50	01/01/1998	Nữ
630	HÀNG THỊ DÍ	LPH000414	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.83	08/03/1998	Nữ
631	HỒ ANH DŨNG	LPH000486	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	19/05/1995	Nam
632	HỒ HỮU MINH	LPH001764	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.50	17/04/1991	Nam
633	HỒ THỊ DUNG	LPH000456	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00	15/09/1998	Nữ
634	KIM VĂN HÀO	LPH000820	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.60	22/08/1998	Nam
635	LA CHÍ LUẬN	LPH001640	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 5.60 Sinh học: 5.20	12/03/1998	Nam
636	LA THỊ NGỌC	LPH001918	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25	04/06/1998	Nữ
637	LY SEO DỪNG	LPH000479	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.00	25/05/1995	Nam
638	LY SEO LỪNG	LPH001642	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.60	30/05/1998	Nam
639	LY SEO SÀNG	LPH002291	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50	02/08/1998	Nam
640	LY SEO SÁNG	LPH002292	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 5.60 Sinh học: 3.80	04/07/1997	Nam
641	HÀ VIỆT ĐỨC	LPH000653	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.60	25/03/1998	Nam
642	LY SEO SẾNH	LPH002310	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.25	18/05/1998	Nam
643	LY SEO VÀNG	LPH003029	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 6.00	27/08/1998	Nam
644	HOÀNG THỊ LỆ	LPH001456	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.75	26/12/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
645	HOÀNG THỊ LỖ	LPH001623	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50	25/06/1997	Nữ
646	HÀ HOÀNG ANH	LPH000036	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Địa lí: 5.00	28/08/1998	Nam
647	HÀ MẠNH TUẤN	LPH002923	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.20	24/03/1998	Nam
648	HÀ NGỌC HIỆP	LPH000918	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.00	04/10/1998	Nam
649	HÀ NGỌC HOÀN	LPH001023	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 8.25	09/11/1998	Nam
650	HÀ NGỌC HÙNG	LPH001122	Toán: 6.50 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.30	12/06/1998	Nam
651	HÀ NHẬT LINH	LPH001500	Toán: 8.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.00	22/12/1998	Nữ
652	HÀ PHAN KIẾN	LPH001384	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75	24/06/1998	Nam
653	HÀ THU GIANG	LPH000698	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 2.38	30/05/1998	Nữ
654	HÀ THU HƯƠNG	LPH001265	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50	11/04/1998	Nữ
655	HÀ THU HƯƠNG	LPH001306	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25	23/04/1998	Nữ
656	HÀ THỊ HƯƠNG	LPH001264	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.25	07/02/1998	Nữ
657	HÀ TUẤN LONG	LPH001609	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75	05/10/1994	Nam
658	HÀ VIỆT HÙNG	LPH001123	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 7.40	17/09/1998	Nam
659	HÀ VĂN CHINH	LPH000307	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75	20/11/1991	Nam
660	HÀ VĂN QUẢNG	LPH002204	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.50	16/02/1992	Nam
661	HÀ VĂN VƯƠNG	LPH003098	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	15/05/1998	Nam
662	VŨ KIM THUẬN	LPH002645	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 3.90	10/09/1998	Nam
663	VŨ KIỀU OANH	LPH002050	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 4.40	10/11/1998	Nữ
664	VŨ LƯƠNG BẮC	LPH000216	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00	16/10/1994	Nam
665	VŨ MINH THÚY	LPH002684	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.00	06/10/1997	Nữ
666	VŨ MINH TUẤN	LPH002960	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.20	07/05/1998	Nam
667	VŨ MINH TUẤN	LPH002961	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Địa lí: 4.25	08/06/1997	Nam
668	VŨ NGỌC BÁCH	LPH000205	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.80	05/11/1998	Nam
669	VŨ NGỌC DIỄM	LPH000417	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.00	12/02/1998	Nữ
670	VŨ THÀNH NAM	LPH001847	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.60	12/08/1998	Nam
671	VŨ THÀNH ĐẠT	LPH000623	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.80 Địa lí: 4.50	04/04/1998	Nam
672	VŨ THÙY DUNG	LPH000477	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 5.40	05/07/1998	Nữ
673	VŨ THỂ CHUNG	LPH000337	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.50	08/05/1995	Nam
674	VŨ THỊ DUYÊN	LPH000555	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.60	22/10/1998	Nữ
675	VŨ THỊ HUYỀN	LPH001225	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.20	10/05/1998	Nữ
676	VŨ THỊ NHUNG	LPH002022	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.25	01/10/1998	Nữ
677	VŨ THỊ TRANG	LPH002832	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.20 Tiếng Anh: 2.10	09/09/1997	Nữ
678	VŨ TIẾN DŨNG	LPH000518	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.40 Địa lí: 3.50	01/04/1997	Nam
679	VŨ VĂN HƯƠNG	LPH001322	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	15/01/1998	Nam
680	NÙNG THỊ LIÊM	LPH001464	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 6.20	27/01/1998	Nữ
681	NÙNG THỊ VINH	LPH003072	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.20	18/11/1998	Nữ
682	PHAN ANH KHOA	LPH001369	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.40	01/05/1995	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
683	PHAN BẢO LONG	LPH001619	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 2.38	15/01/1998	Nam
684	PHAN THỊ HẰNG	LPH000847	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50	25/03/1998	Nữ
685	PHAN THỊ THỦY	LPH002666	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.40	04/09/1998	Nữ
686	PHAN THỊ TRÚC	LPH002849	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00	11/02/1998	Nữ
687	PHAN TUẤN ANH	LPH000123	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Địa lí: 3.50	18/01/1998	Nam
688	PHAN VĂN BÌNH	LPH000242	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	18/07/1998	Nam
689	PHAN VĂN HƯNG	LPH001251	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.20	19/01/1998	Nam
690	PHAN VĂN TOÀN	LPH002743	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.60 Sinh học: 5.40	02/11/1998	Nam
691	PHẦN THỊ LINH	LPH001551	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25	01/10/1998	Nữ
692	PHẦN VĂN MINH	LPH001772	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.25	02/08/1994	Nam
693	PHÙNG HẢI NAM	LPH001834	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.50	31/12/1998	Nam
694	PHÙNG THỊ MAI	LPH001704	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	26/04/1998	Nữ
695	PHẠM ANH DŨNG	LPH000505	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.43	03/10/1998	Nam
696	PHẠM ANH TUẤN	LPH002948	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.20 Sinh học: 3.80	19/05/1998	Nam
697	ĐỖ TIẾN HƯỞNG	LPH001317	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.40	04/02/1998	Nam
698	ĐỖ TRUNG HIẾU	LPH000938	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.20	19/01/1998	Nam
699	ĐỖ TRUNG KIÊN	LPH001383	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	12/05/1998	Nam
700	ĐỖ VIỆT HOÀNG	LPH001043	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 3.13	06/08/1998	Nam
701	BÀN VĂN NGHIÊM	LPH001901	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75	06/06/1993	Nam
702	BÙI KHƯƠNG DUY	LPH000519	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	04/09/1998	Nam
703	BÙI LINH NHUNG	LPH001993	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.00	22/10/1996	Nữ
704	BÙI NGỌC HOÀNG	LPH001037	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.80	02/12/1998	Nam
705	BÙI NGỌC THẮNG	LPH002539	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 4.88	12/01/1998	Nam
706	BÙI PHONG TRẦN	LPH002837	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.80	26/01/1998	Nam
707	BÙI PHƯƠNG ANH	LPH000012	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.00	06/08/1998	Nữ
708	BÙI QUANG DŨNG	LPH000481	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.25	29/02/1995	Nam
709	BÙI THANH LONG	LPH001602	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.80 Hóa học: 8.40	27/04/1998	Nam
710	BÙI THANH TÙNG	LPH002963	Toán: 1.50 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 2.50	01/12/1998	Nam
711	BÙI THÀNH LONG	LPH001603	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 2.60 Địa lí: 2.75	06/08/1998	Nam
712	ĐỖ THỊ THU HÀ	LPH000728	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25	01/08/1998	Nữ
713	BÙI TRUNG NHẬT	LPH001980	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25	12/05/1995	Nam
714	BÙI TRƯỜNG NAM	LPH001806	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 2.25	05/12/1989	Nam
715	PHẠM HẢI DƯƠNG	LPH000576	Toán: 7.50 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 7.20 Sinh học: 7.60	01/02/1998	Nam
716	PHẠM HỒNG LINH	LPH001553	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.80	31/01/1998	Nữ
717	PHẠM HỒNG THÁI	LPH002419	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25	27/11/1994	Nam
718	PHẠM MINH HIẾU	LPH000966	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 3.60 Tiếng Anh: 4.03	30/09/1998	Nam
719	PHẠM MINH HÙNG	LPH001144	Toán: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.00	22/02/1996	Nam
720	PHẠM MINH THÙY	LPH002652	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	23/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
721	PHẠM MINH THẢO	LPH002514	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.80 Sinh học: 6.60	30/08/1998	Nữ
722	PHẠM MẠNH DŨNG	LPH000506	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.40	27/08/1998	Nam
723	PHẠM NGỌC TIẾN	LPH002724	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.40	08/07/1997	Nam
724	PHẠM NHƯ QUỲNH	LPH002269	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	29/05/1998	Nữ
725	PHẠM NHƯ QUỲNH	LPH002270	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40	29/06/1998	Nữ
726	PHẠM QUANG DUY	LPH000536	Toán: 2.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.20 Tiếng Anh: 3.13	13/02/1998	Nam
727	PHẠM QUANG HUY	LPH001175	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.20	04/08/1998	Nam
728	PHẠM QUANG HUY	LPH001176	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.20 Địa lí: 5.25	12/01/1998	Nam
729	PHẠM QUỲ DƯƠNG	LPH000578	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.40	08/04/1998	Nam
730	PHẠM QUỐC HƯNG	LPH001252	Toán: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 3.60	02/09/1997	Nam
731	PHẠM QUỐC VIỆT	LPH003063	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.00	22/09/1998	Nam
732	PHẠM THANH QUÝ	LPH002228	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 6.00	16/05/1997	Nam
733	HOÀNG THÙY DUNG	LPH000461	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75	30/09/1998	Nữ
734	HOÀNG THÙY LINH	LPH001510	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	12/08/1998	Nữ
735	HOÀNG THÚY TUYN	LPH003006	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50	19/11/1998	Nữ
736	HOÀNG THẢO LIÊN	LPH001468	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 6.20 Tiếng Anh: 3.55	06/09/1998	Nữ
737	HOÀNG THỊ DƯƠNG	LPH000562	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.80	01/04/1998	Nữ
738	HOÀNG THỊ HUYỀN	LPH001183	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	11/01/1998	Nữ
739	HOÀNG THỊ HUYẾN	LPH001227	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25	26/01/1998	Nữ
740	HOÀNG THỊ HƯƠNG	LPH001266	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75	06/04/1998	Nữ
741	HOÀNG THỊ HƯƠNG	LPH001267	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.75	09/04/1998	Nữ
742	HOÀNG THỊ HƯỜNG	LPH001307	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.40	24/08/1998	Nữ
743	HOÀNG THỊ NHIÊN	LPH001989	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.80	04/06/1998	Nữ
744	HOÀNG THỊ NHUNG	LPH001997	Toán: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.40	04/12/1997	Nữ
745	HOÀNG THỊ NHUNG	LPH001998	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Sinh học: 3.60 Địa lí: 4.75 Tiếng Trung: 2.75	15/10/1998	Nữ
746	HOÀNG THỊ THIỆP	LPH002588	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00	01/11/1998	Nữ
747	HOÀNG THỊ THIỆP	LPH002589	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.75	02/08/1998	Nữ
748	HOÀNG THỊ VƯƠNG	LPH003099	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.50	21/04/1998	Nữ
749	HOÀNG TRỌNG ĐỨC	LPH000655	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.60	13/10/1998	Nam
750	LY VĂN BÌNH	LPH000232	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00	26/09/1998	Nam
751	LÂM THỊ HOA	LPH000991	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 2.60 Địa lí: 3.25	06/11/1997	Nữ
752	LÂM THỊ HUẾ	LPH001104	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.60 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25	02/03/1998	Nữ
753	LÊ ANH TUẤN	LPH002927	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.00	12/11/1995	Nam
754	LÊ HUY HÙNG	LPH001127	Toán: 0.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25	15/07/1998	Nam
755	LÊ HỒNG SƠN	LPH002338	Toán: 1.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.40	26/04/1998	Nam
756	LÊ HỒNG ÁNH	LPH000182	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	07/08/1998	Nữ
757	LÊ LINH CHI	LPH000281	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 3.98	20/01/1998	Nữ
758	LÊ MINH THƯ	LPH002691	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50	21/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
759	LÊ NGỌC NAM	LPH001814	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 4.70	17/08/1998	Nam
760	LÊ NGỌC ÁNH	LPH000183	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 4.23	18/10/1998	Nữ
761	LÊ THU THẢO	LPH002488	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 4.75	11/07/1998	Nữ
762	LÊ THỊ HOÀI	LPH001013	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.20	01/01/1998	Nữ
763	LÊ THỊ HẰNG	LPH000839	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	30/01/1998	Nữ
764	LÊ THỊ THOA	LPH002602	Toán: 8.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 8.23	29/07/1998	Nữ
765	LÊ THỊ THẢO	LPH002487	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	02/08/1998	Nữ
766	LÊ THỊ THỦY	LPH002659	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.00	26/02/1998	Nữ
767	HÀ ĐÌNH HIẾU	LPH000944	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50	16/09/1995	Nam
768	HÀNG SEO PHỦ	LPH002107	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.60	01/09/1998	Nam
769	HÀNG SEO HÒA	LPH001005	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.40	05/07/1998	Nam
770	HỒ TÂN THÀNH	LPH002451	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75	11/08/1998	Nam
771	HỒ TÙNG BÁCH	LPH000203	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	29/10/1998	Nam
772	HỨA THỊ HIỀN	LPH000888	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00	01/10/1997	Nữ
773	KIM VĂN HƯNG	LPH001246	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 2.88	23/02/1998	Nam
774	LA DIỆP LINH	LPH001511	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 3.55	18/07/1998	Nữ
775	LA KIM KHÁNH	LPH001343	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 2.75	21/05/1998	Nữ
776	LA THẾ HUYNH	LPH001233	Toán: 8.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.60	10/06/1998	Nam
777	LA THỊ HUYỀN	LPH001230	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 2.60 Sinh học: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 4.25	08/10/1995	Nữ
778	LA THỊ PHONG	LPH002082	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75	07/02/1998	Nữ
779	LA THỊ THANH	LPH002438	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75	04/07/1998	Nữ
780	LA VĂN CHUNG	LPH000331	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.80	17/10/1998	Nam
781	LA VĂN QUANG	LPH002190	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	05/05/1998	Nam
782	LA VĂN QUYỀN	LPH002240	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50	12/03/1997	Nam
783	LÂM KIM THÚY	LPH002679	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50	17/02/1998	Nữ
784	LÂM THỊ HIỀN	LPH000892	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 2.78	17/11/1998	Nữ
785	VŨ ĐÌNH QUÂN	LPH002218	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.60	02/05/1998	Nam
786	VŨ ĐỨC DƯƠNG	LPH000585	Toán: 6.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.20	01/08/1998	Nam
787	VŨ ĐỨC THẮNG	LPH002563	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.40	16/05/1998	Nam
788	VŨ ĐỨC THỊNH	LPH002598	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.40	30/03/1998	Nam
789	VŨ ĐỨC TRUNG	LPH002863	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	07/07/1998	Nam
790	XÈN THỊ THÚY	LPH002687	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.60 Sinh học: 4.40	04/09/1998	Nữ
791	ỖN NGỌC LINH	LPH001550	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 2.80	21/10/1997	Nữ
792	ĐÌNH QUẾ LAN	LPH001418	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 1.63	11/10/1998	Nữ
793	ĐÌNH THỊ NGÀ	LPH001855	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 3.98	20/03/1998	Nữ
794	ĐÌNH VĂN DUY	LPH000522	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00	11/11/1998	Nam
795	ĐOÀN MỸ HẠNH	LPH000801	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Tiếng Anh: 4.65	14/10/1998	Nữ
796	ĐOÀN THỊ HẬU	LPH000858	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 6.60	02/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
797	ĐOÀN VĂN NAM	LPH001809	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.60 Hóa học: 4.20 Tiếng Anh: 1.88	28/09/1998	Nam
798	ĐOÀN VĂN ĐẠT	LPH000604	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80	07/09/1998	Nam
799	ĐÀM NHẬT HUY	LPH001156	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.40	09/12/1997	Nam
800	VŨ VĂN LƯƠNG	LPH001657	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	07/08/1998	Nam
801	ĐÀO ANH TUẤN	LPH002920	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.60	01/04/1998	Nam
802	PHẠM HẠNH HẢI	LPH000792	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 6.00	18/08/1998	Nam
803	PHẠM HẢI ĐĂNG	LPH000626	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	16/03/1995	Nam
804	PHẠM HỒNG QUÝ	LPH002227	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	04/02/1998	Nam
805	PHẠM HỒNG SƠN	LPH002351	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.20	29/06/1998	Nam
806	PHẠM MINH ANH	LPH000127	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 6.10	01/12/1998	Nữ
807	PHẠM NGỌC ÁNH	LPH000195	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 6.35	28/05/1998	Nữ
808	PHẠM QUANG VŨ	LPH003090	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40	03/02/1998	Nam
809	PHẠM THU HIỀN	LPH000905	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50	15/03/1998	Nữ
810	PHẠM THỊ HIỀN	LPH000879	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00	06/03/1998	Nữ
811	PHẠM THỊ HẠNH	LPH000814	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.50	11/01/1996	Nữ
812	PHẠM THỊ HẠNH	LPH000815	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.40	14/09/1998	Nữ
813	PHẠM THỊ HẠNH	LPH000816	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25	17/11/1998	Nữ
814	PHẠM THỊ HẠNH	LPH000817	Toán: 2.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75	21/05/1997	Nữ
815	PHẠM THỊ LINH	LPH001557	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50	04/04/1998	Nữ
816	PHẠM THỊ LIỄU	LPH001476	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.40	22/01/1998	Nữ
817	PHẠM THỊ NGÂN	LPH001883	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75	01/04/1998	Nữ
818	PHẠM THỊ NGÃY	LPH001885	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.20	17/11/1998	Nữ
819	PHẠM TIẾN THỌ	LPH002600	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.40	17/05/1998	Nam
820	BÙI TUYẾT NGÂN	LPH001875	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	08/03/1998	Nữ
821	BÙI TUẤN THÀNH	LPH002448	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.40	11/04/1998	Nam
822	BẠCH MINH TIẾN	LPH002719	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	20/02/1998	Nam
823	CAO PHƯƠNG YÊN	LPH003127	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.40	02/04/1998	Nữ
824	CAO QUANG MINH	LPH001759	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.80 Tiếng Anh: 7.78	22/01/1998	Nam
825	CAO THANH TUẤN	LPH002918	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.75	30/11/1990	Nam
826	CAO THÀNH VINH	LPH003067	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.40 Tiếng Anh: 5.38	16/11/1998	Nam
827	CAO VIỆT CƯỜNG	LPH000381	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25	16/10/1995	Nam
828	CAO VIỆT HOÀNG	LPH001038	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.40 Tiếng Anh: 7.90	31/03/1998	Nam
829	CAO XUÂN HUỖNH	LPH001236	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.00	09/04/1997	Nam
830	CHU NGỌC TRUNG	LPH002851	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25	02/10/1998	Nam
831	CHU XUÂN QUYÊN	LPH002235	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75	17/03/1998	Nam
832	CHẤU ĐỨC THẮNG	LPH002540	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75	07/12/1997	Nam
833	DƯƠNG HÀ TRANG	LPH002757	Toán: 7.75 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 6.23	03/02/1998	Nữ
834	DƯƠNG HÀ TRANG	LPH002758	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.40	26/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
835	DƯƠNG NHẬT NAM	LPH001807	Toán: 6.75 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.60	06/07/1997	Nam
836	DƯƠNG QUỐC BẢO	LPH000206	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.00	15/03/1998	Nam
837	DƯƠNG THU THÚY	LPH002673	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.20 Địa lí: 3.25	18/11/1998	Nữ
838	PHẠM THANH SƠN	LPH002352	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	26/06/1998	Nam
839	PHẠM THU HUYỀN	LPH001220	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	30/01/1998	Nữ
840	PHẠM THÁI BÌNH	LPH000243	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.00	14/09/1998	Nam
841	PHẠM THỊ DUYỄN	LPH000550	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 2.18	27/09/1998	Nữ
842	PHẠM THỊ GIANG	LPH000712	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	09/10/1997	Nữ
843	PHẠM THỊ GIANG	LPH000713	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50	10/12/1998	Nữ
844	PHẠM THỊ QUỲNH	LPH002271	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 7.50	11/03/1998	Nữ
845	PHẠM THỊ TRANG	LPH002814	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50	12/06/1998	Nữ
846	PHẠM THỊ TRANG	LPH002815	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50	16/08/1997	Nữ
847	PHẠM TIẾN DŨNG	LPH000507	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.20 Tiếng Anh: 7.28	02/09/1998	Nam
848	PHẠM TUẤN HIỆP	LPH000929	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 2.88	07/09/1998	Nam
849	PHẠM TUẤN LINH	LPH001562	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.40	06/08/1998	Nam
850	PHẠM TUẤN MINH	LPH001774	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.75	19/08/1995	Nam
851	PHẠM VĂN CHIẾN	LPH000296	Toán: 1.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.00 Địa lí: 3.50	13/01/1998	Nam
852	PHẠM VĂN CHUNG	LPH000335	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	03/11/1994	Nam
853	PHẠM VĂN HƯỚNG	LPH001325	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.40	19/05/1998	Nam
854	PHẠM VĂN KHÁNH	LPH001350	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.25	13/09/1998	Nam
855	PHẠM VĂN LƯƠNG	LPH001653	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.40	03/08/1998	Nam
856	HOÀNG TUẤN VIỆT	LPH003056	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	24/08/1997	Nam
857	HOÀNG VIỆT DŨNG	LPH000488	Toán: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.00	06/08/1997	Nam
858	HOÀNG VĂN CHIẾN	LPH000294	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.40	08/08/1998	Nam
859	HOÀNG VĂN CHUNG	LPH000330	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.50	10/03/1997	Nam
860	HOÀNG VĂN CHUẨN	LPH000327	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	01/09/1998	Nam
861	HOÀNG VĂN CHÁNH	LPH000261	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.60 Sinh học: 7.40	12/02/1998	Nam
862	HOÀNG VĂN CHÍNH	LPH000312	Toán: 0.25 Vật lí: 4.20 Hóa học: 2.80	20/05/1996	Nam
863	HOÀNG VĂN HƯỞNG	LPH001327	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.40	22/12/1998	Nam
864	HOÀNG VĂN KHOAN	LPH001373	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25	16/11/1998	Nam
865	HOÀNG VĂN KHOÁI	LPH001372	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50	03/11/1998	Nam
866	HOÀNG VĂN QUYỀN	LPH002238	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75	02/08/1995	Nam
867	HOÀNG VĂN QUYỀN	LPH002239	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 2.00	09/10/1995	Nam
868	HOÀNG VĂN THẮNG	LPH002550	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	27/09/1998	Nam
869	HOÀNG VĂN TRINH	LPH002839	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75	21/05/1998	Nam
870	HOÀNG XUÂN CÔNG	LPH000359	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 2.75	25/12/1994	Nam
871	HOÀNG XUÂN ĐỊNH	LPH000635	Toán: 0.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.60	14/11/1998	Nam
872	HOÀNG ĐỨC HUỲNH	LPH001237	Toán: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.80	02/01/1996	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
873	HOÀNG ĐỨC QUANG	LPH002185	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 4.00	17/05/1998	Nam
874	CƯ PHỪ	LPH002104	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.80 Hóa học: 2.60 Sinh học: 2.40 Địa lí: 4.25	05/03/1998	Nam
875	MA HÒA	LPH001007	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75	03/07/1998	Nam
876	CƯ A TÚ	LPH002892	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 3.40	10/08/1998	Nam
877	CƯ KHOA	LPH001366	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75	02/02/1997	Nam
878	HẦU CHỮ	LPH000349	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	05/07/1998	Nam
879	HỒ A SÚ	LPH002366	Toán: 0.25 Vật lí: 2.40 Hóa học: 3.20	09/04/1995	Nam
880	LY A CÙ	LPH000369	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.50	08/03/1994	Nam
881	LÙ A VŨ	LPH003085	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.20	06/02/1998	Nam
882	LÝ A DÍ	LPH000416	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75	05/03/1997	Nam
883	LÊ TRẦN ĐỨC	LPH000658	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.20	25/09/1998	Nam
884	LÊ VIỆT ANH	LPH000061	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	02/01/1998	Nam
885	LÊ VIỆT ANH	LPH000062	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75	28/05/1998	Nam
886	LÊ VĂN BIỂN	LPH000229	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	03/11/1994	Nam
887	LÊ VĂN HIẾU	LPH000950	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.00	01/08/1995	Nam
888	LÊ VĂN TUÂN	LPH002910	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.25	13/05/1994	Nam
889	LÊ VĂN TÙNG	LPH002970	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 2.80 Địa lí: 3.50	01/11/1997	Nam
890	LÊ VĂN ĐOÀN	LPH000637	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00	19/12/1993	Nam
891	LÊ ĐỨC DŨNG	LPH000490	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.00	16/11/1998	Nam
892	LÊ ĐỨC MẠNH	LPH001721	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.00	15/06/1998	Nam
893	LÊ ĐỨC NHÂN	LPH001973	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.40	08/11/1998	Nam
894	LÊ ĐỨC THẠO	LPH002528	Toán: 5.75 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.20	22/01/1997	Nam
895	LÒ VĂN HIỆP	LPH000920	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00 Tiếng Anh: 2.55	25/02/1998	Nam
896	LÒ VĂN HÙNG	LPH001130	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.20	04/11/1998	Nam
897	LÙ DIN LUNG	LPH001641	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 2.25	20/03/1994	Nam
898	LÊ THỊ TƯƠI	LPH003008	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 5.40	28/07/1998	Nữ
899	LÙ SEO LIÊM	LPH001463	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40	21/11/1998	Nam
900	LÙ THỊ HÌNH	LPH000980	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.20	17/10/1998	Nữ
901	LÂM THỊ HẰNG	LPH000836	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.80	11/07/1998	Nữ
902	LÃ HỒNG LOAN	LPH001593	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80	26/12/1998	Nữ
903	LÃ MẠNH HÙNG	LPH001126	Toán: 3.75 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 3.53	17/10/1997	Nam
904	LỀNG BÌNH ĐÔ	LPH000638	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25	01/04/1998	Nam
905	LỀNG THỊ HUẾ	LPH001105	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00	22/10/1998	Nữ
906	LÊ CÔNG DŨNG	LPH000489	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.25	26/08/1994	Nam
907	LÊ HUY HOÀNG	LPH001049	Toán: 8.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.00 Hóa học: 7.60	06/08/1998	Nam
908	LÊ HỮU THẮNG	LPH002551	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.80	12/01/1998	Nam
909	LÊ KHÁNH HÒA	LPH001006	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50	04/09/1993	Nam
910	LÊ MAI HƯƠNG	LPH001268	Toán: 2.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 5.25	23/11/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
911	LÊ MẠNH HÙNG	LPH001128	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	19/09/1998	Nam
912	LÊ NGỌC TUẤN	LPH002928	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.20	25/01/1998	Nam
913	LÊ THU HUYỀN	LPH001198	Toán: 5.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50 Tiếng Anh: 3.50	26/09/1998	Nữ
914	LÊ THU HƯƠNG	LPH001269	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.20 Địa lí: 3.50	21/12/1998	Nữ
915	LÊ THU HƯƠNG	LPH001270	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Trung: 5.98	27/11/1998	Nữ
916	LÊ THU TRANG	LPH002778	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.00 Tiếng Anh: 2.75	28/03/1998	Nữ
917	LÊ THÙY LINH	LPH001519	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 6.50	23/02/1998	Nữ
918	LÊ THỊ NHUNG	LPH002001	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 7.60	02/08/1998	Nữ
919	ĐÀO DUY MẠNH	LPH001718	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.20	28/08/1998	Nam
920	ĐÀO SẮC XOAN	LPH003112	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.80	30/05/1998	Nữ
921	ĐÀO TIẾN ĐẠT	LPH000602	Toán: 6.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 2.95	12/07/1998	Nam
922	ĐÀO TÚ THANH	LPH002431	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.40	09/12/1998	Nữ
923	ĐÀO XUÂN HẢI	LPH000770	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.25	10/04/1995	Nam
924	ĐÀO ĐỨC LONG	LPH001605	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75	25/08/1995	Nam
925	ĐẠI TUẤN HẢI	LPH000771	Toán: 9.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 9.00 Tiếng Anh: 5.85	22/05/1998	Nam
926	ĐẬU XUÂN DUY	LPH000523	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25	20/09/1996	Nam
927	ĐẶNG KIM ANH	LPH000028	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.20	29/10/1998	Nữ
928	ĐẶNG KIM HOA	LPH000985	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.75	27/05/1998	Nữ
929	ĐẶNG LONG AN	LPH000002	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 3.80	24/08/1998	Nam
930	ĐẶNG THỊ HOA	LPH000986	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	26/09/1998	Nữ
931	ĐẶNG THỊ HOA	LPH000987	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00	28/08/1998	Nữ
932	ĐẶNG THỊ HỢP	LPH001098	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 2.80	18/08/1998	Nữ
933	ĐẶNG THỊ MAI	LPH001688	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.60	22/03/1998	Nữ
934	ĐẶNG THỊ MÂY	LPH001736	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00	28/02/1998	Nữ
935	ĐẶNG THỊ NẤY	LPH001851	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.60	23/01/1998	Nữ
936	ĐẶNG THỊ TEO	LPH002415	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	26/05/1998	Nữ
937	PHẠM TUẤN ANH	LPH000134	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	21/07/1998	Nam
938	PHẠM TUẤN ANH	LPH000135	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50	25/09/1998	Nam
939	PHẠM TUẤN ANH	LPH000136	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 1.25	29/12/1995	Nam
940	PHẠM TUẤN ANH	LPH000137	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00	30/07/1998	Nam
941	PHẠM VĂN HIỆP	LPH000930	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.25	06/06/1994	Nam
942	PHẠM VĂN HÙNG	LPH001145	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.20	25/07/1998	Nam
943	PHẠM VĂN KIẾN	LPH001391	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 2.75	13/01/1998	Nam
944	PHẠM VĂN KIẾN	LPH001392	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.80	20/12/1998	Nam
945	PHẠM VĂN NGỌC	LPH001931	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80	23/04/1998	Nam
946	PHẠM VĂN NHẬT	LPH001977	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.60	13/03/1998	Nam
947	PHẠM VĂN NHẬT	LPH001983	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50	27/02/1990	Nam
948	PHẠM VĂN NINH	LPH002028	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25	09/08/1994	Nam

STT	HỌ_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
949	PHẠM VĂN TIẾN	LPH002725	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 4.75	08/08/1994	Nam
950	PHẠM VĂN TIẾN	LPH002726	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.80	26/08/1998	Nam
951	PHẠM VĂN TUÂN	LPH002913	Toán: 1.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.60 Địa lí: 4.25	26/06/1998	Nam
952	PHẠM VĂN TUẤN	LPH002949	Toán: 2.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.60	06/04/1998	Nam
953	PHẠM VĂN TÙNG	LPH002982	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.80	21/05/1998	Nam
954	PHẠM XUÂN SƠN	LPH002354	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 7.58	05/12/1998	Nam
955	DƯƠNG THỊ HẰNG	LPH000830	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.80 Sinh học: 5.60	07/07/1998	Nữ
956	DƯƠNG THỊ SANG	LPH002285	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.00	15/11/1998	Nữ
957	DƯƠNG THỊ THẢO	LPH002475	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.40	03/04/1998	Nữ
958	DƯƠNG TUẤN ANH	LPH000021	Toán: 2.50 Ngữ văn: 1.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	22/08/1998	Nam
959	DƯƠNG ĐÌNH HUY	LPH001154	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00	08/06/1998	Nam
960	GIÀNG SEO CHAO	LPH000263	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.75	18/03/1997	Nam
961	GIÀNG SEO HỒNG	LPH001077	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75	02/07/1998	Nam
962	GIÀNG SEO HỒNG	LPH001078	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.80 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.40	09/12/1998	Nam
963	GIÀNG SEO LÊNG	LPH001452	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00	30/08/1998	Nam
964	GIÀNG SEO SẾNH	LPH002309	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.20 Địa lí: 4.50	26/09/1998	Nam
965	GIÀNG THÍN LẦN	LPH001445	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25	15/11/1998	Nam
966	GIÀNG THÙY MAI	LPH001689	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00	28/10/1998	Nữ
967	GIÀNG THỊ CỐNG	LPH000365	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 3.40	08/10/1998	Nữ
968	GIÀNG THỊ DUNG	LPH000454	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.20	01/07/1998	Nữ
969	GIÀNG THỊ DUNG	LPH000455	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25	27/07/1998	Nữ
970	GIÀNG VĂN TOẢN	LPH002747	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.50	15/09/1994	Nam
971	HOÀNG ANH TUẤN	LPH002924	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.00	14/08/1997	Nam
972	PHẠM VĂN THẮNG	LPH002560	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 6.80 Sinh học: 7.80	22/08/1998	Nam
973	PHẠM VĂN TUYẾN	LPH003000	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 4.00	23/08/1995	Nam
974	PHẠM XUÂN HIẾU	LPH000969	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	05/11/1998	Nam
975	PHẠM XUÂN HƯNG	LPH001253	Toán: 8.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 7.88	10/11/1998	Nam
976	PHẠM ÁNH TUYẾT	LPH003005	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.60	20/03/1997	Nữ
977	PHẠM ĐÌNH KHOA	LPH001370	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00	20/01/1998	Nam
978	PHẠM ĐĂNG TUÂN	LPH002912	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 1.00	10/12/1988	Nam
979	PHẠM ĐỨC KHÁNH	LPH001348	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.80	28/05/1998	Nam
980	PHẠM ĐỨC THẮNG	LPH002559	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 4.33	29/07/1998	Nam
981	QUAN THỊ DUYỄN	LPH000552	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25	13/02/1998	Nữ
982	SÙNG SEO THẮNG	LPH002561	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 0.25 Địa lí: 4.50	08/07/1998	Nam
983	SÙNG THỊ CHÊNH	LPH000272	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75	20/01/1998	Nữ
984	SÙNG THỊ NHUNG	LPH002014	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25	24/06/1998	Nữ
985	THÀN THỊ DUYỄN	LPH000553	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75	11/06/1998	Nữ
986	THÀNG VĂN THỰC	LPH002701	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25	02/08/1997	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
987	THÀO CAO THIÊN	LPH002576	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 7.15	18/02/1998	Nam
988	THÁI VIỆT LONG	LPH001621	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.80	01/04/1998	Nam
989	THÈN QUANG ANH	LPH000143	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50	16/12/1998	Nam
990	HUỖNH THỊ TRANG	LPH002771	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.20	28/03/1998	Nữ
991	HÀ THỊ HẢI LINH	LPH001501	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25	20/08/1998	Nữ
992	HÀ THỊ HỒNG NGÀ	LPH001857	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75	12/10/1998	Nữ
993	HỨA PHƯƠNG THẢO	LPH002482	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.40 Địa lí: 4.50	23/07/1998	Nữ
994	KIỀU THUỖ TRANG	LPH002773	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.80	10/02/1998	Nữ
995	LA THỊ KIM DUNG	LPH000463	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.25	11/08/1997	Nữ
996	LA THỊ KIM OANH	LPH002039	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50	08/02/1998	Nữ
997	LỀNG THANH ĐÔNG	LPH000642	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50	24/05/1995	Nam
998	LÊ CÔNG TIẾN AN	LPH000004	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.00	23/01/1998	Nam
999	LÊ THỊ HIỀN ANH	LPH000057	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 3.10	25/08/1998	Nữ
1000	LÊ THỊ THẢO ANH	LPH000059	Toán: 5.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 7.68	18/01/1998	Nữ
1001	LÒ LÁO LỖ TUYỀN	LPH002992	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50	14/07/1991	Nam
1002	LÒ THỊ THU THẢO	LPH002489	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Tiếng Anh: 3.13	20/09/1998	Nữ
1003	LÝ THỊ HỒNG VẤN	LPH003046	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.75	16/09/1998	Nữ
1004	LÝ THỊ THU THẢO	LPH002494	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.80	15/02/1998	Nữ
1005	LÝ THỊ THU THẢO	LPH002495	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 3.20	19/01/1998	Nữ
1006	LƯU HUYỀN TRANG	LPH002780	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75	21/03/1998	Nữ
1007	LƯU NGỌC KHUYẾN	LPH001375	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	22/11/1998	Nữ
1008	LÝ A DƠ	LPH000442	Toán: 1.00 Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00	26/10/1998	Nam
1009	LÝ A SỬ	LPH002375	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25	21/05/1998	Nam
1010	MA DÍNH	LPH000435	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.25	12/02/1998	Nữ
1011	SÙNG SÁ	LPH002281	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00	14/02/1998	Nữ
1012	THÀO TU	LPH002891	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75	09/04/1998	Nữ
1013	GIÀNG SƠ	LPH002327	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.20 Địa lí: 4.50	01/05/1998	Nữ
1014	LY XE MỜ	LPH001784	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.40	17/10/1998	Nam
1015	LY XÁ PỒ	LPH002180	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 2.50	16/03/1997	Nam
1016	LÊ HÀ MY	LPH001791	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 3.10	25/09/1998	Nữ
1017	LÊ VŨ HÀ	LPH000737	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 2.43	18/03/1998	Nam
1018	LÝ A BỀN	LPH000221	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.75 Tiếng Trung: 2.13	01/06/1997	Nam
1019	LÝ A PẢO	LPH002060	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75	26/12/1998	Nam
1020	LÝ A VẤN	LPH003032	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 1.75	20/03/1998	Nam
1021	MÁ A CẬU	LPH000260	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	03/07/1998	Nam
1022	MÁ A LẦU	LPH001449	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75	16/09/1998	Nam
1023	MÁ A PAO	LPH002056	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25	23/03/1998	Nam
1024	SÙNG PHÀ	LPH002063	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Sinh học: 3.20 Địa lí: 3.75	15/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1025	TRĂNG SÚ	LPH002367	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.00	20/09/1997	Nữ
1026	LÙ THỊ OANH	LPH002040	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.50	19/07/1998	Nữ
1027	LÙ THỊ PẢNG	LPH002061	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 2.60 Địa lí: 5.75	22/12/1998	Nữ
1028	LÙ THỊ ĐIỆP	LPH000630	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00	26/04/1998	Nữ
1029	LÙ VĂN HOAN	LPH001021	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.00	25/09/1998	Nam
1030	LÙ VĂN HOÀN	LPH001025	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.20	02/02/1998	Nam
1031	LÙ VĂN XUÂN	LPH003119	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	18/10/1998	Nam
1032	LÙ ĐỨC HIỂN	LPH000914	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.20	26/11/1998	Nam
1033	LÝ ANH TUẤN	LPH002929	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25	15/05/1998	Nam
1034	LÝ NGỌC ÁNH	LPH000184	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 3.60 Địa lí: 7.75	22/03/1998	Nữ
1035	LÝ THỊ DÍNH	LPH000434	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00	06/01/1997	Nữ
1036	LÝ THỊ HIỀN	LPH000896	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.50	25/10/1998	Nữ
1037	LÝ THỊ HIỆP	LPH000922	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 2.60 Hóa học: 2.80 Sinh học: 2.80	25/12/1998	Nữ
1038	LÝ THỊ SẾNH	LPH002311	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.80	14/04/1998	Nữ
1039	LÝ THỊ THẢO	LPH002493	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25	15/07/1997	Nữ
1040	LÝ THỊ THẨM	LPH002533	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00	01/01/1998	Nữ
1041	LÝ VĂN LONG	LPH001611	Toán: 6.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.20 Sinh học: 6.40	29/10/1998	Nam
1042	LÝ VĂN MINH	LPH001768	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.00	05/09/1998	Nam
1043	LÝ VĂN TIỂU	LPH002733	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75	20/05/1997	Nam
1044	LÊ THỊ NHUNG	LPH002002	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80	20/06/1998	Nữ
1045	LÊ THỊ NHUNG	LPH002003	Toán: 6.25 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.25	23/08/1998	Nữ
1046	LÊ THỊ NHUNG	LPH002004	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 2.60	30/04/1998	Nữ
1047	LÊ THỊ TRANG	LPH002777	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 3.20 Địa lí: 3.00	17/02/1998	Nữ
1048	LÊ THỊ TUYẾT	LPH003004	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.20	20/06/1998	Nữ
1049	LÊ TIẾN DŨNG	LPH000491	Toán: 4.75 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.00	18/08/1996	Nam
1050	LÊ TUẤN HÙNG	LPH001129	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50	23/05/1994	Nam
1051	LÊ VĂN CƯỜNG	LPH000384	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50	19/05/1992	Nam
1052	LÊ VĂN CƯỜNG	LPH000385	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.25	27/07/1994	Nam
1053	LÊ ĐỨC GIANG	LPH000700	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.60	28/05/1998	Nam
1054	LÊ ĐỨC THIỆN	LPH002580	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 5.80	08/01/1998	Nam
1055	LÒ SẾNH VẮNG	LPH003028	Toán: 5.75 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.80	08/06/1997	Nam
1056	LÒ THÚY HỒNG	LPH001086	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.60	24/05/1998	Nữ
1057	LÒ THỊ DUYỄN	LPH000543	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.00	26/07/1995	Nữ
1058	LÒ THỊ HƯƠNG	LPH001272	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50	21/08/1998	Nữ
1059	LÒ VIỆT HÙNG	LPH001131	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.50	04/10/1991	Nam
1060	LÙ THỊ GIANG	LPH000701	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.40	17/02/1998	Nữ
1061	LÙ THỊ HUYỀN	LPH001199	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 5.00	15/12/1998	Nữ
1062	ĐẶNG THỊ TÂM	LPH002396	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.00	04/04/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1063	ĐẶNG THỊ ÁNH	LPH000177	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.60	16/08/1998	Nữ
1064	ĐẶNG VĂN NAM	LPH001808	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.00	19/05/1998	Nam
1065	ĐẶNG VĂN QUÝ	LPH002224	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00	18/11/1997	Nam
1066	ĐẶNG VŨ HIỆP	LPH000917	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.80	01/06/1998	Nam
1067	ĐỒNG VÂN ANH	LPH000031	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 3.75	11/03/1998	Nữ
1068	ĐỖ DUY KHÁNH	LPH001339	Toán: 4.00	08/01/1997	Nam
1069	ĐỖ GIAO LINH	LPH001486	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.00	13/08/1998	Nam
1070	ĐỖ HUY HOÀNG	LPH001039	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.60 Địa lí: 2.75	18/01/1998	Nam
1071	ĐỖ HỒNG QUÂN	LPH002207	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.60 Tiếng Anh: 2.63	04/11/1998	Nam
1072	ĐỖ MINH HIẾU	LPH000937	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40	02/08/1998	Nam
1073	ĐỖ THU THANH	LPH002430	Toán: 8.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 9.40 Hóa học: 8.60	19/05/1998	Nữ
1074	ĐỖ TIẾN TÙNG	LPH002965	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.80	02/03/1998	Nam
1075	ĐỖ VIỆT DŨNG	LPH000482	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.40	17/07/1998	Nam
1076	ĐỖ VIỆT GIÁP	LPH000722	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.00	04/04/1998	Nam
1077	ĐỖ VIỆT NGỌC	LPH001909	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00	22/12/1998	Nam
1078	ĐỖ VIỆT DŨNG	LPH000483	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 1.88	19/01/1998	Nam
1079	ĐỖ VĂN PHONG	LPH002077	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 7.20 Sinh học: 7.20	15/08/1998	Nam
1080	PHẠM ĐA CHINH	LPH000317	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00	03/04/1994	Nam
1081	SẾO GIANG ANH	LPH000139	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.80	06/09/1997	Nữ
1082	SÙNG SEO BÌNH	LPH000244	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 4.00	24/12/1998	Nam
1083	SÙNG SEO SẾNH	LPH002312	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 7.20	20/10/1998	Nam
1084	SÙNG SEO SẾNH	LPH002307	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	12/11/1995	Nam
1085	SÙNG THỊ CHÙA	LPH000325	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 3.58	26/10/1998	Nữ
1086	SÙNG THỊ DUNG	LPH000471	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	02/12/1998	Nữ
1087	SÙNG THỊ NÚNG	LPH002035	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.25	09/06/1998	Nữ
1088	SÙNG THỊ SIÊM	LPH002315	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75	05/12/1998	Nữ
1089	SÙNG THỊ SONG	LPH002324	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Địa lí: 3.00	01/01/1998	Nữ
1090	SÙNG THỊ VẮNG	LPH003030	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75	03/04/1998	Nữ
1091	SÙNG VẮNG PHỪ	LPH002106	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50	10/10/1998	Nam
1092	SẦM THỊ NHUNG	LPH002013	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.25	02/12/1998	Nữ
1093	SẼN NGỌC THỦY	LPH002667	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 3.20	13/06/1998	Nam
1094	SÙNG THỊ LẮNG	LPH001434	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.75	01/01/1998	Nữ
1095	THẦN BẢ QUỲNH	LPH002272	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.80	19/10/1998	Nam
1096	THẢO SEO KÍNH	LPH001404	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.80	06/03/1998	Nam
1097	THẢO SEO LỀNH	LPH001460	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	23/12/1998	Nam
1098	HOÀNG HẢI HƯNG	LPH001244	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 5.60	29/05/1998	Nam
1099	HOÀNG KHÁNH LY	LPH001666	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00	17/03/1998	Nữ
1100	HOÀNG KIM LINH	LPH001504	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.40	30/04/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1101	HOÀNG KIM OANH	LPH002036	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 2.63	16/02/1998	Nữ
1102	HOÀNG LÂM OANH	LPH002037	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 5.33	15/04/1998	Nữ
1103	HOÀNG MINH HỢI	LPH001095	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.50	26/04/1997	Nam
1104	HOÀNG MINH LÂM	LPH001437	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.80	06/08/1998	Nam
1105	HOÀNG MINH SƠN	LPH002334	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.38	10/10/1998	Nam
1106	HOÀNG NGỌC ANH	LPH000040	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 7.50 Tiếng Anh: 3.80	30/03/1998	Nữ
1107	HOÀNG NGỌC ÁNH	LPH000179	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 4.59	03/06/1998	Nữ
1108	HOÀNG NHƯ NGỌC	LPH001914	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 4.55	16/08/1998	Nữ
1109	HOÀNG QUỐC ANH	LPH000043	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.00	04/05/1998	Nam
1110	HOÀNG SƠN BÌNH	LPH000238	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.00	01/07/1998	Nam
1111	HOÀNG THÁI BẢO	LPH000210	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 6.00	23/07/1998	Nam
1112	HOÀNG THỊ DINH	LPH000428	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.80	14/01/1998	Nữ
1113	HOÀNG THỊ ĐIỀU	LPH000422	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75	08/12/1998	Nữ
1114	HOÀNG THỊ DUNG	LPH000459	Toán: 3.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00	13/03/1998	Nữ
1115	TRIỆU KIM THỦY	LPH002668	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75	05/04/1998	Nam
1116	TRIỆU THỊ CHỈN	LPH000302	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.00	17/01/1998	Nữ
1117	TRIỆU THỊ THỦY	LPH002669	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	15/09/1997	Nữ
1118	TRIỆU THỊ XUÂN	LPH003122	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25	08/01/1998	Nữ
1119	TRIỆU VĂN THÁI	LPH002420	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.40	20/05/1998	Nam
1120	TRIỆU XÙN PHÂY	LPH002070	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00	06/06/1998	Nam
1121	TRUNG VĂN TOÁN	LPH002749	Toán: 2.25 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 3.80 Địa lí: 5.25	09/03/1997	Nam
1122	TRẮNG CHẤN VĂN	LPH003033	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	02/09/1996	Nam
1123	TRẮNG SEO SUNG	LPH002369	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25	03/07/1998	Nữ
1124	TRẮNG THỊ THẢO	LPH002519	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00	16/06/1998	Nữ
1125	TRẮNG THỊ TƯƠI	LPH003011	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25	22/10/1998	Nữ
1126	TRƯƠNG HẢI YẾN	LPH003147	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.40	10/11/1998	Nữ
1127	TRƯƠNG KIM CÚC	LPH000374	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 7.35	29/07/1997	Nữ
1128	TRƯƠNG THỊ QUY	LPH002222	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 3.80	26/05/1998	Nữ
1129	TRƯƠNG VĂN HỮU	LPH001328	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	08/10/1995	Nam
1130	TRẦN CAO THIÊN	LPH002577	Toán: 7.25 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 2.50	25/01/1998	Nam
1131	TRẦN CÔNG MINH	LPH001776	Toán: 6.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80	15/09/1998	Nam
1132	TRẦN CÔNG TOÀN	LPH002746	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 5.00	25/03/1998	Nam
1133	LƯƠNG CÔNG MINH	LPH001766	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00	11/07/1997	Nam
1134	LƯƠNG QUANG ANH	LPH000064	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 1.88	04/04/1998	Nam
1135	LƯƠNG THỊ CHÍNH	LPH000313	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75	01/01/1998	Nữ
1136	LƯƠNG THỊ HUYỀN	LPH001201	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00	12/09/1998	Nữ
1137	LƯƠNG THỊ MỸ HÀ	LPH000738	Toán: 2.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.50	11/05/1998	Nữ
1138	LƯƠNG VIỆT HOÀN	LPH001026	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.50	14/07/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1139	LƯƠNG VĂN QUANG	LPH002192	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75	18/01/1998	Nam
1140	LƯƠNG XUÂN BÌNH	LPH000239	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.60	12/08/1998	Nam
1141	LƯƠNG XUÂN THỦY	LPH002661	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25	30/09/1995	Nam
1142	LỤC THỊ MAI ANH	LPH000049	Toán: 3.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.00 Tiếng Trung: 3.88	24/09/1998	Nữ
1143	LỰ THỊ THU HẰNG	LPH000835	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25	02/07/1998	Nữ
1144	MA THỊ MINH HUẾ	LPH001106	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.00	30/08/1998	Nữ
1145	MAI THANH HƯỜNG	LPH001320	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 4.20	28/09/1998	Nam
1146	MAI TRƯỜNG TUẤN	LPH002931	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75	01/09/1993	Nam
1147	MÃ THỊ HOÀNG AN	LPH000005	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00	26/10/1998	Nữ
1148	NGHIÊM THÀNH AN	LPH000006	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50	27/04/1995	Nam
1149	NGHIÊM THỊ XUÂN	LPH003120	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25	08/12/1998	Nữ
1150	NGUYỄN ANH BÌNH	LPH000240	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50	24/09/1998	Nam
1151	CỔ THỊ BA	LPH000202	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.00	24/02/1998	Nữ
1152	HÀ TÚ ANH	LPH000038	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.55	24/03/1998	Nam
1153	HÙ THỊ HÀ	LPH000733	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00	26/07/1998	Nữ
1154	LÊ ANH TÚ	LPH002895	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.00	22/06/1998	Nam
1155	LÊ KỶ HẬU	LPH000862	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00	25/12/1997	Nam
1156	LÊ LƯU LY	LPH001668	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.25	15/06/1998	Nữ
1157	LÊ THỊ MƠ	LPH001783	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.75	16/07/1997	Nữ
1158	LÒ LÃO SỬ	LPH002365	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.00	20/05/1998	Nam
1159	LÒ THỊ LY	LPH001669	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.20	24/09/1998	Nữ
1160	LÙ A LIỄU	LPH001475	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.00	14/02/1998	Nam
1161	LÙ SEO HỒ	LPH001071	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 3.00 Địa lí: 4.50	03/02/1998	Nam
1162	LÙ THỊ DÍ	LPH000415	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 3.40	11/10/1998	Nữ
1163	LÙ THỊ IM	LPH001329	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Sinh học: 4.80 Địa lí: 5.50	17/04/1998	Nữ
1164	LÝ SEO SÀ	LPH002280	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.40	08/10/1998	Nam
1165	LÝ THỊ IN	LPH001330	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.80	23/06/1998	Nữ
1166	LÝ THỊ SU	LPH002364	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00	30/05/1998	Nữ
1167	LÝ TẢ MỸ	LPH001744	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 4.95	15/02/1998	Nữ
1168	LÝ TẢ MỸ	LPH001745	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00	18/03/1998	Nữ
1169	LÝ ĐỨC MẠNH	LPH001723	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.60	17/06/1998	Nam
1170	LÝ ĐỨC MẠNH	LPH001724	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.80 Tiếng Anh: 5.55	28/08/1998	Nam
1171	LƯU ĐỨC TÂM	LPH002402	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	20/06/1995	Nam
1172	LỤC BÌNH AN	LPH000003	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50	28/06/1998	Nam
1173	LỤC NAM SƠN	LPH002337	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.60 Tiếng Anh: 2.13	29/11/1998	Nam
1174	LỤC VĂN PHI	LPH002071	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50	25/05/1998	Nam
1175	LỮU THỊ CHỚ	LPH000321	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	09/09/1998	Nữ
1176	LỮU THỊ SEN	LPH002303	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 4.80	19/02/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1177	LỰ CHIẾN SỸ	LPH002382	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.40	17/12/1998	Nam
1178	LỰ THỊ DUNG	LPH000462	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.80	04/07/1998	Nữ
1179	LỰ THỊ DẮNG	LPH000406	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.40 Sinh học: 3.60	03/01/1998	Nữ
1180	LỰ VĂN HÙNG	LPH001125	Toán: 3.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.20	27/04/1996	Nam
1181	MA SEO GIÁO	LPH000721	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.50	05/10/1998	Nam
1182	MA SEO TUẤN	LPH002930	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.60	18/02/1998	Nam
1183	MA THỊ DUNG	LPH000465	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.20	21/11/1998	Nữ
1184	MA THỊ DUNG	LPH000466	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00	26/03/1998	Nữ
1185	MA THỊ HẰNG	LPH000840	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25	05/01/1997	Nữ
1186	MA THỊ THẢO	LPH002496	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50	30/05/1998	Nữ
1187	LÙ THỊ THỊNH	LPH002594	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 6.80	03/03/1998	Nữ
1188	LÙ VĂN CHIỀU	LPH000300	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75	15/04/1998	Nam
1189	LÙ VĂN CƯƠNG	LPH000379	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.40	03/07/1998	Nam
1190	LỪNG THỊ HOI	LPH001069	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00	17/04/1998	Nữ
1191	LỪNG THỊ VÂN	LPH003039	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Địa lí: 4.75	29/09/1998	Nữ
1192	LÝ ANH PHONG	LPH002084	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75	25/09/1997	Nam
1193	LÝ HUYỀN DJU	LPH000438	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 8.00	19/03/1998	Nữ
1194	LÝ LAN CHIÊN	LPH000292	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00 Tiếng Anh: 4.13	24/08/1998	Nữ
1195	LÝ NGỌC HỒNG	LPH001087	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 2.80	29/01/1998	Nữ
1196	LÝ QUỲNH NGÀ	LPH001859	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60	13/10/1998	Nữ
1197	LÝ THỊ CHIỀU	LPH000301	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25	13/05/1998	Nữ
1198	LÝ THỊ PHÒNG	LPH002092	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75	14/01/1998	Nữ
1199	LÝ TRUNG ĐỨC	LPH000661	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.00	27/12/1997	Nam
1200	LÝ TUẤN DŨNG	LPH000493	Toán: 1.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.20	05/12/1997	Nam
1201	LÝ ĐỨC HOÀNG	LPH001053	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Trung: 5.98	27/05/1998	Nam
1202	LŨU MẠNH ĐỨC	LPH000660	Toán: 4.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.40	19/07/1998	Nam
1203	LŨU THẾ MẠNH	LPH001722	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.80	04/10/1998	Nam
1204	LŨU THỊ TƯƠI	LPH003009	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.20 Sinh học: 3.80 Địa lí: 4.00	06/01/1998	Nữ
1205	ĐỖ XUÂN HIẾU	LPH000939	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20	03/12/1998	Nam
1206	ĐỖ XUÂN HỒNG	LPH001076	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.00	28/05/1997	Nam
1207	ĐỖ XUÂN NGỌC	LPH001910	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75	04/11/1993	Nam
1208	ĐỖ ĐÌNH NGỌC	LPH001908	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 8.60 Tiếng Anh: 3.05	27/01/1998	Nam
1209	ĐỖ ĐỨC THẮNG	LPH002542	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.40 Sinh học: 7.80	19/02/1998	Nam
1210	BÀN MINH TUẤN	LPH002916	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 3.63	12/10/1998	Nam
1211	BÀN THỊ CHÍCH	LPH000288	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.75	11/11/1998	Nữ
1212	BÀN THỊ GIANG	LPH000692	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.75	11/02/1998	Nữ
1213	BÀN THỊ QUỲNH	LPH002250	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.20	18/03/1998	Nữ
1214	BÀN VĂN GIANG	LPH000693	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.20	21/06/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1215	BÙI DUY NGHĨA	LPH001887	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 2.48	14/04/1998	Nam
1216	BÙI HOÀNG ANH	LPH000010	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00	13/06/1998	Nam
1217	BÙI HUYỀN ANH	LPH000011	Toán: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.80 Sinh học: 3.60	11/11/1997	Nữ
1218	BÙI HỒNG HẠNH	LPH000798	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 6.40 Sinh học: 4.60	03/11/1998	Nữ
1219	BÙI HỮU CƯƠNG	LPH000376	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75	26/07/1994	Nam
1220	BÙI MINH TUẤN	LPH002917	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00	26/09/1998	Nam
1221	BÙI NGỌC LINH	LPH001481	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80	04/03/1998	Nam
1222	BÙI NGỌC TRÂM	LPH002836	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 8.20	15/05/1998	Nữ
1223	THẢO SEO SINH	LPH002319	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 2.80	02/05/1998	Nam
1224	THẢO SEO SĨNH	LPH002321	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.40	23/05/1998	Nam
1225	THẢO SEO THẦU	LPH002568	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.75	20/11/1997	Nam
1226	THẢO SEO ĐỒNG	LPH000646	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.40	07/07/1998	Nam
1227	THẢO THỊ CỐNG	LPH000366	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50	15/09/1998	Nữ
1228	THẢO THỊ SUNG	LPH002368	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25	12/07/1998	Nữ
1229	THẢO THỊ TÙNG	LPH002983	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 8.25	01/04/1996	Nữ
1230	THẢO VĂN TOÀN	LPH002745	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75	20/11/1998	Nam
1231	THẦN ANH TUẤN	LPH002952	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75	06/09/1997	Nam
1232	THẦN THỊ DUNG	LPH000473	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75	04/11/1998	Nữ
1233	THẾ THỊ HƯƠNG	LPH001290	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50	04/01/1998	Nữ
1234	TRANG LAN ANH	LPH000144	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.40	02/05/1998	Nữ
1235	TRIỆU THÁI HÀ	LPH000754	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.40	17/11/1998	Nữ
1236	TRIỆU THỊ LÍU	LPH001584	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 7.00	03/12/1998	Nữ
1237	TRIỆU THỊ LẬU	LPH001450	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.75	26/09/1998	Nữ
1238	TRIỆU THỊ MÙI	LPH001786	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.73	27/12/1998	Nữ
1239	TRIỆU THỊ MỬI	LPH001789	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25	05/10/1998	Nữ
1240	TRIỆU THỊ NẤY	LPH001852	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.60	30/04/1998	Nữ
1241	HOÀNG THỊ HIỀN	LPH000890	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.40	20/03/1998	Nữ
1242	HOÀNG THỊ HOÀI	LPH001011	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Tiếng Anh: 2.00	31/12/1997	Nữ
1243	HOÀNG THỊ HẠNH	LPH000802	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 8.13	11/01/1998	Nữ
1244	HOÀNG THỊ HẠNH	LPH000803	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50	21/01/1998	Nữ
1245	HOÀNG THỊ HẠNH	LPH000804	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	24/06/1998	Nữ
1246	HOÀNG THỊ HỒNG	LPH001079	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 7.25	16/12/1998	Nữ
1247	HOÀNG THỊ HỒNG	LPH001080	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.25	23/02/1998	Nữ
1248	HOÀNG THỊ LANH	LPH001433	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 6.00	21/09/1998	Nữ
1249	HOÀNG THỊ LINH	LPH001507	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 3.50 Tiếng Trung: 6.10	03/06/1998	Nữ
1250	HOÀNG THỊ LINH	LPH001508	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.00	05/12/1998	Nữ
1251	HOÀNG THỊ LINH	LPH001509	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.40	13/09/1998	Nữ
1252	HOÀNG THỊ LIÊM	LPH001462	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.20	02/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1253	HOÀNG THỊ LOAN	LPH001587	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00	03/03/1998	Nữ
1254	HOÀNG THỊ LOAN	LPH001588	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50	06/12/1998	Nữ
1255	HOÀNG THỊ LOAN	LPH001589	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00 Địa lí: 4.25	09/11/1998	Nữ
1256	HOÀNG THỊ LOAN	LPH001590	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.40	14/05/1998	Nữ
1257	HOÀNG THỊ NGÁT	LPH001872	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50	11/09/1998	Nữ
1258	HOÀNG THỊ NGỌC	LPH001917	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75	24/02/1998	Nữ
1259	TRẦN CÔNG VINH	LPH003074	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 4.60	25/12/1997	Nam
1260	TRẦN DIỆP LINH	LPH001568	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 4.55	05/08/1998	Nữ
1261	TRẦN DIỆU LINH	LPH001569	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00	15/07/1998	Nữ
1262	TRẦN DUY CHIẾN	LPH000297	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50	09/09/1998	Nam
1263	TRẦN DUY KHÁNH	LPH001353	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 1.75	02/01/1994	Nam
1264	TRẦN HOÀNG ANH	LPH000146	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	02/03/1998	Nam
1265	TRẦN HẢI DƯƠNG	LPH000582	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.40	23/01/1998	Nam
1266	TRẦN HỒNG NGỌC	LPH001934	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Trung: 4.85	01/01/1998	Nữ
1267	TRẦN MINH HIẾU	LPH000970	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.20	02/09/1998	Nam
1268	TRẦN MINH TIẾN	LPH002728	Toán: 7.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.00	08/05/1998	Nam
1269	TRẦN NGỌC MINH	LPH001777	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50	01/09/1998	Nam
1270	TRẦN NGỌC MẠNH	LPH001733	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 3.43	29/06/1998	Nam
1271	TRẦN NHẬT LINH	LPH001573	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75	23/08/1998	Nữ
1272	TRẦN QUANG ANH	LPH000149	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.00 Địa lí: 4.00	25/03/1998	Nam
1273	TRẦN QUANG HUY	LPH001179	Toán: 5.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.40	09/09/1998	Nam
1274	TRẦN QUANG LỢI	LPH001633	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 7.73	24/08/1998	Nam
1275	TRẦN QUANG NAM	LPH001839	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 3.23	04/10/1998	Nam
1276	NGUYỄN ANH DŨNG	LPH000495	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.00 Sinh học: 5.00	01/05/1998	Nam
1277	NGUYỄN ANH QUÂN	LPH002211	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 2.60 Địa lí: 3.75	03/09/1998	Nam
1278	NGUYỄN ANH QUÂN	LPH002212	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.20	10/02/1998	Nam
1279	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002932	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 6.88	03/04/1998	Nam
1280	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002933	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75	03/10/1993	Nam
1281	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002934	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.80	07/04/1998	Nam
1282	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002935	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.60	15/07/1998	Nam
1283	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002936	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00	20/11/1993	Nam
1284	NGUYỄN ANH TUẤN	LPH002937	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.80	28/08/1998	Nam
1285	NGUYỄN ANH TÙNG	LPH002972	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00	14/11/1998	Nam
1286	NGUYỄN ANH TÙNG	LPH002973	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.00	21/01/1998	Nam
1287	NGUYỄN BÁ PHONG	LPH002085	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.20	19/04/1998	Nam
1288	NGUYỄN BÁ THANH	LPH002440	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	29/06/1998	Nam
1289	NGUYỄN CHÂM ANH	LPH000077	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40	14/06/1998	Nữ
1290	NGUYỄN CÔNG ANH	LPH000078	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75	17/07/1994	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1291	NGUYỄN CẨM LINH	LPH001528	Toán: 5.00 Ngữ văn: 9.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 9.25	26/09/1998	Nữ
1292	NGUYỄN ĐIỀU ANH	LPH000079	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75	02/10/1998	Nữ
1293	NGUYỄN DUY CẢNH	LPH000258	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.00	17/10/1998	Nam
1294	LÝ VĂN ƠN	LPH002053	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.20 Sinh học: 5.60	14/02/1998	Nam
1295	LỒ LÁO LỖ	LPH001629	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.50	01/01/1998	Nam
1296	MA SEO LỬ	LPH001647	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.75	26/09/1998	Nam
1297	MÁ A NINH	LPH002025	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.80	13/07/1998	Nam
1298	MÁ THỊ TÚ	LPH002897	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75	16/11/1998	Nữ
1299	NGÔ XA MẠ	LPH001684	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75	24/08/1998	Nữ
1300	PHU HỒ BỐ	LPH000252	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.75	08/08/1998	Nữ
1301	PHU MỀ SỞ	LPH002328	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.80 Địa lí: 4.75	04/06/1998	Nữ
1302	SÀO GÀ DO	LPH000439	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	05/09/1998	Nam
1303	SÙNG A SỬ	LPH002377	Toán: 4.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 9.00	12/11/1998	Nam
1304	SÙNG MÁNG	LPH001713	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.40	21/09/1998	Nữ
1305	THÀO DÌNH	LPH000431	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.00 Địa lí: 3.75	06/05/1998	Nam
1306	THÀO HÀNG	LPH000797	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 2.60 Sinh học: 3.60 Địa lí: 4.25	01/02/1998	Nam
1307	TRẦN HÙNG	LPH001146	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	10/03/1998	Nam
1308	TẠ THỊ HÀ	LPH000753	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	23/12/1997	Nữ
1309	VI THỊ HÀ	LPH000761	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.50	03/01/1998	Nữ
1310	VÀNG A LÝ	LPH001681	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.20 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50	16/08/1998	Nam
1311	MA TUẤN ANH	LPH000068	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 3.25 Tiếng Anh: 3.38	21/10/1998	Nam
1312	MAI VĂN BẢO	LPH000211	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75	08/02/1994	Nam
1313	MAI VĂN LỰC	LPH001649	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00 Sinh học: 3.20	08/10/1998	Nam
1314	MÃ VĂN HIẾU	LPH000952	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.80	13/03/1998	Nam
1315	MỘC THU HẢI	LPH000778	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00	18/12/1998	Nữ
1316	NGÔ CHÍ ĐỨC	LPH000662	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.00	26/09/1998	Nam
1317	NGÔ HẢI YẾN	LPH003138	Toán: 3.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	01/08/1998	Nữ
1318	NGÔ SỸ LONG	LPH001613	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	27/04/1998	Nam
1319	NGÔ THẢO LY	LPH001670	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.38	20/05/1998	Nữ
1320	NGÔ THỊ HOA	LPH000994	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.20	01/11/1998	Nữ
1321	NGÔ THỊ HOA	LPH000995	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.40	26/03/1998	Nữ
1322	NGÔ VĂN DUY	LPH000528	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 2.80 Địa lí: 3.00	18/05/1998	Nam
1323	PHAN ANH TÚ	LPH002904	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00	18/10/1998	Nam
1324	PHAN THỊ HÀ	LPH000750	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.40	14/12/1998	Nữ
1325	PHẦN A VINH	LPH003073	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.25	10/10/1989	Nam
1326	PHẦN LÁO SỬ	LPH002376	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50	11/01/1998	Nam
1327	PHẦN LỖ MẤY	LPH001746	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	09/10/1998	Nữ
1328	PHẦN THỊ ẤY	LPH000201	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75	05/02/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1329	LƯƠNG HÀ THU	LPH002624	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60 Sinh học: 3.80	24/05/1998	Nữ
1330	LẠI THỊ HIẾU	LPH000951	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60 Sinh học: 5.20	19/09/1998	Nữ
1331	LẠI THỊ HỒNG	LPH001082	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.40	27/01/1998	Nữ
1332	LẠI VĂN HỒNG	LPH001083	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.20	01/06/1998	Nam
1333	LỖ CỬI THANH	LPH002437	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75	04/10/1998	Nam
1334	LỖ PHÀ THOÀN	LPH002607	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 6.80 Tiếng Anh: 2.38	19/05/1998	Nữ
1335	LỘC MINH QUỲ	LPH002223	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00	21/06/1991	Nam
1336	LỤC LAN LINH	LPH001513	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.20	01/03/1998	Nữ
1337	LỤC QUÂN BƯU	LPH000254	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00	26/08/1998	Nam
1338	LỤC THỊ BÍCH	LPH000222	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.25	27/07/1998	Nữ
1339	LỤC THỊ HẰNG	LPH000838	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.25	01/08/1998	Nữ
1340	LỤC VĂN THÁI	LPH002418	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.00	03/08/1998	Nam
1341	LỮU THỊ THÚY	LPH002680	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 2.80	17/02/1998	Nữ
1342	LỮU THỊ THƠM	LPH002612	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 3.50 Tiếng Trung: 3.75	07/07/1998	Nữ
1343	LỰ QUANG ANH	LPH000048	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.75	16/01/1998	Nam
1344	LỰ THỊ HOÀNG	LPH001046	Toán: 0.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 2.25	06/02/1997	Nữ
1345	LỰ VĂN QUYẾN	LPH002246	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25	01/02/1997	Nam
1346	MA SEO CHÚNG	LPH000339	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 3.50	09/08/1998	Nam
1347	BÙI QUANG ANH	LPH000013	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.80	08/04/1998	Nam
1348	BÙI QUANG HUY	LPH001153	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.60	02/09/1998	Nam
1349	BÙI THÁI LONG	LPH001601	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.80	23/02/1997	Nam
1350	BÙI THỊ GIANG	LPH000694	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.25	22/12/1998	Nữ
1351	BÙI THỊ QUỲNH	LPH002251	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 5.60	08/06/1998	Nữ
1352	BÙI TẮT THÀNH	LPH002447	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25	26/10/1998	Nam
1353	BÙI VĂN THANH	LPH002427	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.60 Tiếng Anh: 2.25	25/10/1998	Nam
1354	BÙI XUÂN TÙNG	LPH002964	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50	15/01/1995	Nam
1355	BÙI ĐỨC THẮNG	LPH002538	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.00	17/07/1994	Nam
1356	BẠCH THỂ VIỆT	LPH003054	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.00	20/06/1998	Nam
1357	BẠCH THỊ HIỀN	LPH000875	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Địa lí: 4.75	18/09/1998	Nữ
1358	BẾ QUANG TUẤN	LPH002915	Toán: 7.75 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40	03/03/1994	Nam
1359	CAO DUY KHÁNH	LPH001337	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50	22/05/1998	Nam
1360	CAO HUY KHÁNH	LPH001338	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60 Tiếng Anh: 3.40	11/05/1998	Nam
1361	CAO MINH HIẾU	LPH000936	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 5.00 Địa lí: 2.75	15/10/1998	Nam
1362	CAO QUỲNH ANH	LPH000017	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.80 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 5.48	02/02/1998	Nữ
1363	CAO ĐỨC THIÊN	LPH002578	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00	08/01/1998	Nam
1364	CHU THỊ TUYẾN	LPH002997	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 3.20	26/02/1998	Nữ
1365	TRIỆU THỊ TÍN	LPH002734	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 6.80	24/05/1998	Nữ
1366	TRIỆU THỊ ĐÀO	LPH000599	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	25/05/1998	Nữ

STT	HỌ_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1367	TRIỆU TÒN NHỈ	LPH001986	Ngữ văn: 1.00 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 3.50	12/09/1994	Nam
1368	TRIỆU VĂN SƠN	LPH002355	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	06/07/1998	Nam
1369	TRUNG VĂN HẢI	LPH000796	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50	03/04/1998	Nam
1370	TRÁNG A THÀNH	LPH002467	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.00	10/12/1998	Nam
1371	TRÁNG SEO DÍN	LPH000427	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	19/08/1998	Nam
1372	TRÁNG SEO HÒA	LPH001009	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75	01/09/1998	Nam
1373	TRÁNG SEO PHÀ	LPH002065	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.80	04/01/1998	Nam
1374	TRÁNG THỊ VẢI	LPH003027	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.75	12/05/1998	Nữ
1375	TRƯƠNG THỊ LÝ	LPH001682	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25	13/08/1995	Nữ
1376	TRẦN ANH TUẤN	LPH002953	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.00	27/05/1998	Nam
1377	TRẦN ANH VIỆT	LPH003065	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.75	27/08/1998	Nam
1378	TRẦN BẢO PHÚC	LPH002101	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.00 Hóa học: 2.60	26/09/1998	Nam
1379	TRẦN BẢO TÙNG	LPH002984	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 3.50	14/10/1992	Nam
1380	TRẦN CÔNG ĐỨC	LPH000671	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 3.75	07/07/1998	Nam
1381	TRẦN DUY THỰC	LPH002702	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.00	17/12/1994	Nam
1382	TRẦN HẢI LINH	LPH001571	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.80 Sinh học: 9.20	01/10/1998	Nữ
1383	HOÀNG THỊ NGỌT	LPH001942	Toán: 0.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00	23/07/1998	Nữ
1384	HOÀNG THỊ NHÀI	LPH001969	Toán: 8.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 9.00 Tiếng Anh: 3.90	13/05/1998	Nữ
1385	HOÀNG THỊ NHÀN	LPH001970	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.50	11/11/1998	Nữ
1386	HOÀNG THỊ OANH	LPH002038	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25	14/04/1998	Nữ
1387	HOÀNG THỊ SINH	LPH002317	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.50 Hóa học: 5.20 Địa lí: 5.00 Tiếng Trung: 1.88	10/02/1998	Nữ
1388	HOÀNG THỊ THÚY	LPH002678	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 3.40 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.75	03/10/1997	Nữ
1389	HOÀNG THỊ THẢO	LPH002486	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.80 Địa lí: 5.50	13/04/1998	Nữ
1390	HOÀNG THỊ XINH	LPH003108	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	13/08/1998	Nữ
1391	HOÀNG TUẤN HUY	LPH001162	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60	03/12/1998	Nam
1392	HOÀNG TÙNG LÂM	LPH001440	Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 2.00	23/02/1994	Nam
1393	HOÀNG VĂN BÓNG	LPH000250	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50	08/03/1998	Nam
1394	HOÀNG VĂN HIẾU	LPH000947	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50	23/12/1997	Nam
1395	HOÀNG VĂN HẠNH	LPH000805	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75	25/05/1996	Nam
1396	HOÀNG VĂN LỊCH	LPH001461	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.80 Địa lí: 5.00	14/06/1998	Nam
1397	HOÀNG VĂN MINH	LPH001765	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 2.13	17/03/1997	Nam
1398	HOÀNG VĂN MONG	LPH001781	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	06/11/1998	Nam
1399	HOÀNG VĂN NHẬT	LPH001976	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.20 Địa lí: 7.00	27/06/1998	Nam
1400	TRẦN QUANG NAM	LPH001840	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.20	06/05/1998	Nam
1401	TRẦN THỊ LƯƠNG	LPH001656	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00	07/09/1998	Nữ
1402	TRẦN THU TRANG	LPH002822	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.75	22/09/1998	Nữ
1403	TRẦN THU TRANG	LPH002823	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 4.05	30/06/1998	Nữ
1404	TRẦN THẾ DƯƠNG	LPH000583	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	10/01/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1405	TRẦN THẾ HOÀNG	LPH001066	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.80 Tiếng Anh: 1.75	26/11/1998	Nam
1406	TRẦN THẾ THÀNH	LPH002469	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	02/11/1998	Nam
1407	TRẦN THỊ GIANG	LPH000715	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50	16/02/1998	Nữ
1408	TRẦN THỊ HƯƠNG	LPH001293	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25	13/12/1998	Nữ
1409	TRẦN THỊ HƯƠNG	LPH001294	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75	24/01/1998	Nữ
1410	TRẦN THỊ HƯƠNG	LPH001326	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 4.00	04/01/1998	Nữ
1411	TRẦN THỊ HƯƠNG	LPH001314	Toán: 6.25 Hóa học: 6.00 Sinh học: 8.20	03/04/1997	Nữ
1412	TRẦN THỊ LƯƠNG	LPH001655	Toán: 3.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.25	17/08/1998	Nữ
1413	TRẦN THỊ MỸ HÀ	LPH000757	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 2.38	24/08/1998	Nữ
1414	TRẦN THỊ NHUNG	LPH002018	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 5.98	05/10/1998	Nữ
1415	TRẦN THỊ NHUNG	LPH002019	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50	22/10/1998	Nữ
1416	TRẦN THỊ QUYÊN	LPH002234	Toán: 2.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75	18/10/1998	Nữ
1417	TRẦN THỊ QUỲNH	LPH002274	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	18/08/1998	Nữ
1418	NGUYỄN DUY HIỆP	LPH000923	Toán: 5.25 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00	11/05/1995	Nam
1419	NGUYỄN DUY TUẤN	LPH002938	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.60 Tiếng Anh: 3.95	17/01/1998	Nam
1420	NGUYỄN HIỀN MAI	LPH001694	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.80	26/03/1998	Nữ
1421	NGUYỄN HUY NGỌC	LPH001923	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00 Tiếng Trung: 3.75	17/07/1997	Nam
1422	NGUYỄN HẢI LONG	LPH001614	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 6.83	15/02/1998	Nam
1423	NGUYỄN HỒNG SƠN	LPH002341	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 1.63	05/05/1998	Nam
1424	NGUYỄN HỒNG SƠN	LPH002342	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.20	26/06/1998	Nam
1425	NGUYỄN KIM NGÂN	LPH001878	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 9.00 Tiếng Anh: 3.50	28/04/1998	Nữ
1426	NGUYỄN LÂM DŨNG	LPH000498	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75	30/06/1998	Nam
1427	NGUYỄN LÊ HOÀNG	LPH001057	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.50	10/07/1994	Nam
1428	NGUYỄN MINH ANH	LPH000086	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 6.03	21/02/1998	Nữ
1429	NGUYỄN MINH HUỆ	LPH001115	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.20 Tiếng Anh: 4.15	28/05/1998	Nữ
1430	NGUYỄN MINH NAM	LPH001820	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.00	29/11/1998	Nam
1431	NGUYỄN MINH THU	LPH002625	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 8.20 Tiếng Anh: 3.10	05/10/1998	Nữ
1432	NGUYỄN MINH ĐỨC	LPH000663	Toán: 5.75 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40 Sinh học: 4.60	10/09/1997	Nam
1433	NGUYỄN MINH ĐỨC	LPH000664	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 5.45	15/09/1998	Nam
1434	NGUYỄN MINH ĐỨC	LPH000665	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75	21/01/1992	Nam
1435	VÀNG A SỬ	LPH002378	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	10/06/1998	Nam
1436	VÕ THU HÀ	LPH000762	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	28/04/1998	Nữ
1437	VŨ SEO HỮ	LPH001239	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80	17/07/1996	Nam
1438	VŨ A GĂNG	LPH000686	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.50	02/09/1998	Nam
1439	ĐỖ THẾ VŨ	LPH003082	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75	10/10/1994	Nam
1440	ĐỖ THỊ AN	LPH000001	Toán: 6.25 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.40	12/02/1997	Nữ
1441	ĐỖ THỊ HÀ	LPH000726	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25	17/06/1998	Nữ
1442	AN THỊ NGƯ	LPH001963	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25	27/06/1997	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1443	CAO LƯU LY	LPH001664	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.20	27/02/1998	Nữ
1444	CHANG A SU	LPH002363	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 8.25	01/01/1998	Nam
1445	CƯ SEO NHÀ	LPH001966	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.75	27/12/1996	Nam
1446	CƯ THỊ HOA	LPH000982	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.00	07/01/1998	Nữ
1447	CỔ THỊ NGÀ	LPH001871	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50	26/11/1998	Nữ
1448	DÌ THỊ VÂN	LPH003034	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.80	01/11/1998	Nữ
1449	GIÀNG A LÙ	LPH001634	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00	13/08/1998	Nam
1450	GIÀNG A LỬ	LPH001646	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25	08/04/1997	Nam
1451	GIÀNG A SỬ	LPH002372	Ngữ văn: 0.50 Lịch sử: 0.50 Địa lí: 3.00	12/05/1996	Nam
1452	GIÀNG NỪNG	LPH002034	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25	20/11/1998	Nam
1453	HOÀNG LINH	LPH001505	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 8.73	20/10/1998	Nữ
1454	PHẠM THU HÀ	LPH000752	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.60 Địa lí: 4.25	23/05/1998	Nữ
1455	PHẠM THỊ NỤ	LPH002033	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.60	14/01/1998	Nữ
1456	PHẠM TRÀ MY	LPH001797	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.80	22/03/1998	Nữ
1457	PỜ THỊ XOAN	LPH003114	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.75	13/01/1998	Nữ
1458	SỈ VẦN ĐÔNG	LPH000645	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Địa lí: 5.25	28/01/1998	Nam
1459	SỪNG A CỔNG	LPH000364	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.75	18/09/1998	Nam
1460	SỪNG A MẶNG	LPH001738	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 6.40 Địa lí: 5.50	09/10/1997	Nam
1461	SỪNG SEO DƠ	LPH000443	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75	08/02/1995	Nam
1462	SỪNG SEO SỈ	LPH002314	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00	12/11/1997	Nam
1463	SỪNG SEO SỬ	LPH002373	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25	16/08/1998	Nam
1464	SỪNG THỊ LỖ	LPH001628	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25	07/03/1998	Nữ
1465	SẦM THỊ NĂM	LPH001853	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25	05/01/1998	Nữ
1466	SỪN THỊ BỨC	LPH000253	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75	29/07/1998	Nữ
1467	THÀO A MINH	LPH001775	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.85	03/03/1998	Nam
1468	THÀO A SINH	LPH002318	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.60	14/02/1998	Nam
1469	PHẦN TẢ MỸ	LPH001748	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.60	16/06/1996	Nữ
1470	THÀO A THẮN	LPH002566	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 6.25	08/09/1998	Nam
1471	THÀO SEO DƠ	LPH000444	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25	28/08/1997	Nam
1472	MA SEO KHÁNH	LPH001346	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	07/08/1998	Nam
1473	MA THỊ GIỐNG	LPH000725	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.50	12/10/1998	Nữ
1474	MA THỊ NHIÊN	LPH001990	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.75	27/06/1998	Nữ
1475	MA VẦN CƯỜNG	LPH000386	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 5.38	14/06/1998	Nam
1476	MAI CẨM LINH	LPH001524	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50	04/09/1998	Nữ
1477	MAI TUẤN ANH	LPH000069	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Địa lí: 4.25	25/12/1998	Nam
1478	MAI VIỆT BẮC	LPH000213	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.60	10/10/1998	Nam
1479	MAI ĐỨC VIỆT	LPH003058	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25	27/01/1998	Nam
1480	MÃ HỒNG NGÁT	LPH001873	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50	24/12/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1481	MÃ THANH LAM	LPH001415	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75	01/10/1997	Nữ
1482	MÃ THIÊN LỘC	LPH001624	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 8.75	13/10/1998	Nam
1483	MÃ VĂN KHIẾU	LPH001365	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 2.80	01/04/1998	Nam
1484	MỘC TUẤN ANH	LPH000070	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	04/09/1998	Nam
1485	NGUYỄN HÀ MY	LPH001792	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 4.78	24/01/1998	Nữ
1486	NGÔ HỒNG SƠN	LPH002340	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 7.70	15/04/1998	Nam
1487	NGÔ QUỐC DUY	LPH000527	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 3.80	16/06/1998	Nam
1488	NGÔ THU HOÀI	LPH001015	Toán: 8.00 Vật lí: 9.20 Hóa học: 8.60 Sinh học: 6.80	14/09/1997	Nữ
1489	NGÔ THU HẰNG	LPH000841	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.50 Sinh học: 6.00 Tiếng Anh: 7.03	09/05/1998	Nữ
1490	CHẢO MÙI SẾNH	LPH002308	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.80 Địa lí: 5.25 Tiếng Trung: 2.75	05/04/1998	Nữ
1491	CHẢO VĂN MẠNH	LPH001716	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 5.25	03/03/1998	Nam
1492	CHẤU SEO MINH	LPH001760	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 5.25	06/02/1996	Nam
1493	CHẤU VĂN VÈNH	LPH003048	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.00	18/10/1998	Nam
1494	CÙ VIỆT CHINH	LPH000305	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75	28/03/1998	Nữ
1495	CƯ THANH LONG	LPH001604	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00	06/09/1998	Nam
1496	DOÃN VĂN ĐIẾP	LPH000628	Toán: 1.75 Ngữ văn: 1.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50	20/04/1996	Nam
1497	DÌ HỘI PHƯƠNG	LPH002111	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50	11/09/1998	Nữ
1498	DƯƠNG CAO ANH	LPH000020	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	12/04/1998	Nam
1499	DƯƠNG THỊ HẢO	LPH000823	Toán: 4.75 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.20	27/06/1996	Nữ
1500	DƯƠNG THỊ LỰU	LPH001661	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 6.60	15/01/1998	Nữ
1501	DƯƠNG THỊ VÂN	LPH003035	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 2.45	16/09/1998	Nữ
1502	DƯƠNG THỊ ĐÁN	LPH000596	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25	04/09/1998	Nữ
1503	GIANG VIỆT HÀ	LPH000731	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.60	28/11/1998	Nam
1504	GIẢNG A CHÚNG	LPH000338	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	24/06/1996	Nam
1505	GIẢNG A PHẮNG	LPH002066	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.60	03/06/1998	Nam
1506	GIẢNG A TRẮNG	LPH002833	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00	15/07/1994	Nam
1507	GIẢNG SEO CHƠ	LPH000320	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25	08/06/1998	Nam
1508	TRẦN HỒNG ĐỨC	LPH000672	Toán: 2.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.00	16/09/1997	Nam
1509	TRẦN HỮU PHÚC	LPH002102	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00	08/07/1998	Nam
1510	TRẦN HỮU ĐIẾP	LPH000633	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.40 Hóa học: 3.20	03/11/1998	Nam
1511	TRẦN KHÁNH LY	LPH001677	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	04/06/1998	Nữ
1512	TRẦN MINH ANH	LPH000147	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.80 Sinh học: 6.20	22/04/1998	Nữ
1513	TRẦN MINH HUY	LPH001178	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80	01/09/1998	Nam
1514	TRẦN MINH HẬU	LPH000870	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 7.40 Sinh học: 7.80 Tiếng Anh: 3.48	27/03/1998	Nữ
1515	TRẦN MINH ĐỨC	LPH000673	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 6.70	05/07/1998	Nam
1516	TRẦN NGỌC ANH	LPH000148	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.00	09/07/1998	Nam
1517	TRẦN NGỌC TÀI	LPH002389	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 3.40	06/12/1998	Nam
1518	TRẦN NGỌC ÁNH	LPH000196	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.20 Tiếng Anh: 2.70	22/11/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1519	TRẦN THU HIỀN	LPH000907	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50	21/10/1998	Nữ
1520	TRẦN THU HOÀI	LPH001018	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50	02/11/1998	Nữ
1521	TRẦN THU THẢO	LPH002524	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 2.95	24/05/1998	Nữ
1522	TRẦN THU THỦY	LPH002671	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.50	03/10/1998	Nữ
1523	TRẦN THẾ HOÀN	LPH001034	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	11/05/1998	Nam
1524	TRẦN THẾ KHẢI	LPH001333	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.00	22/09/1998	Nam
1525	TRẦN THỊ DIỄN	LPH000418	Toán: 2.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75	29/09/1998	Nữ
1526	HOÀNG VĂN NHẬT	LPH001982	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.80	12/10/1998	Nam
1527	HOÀNG VĂN SANG	LPH002287	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.75	28/08/1998	Nam
1528	HOÀNG VĂN ĐÔNG	LPH000641	Toán: 3.00 Ngữ văn: 2.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.80	02/09/1998	Nam
1529	HOÀNG XUÂN ĐẠT	LPH000609	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.20	17/03/1998	Nam
1530	HOÀNG ĐÀO XUÂN	LPH003118	Toán: 0.75 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 4.40 Địa lí: 4.50	25/11/1998	Nam
1531	HOÀNG ĐÌNH HẢI	LPH000773	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50	23/09/1993	Nam
1532	HOÀNG ĐÔNG SƠN	LPH002333	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.75	05/07/1989	Nam
1533	HÀ THỊ SAO MAI	LPH001691	Toán: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.40	01/12/1997	Nữ
1534	HÀ THỊ TỔ UYÊN	LPH003019	Toán: 7.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25	18/09/1998	Nữ
1535	HÀ TIẾN TRƯỜNG	LPH002869	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00	30/08/1998	Nam
1536	HÀ TRỌNG NGHĨA	LPH001890	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.80	29/11/1998	Nam
1537	HÙ TUYẾT NHUNG	LPH001999	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.25	26/02/1998	Nữ
1538	KHẨM THỊ HƯỜNG	LPH001308	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 3.25	20/10/1998	Nữ
1539	KIM THUY DƯƠNG	LPH000563	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Sinh học: 2.20 Địa lí: 2.75	28/04/1998	Nữ
1540	KIỀU QUANG ĐẠI	LPH000591	Toán: 8.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 4.08	17/05/1998	Nam
1541	KIỀU THUỶ HẠNH	LPH000806	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.20	10/02/1998	Nữ
1542	LA THANH HUYỀN	LPH001197	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.25	29/09/1998	Nữ
1543	LIỀNG THỊ HỒNG	LPH001084	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.00 Tiếng Anh: 2.25	04/06/1998	Nữ
1544	TRẦN THỊ TRANG	LPH002821	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00	21/06/1998	Nữ
1545	TRẦN THỊ XUYẾN	LPH003126	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 5.40	18/07/1998	Nữ
1546	TRẦN TIẾN BÌNH	LPH000246	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.00	09/07/1998	Nam
1547	TRẦN TRUNG ANH	LPH000159	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	22/02/1998	Nam
1548	TRẦN TRUNG ĐỨC	LPH000677	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.60 Tiếng Anh: 5.43	28/04/1998	Nam
1549	TRẦN TRUNG ĐỨC	LPH000678	Toán: 6.25 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	29/11/1998	Nam
1550	TRẦN TUẤN HIỆP	LPH000933	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 2.60	07/01/1998	Nam
1551	TRẦN TUẤN HÙNG	LPH001147	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	07/05/1998	Nam
1552	TRẦN VIỆT DŨNG	LPH000515	Toán: 1.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.60	19/03/1997	Nam
1553	TRẦN VIỆT HƯNG	LPH001255	Toán: 9.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.80 Hóa học: 8.20 Tiếng Anh: 5.10	26/12/1998	Nam
1554	TRẦN VĂN CƯỜNG	LPH000401	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.80	15/01/1998	Nam
1555	TRẦN VĂN QUANG	LPH002198	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80	05/07/1998	Nam
1556	TRẦN VĂN THUẦN	LPH002638	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.20	13/09/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1557	TRẦN XUÂN BÁCH	LPH000204	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00	11/04/1997	Nam
1558	TRẦN XUÂN KIẾN	LPH001395	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.40	26/02/1998	Nam
1559	TRẦN XUÂN LINH	LPH001576	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 3.00	19/02/1997	Nam
1560	TRẦN THỊ THIÊN	LPH002587	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.80	20/10/1998	Nữ
1561	NGUYỄN MANH ĐỨC	LPH000666	Toán: 8.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 5.08	12/10/1998	Nam
1562	NGUYỄN MỸ DUYÊN	LPH000546	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.75	26/08/1998	Nữ
1563	NGUYỄN NAM HOÀN	LPH001027	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.20 Địa lí: 2.75	27/03/1998	Nam
1564	NGUYỄN NGỌC ANH	LPH000087	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.40	10/12/1998	Nữ
1565	NGUYỄN NGỌC ANH	LPH000088	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.60 Địa lí: 4.75	20/03/1998	Nam
1566	NGUYỄN NGỌC ANH	LPH000089	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 7.60 Sinh học: 7.00 Tiếng Anh: 4.40	20/11/1998	Nữ
1567	NGUYỄN NGỌC HẢI	LPH000784	Toán: 8.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 3.35	08/07/1998	Nam
1568	NGUYỄN NGỌC HẢI	LPH000785	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.00	17/07/1997	Nam
1569	NGUYỄN NGỌC LAN	LPH001425	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75	13/08/1998	Nữ
1570	NGUYỄN NGỌC LAN	LPH001426	Toán: 4.25 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 2.28	25/10/1998	Nữ
1571	NGUYỄN NGỌC MAI	LPH001695	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00	22/02/1998	Nữ
1572	NGUYỄN NGỌC ÁNH	LPH000185	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.60	09/11/1998	Nam
1573	NGUYỄN NGỌC ÁNH	LPH000186	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Địa lí: 5.00	12/05/1998	Nữ
1574	NGUYỄN NGỌC ÁNH	LPH000187	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	27/11/1998	Nữ
1575	NGUYỄN NHẬT ANH	LPH000091	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	09/11/1998	Nam
1576	NGUYỄN THANH HÀ	LPH000747	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.20	20/11/1998	Nữ
1577	NGUYỄN THANH HÀ	LPH000748	Toán: 5.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.85	28/04/1998	Nữ
1578	HÀ THẾ DUY	LPH000524	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 3.25	27/03/1998	Nam
1579	HÀ THỊ HUỆ	LPH001102	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.25	08/02/1998	Nữ
1580	HÀ THỊ HUỆ	LPH001112	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.20	23/03/1998	Nữ
1581	HÀ THỊ MAI	LPH001690	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00	20/10/1998	Nữ
1582	HÙ THỊ CHI	LPH000280	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 3.80	18/04/1998	Nữ
1583	HÀNG A CHỮ	LPH000348	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 5.80	25/09/1998	Nam
1584	HÀNG A PAO	LPH002055	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	03/07/1998	Nam
1585	HẦU A DÍNH	LPH000433	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.80 Địa lí: 5.25 Tiếng Trung: 3.50	19/08/1998	Nam
1586	HỒ THỊ LAN	LPH001421	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.20	10/03/1998	Nữ
1587	LA THỊ GÁI	LPH000685	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00	10/04/1998	Nữ
1588	LA THỊ HOA	LPH000990	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75	12/11/1998	Nữ
1589	LA THỊ NGŨ	LPH001964	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	12/02/1998	Nữ
1590	LA THỊ YẾN	LPH003135	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00	01/01/1998	Nữ
1591	LA VĂN DẦN	LPH000410	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.00	09/01/1998	Nam
1592	LA VĂN THỨ	LPH002698	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.50	08/09/1997	Nam
1593	LY SEO CHÚ	LPH000323	Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00	12/01/1997	Nam
1594	LY SEO CHƯ	LPH000345	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.20	22/06/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1595	LY SEO PHỪ	LPH002105	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00	20/05/1998	Nam
1596	THÀO SEO SỬ	LPH002374	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75	25/07/1998	Nam
1597	THÀO THỊ CÁ	LPH000256	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75	17/10/1998	Nữ
1598	THÀO THỊ CÁ	LPH000257	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25	20/08/1998	Nữ
1599	THÀO THỊ CÚ	LPH000371	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75	06/12/1998	Nữ
1600	THÈN Ỡ KINH	LPH001401	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50	21/03/1998	Nam
1601	THÈN Ỡ PHIM	LPH002075	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.00	13/11/1998	Nam
1602	TRẦN ANH TÚ	LPH002907	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.00	03/09/1997	Nam
1603	TRẦN ANH TÚ	LPH002908	Toán: 6.25 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.80	14/08/1997	Nam
1604	TRẦN HỮU VỸ	LPH003103	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80	05/02/1998	Nam
1605	TRẦN LAN VY	LPH003102	Toán: 8.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 4.78	15/10/1998	Nữ
1606	TRẦN THU HÀ	LPH000760	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00	11/05/1998	Nữ
1607	TRẦN THỊ HÀ	LPH000756	Toán: 6.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 6.60	09/06/1996	Nữ
1608	TRẦN THỊ MỸ	LPH001800	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.00	09/08/1998	Nữ
1609	TRẦN TÚ ANH	LPH000160	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.80	01/12/1997	Nữ
1610	TRẦN VĂN KỶ	LPH001408	Toán: 7.25 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.60	01/03/1997	Nam
1611	TÔ HOÀI THU	LPH002634	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.20	14/12/1998	Nữ
1612	TẠ QUỐC ANH	LPH000141	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 6.80	30/09/1998	Nam
1613	TẠ THU HOÀI	LPH001017	Toán: 7.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 3.60	10/09/1998	Nữ
1614	NGÔ THỊ LOAN	LPH001594	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Sinh học: 5.00 Địa lí: 4.50	04/11/1997	Nữ
1615	NGÔ THỊ LOAN	LPH001595	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 3.00	21/11/1998	Nữ
1616	NGÔ TUẤN ANH	LPH000075	Toán: 7.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 4.53	19/06/1998	Nam
1617	NGÔ VIỆT ĐẠT	LPH000611	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.40 Sinh học: 5.40	19/07/1998	Nam
1618	NGÃI THỊ GIỎ	LPH000723	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.00	01/05/1998	Nữ
1619	NÔNG THỊ LAN	LPH001430	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.25	10/07/1998	Nữ
1620	NÔNG THỊ MAN	LPH001712	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Địa lí: 4.50	17/09/1998	Nữ
1621	NÔNG THỊ QUÊ	LPH002220	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00	05/09/1998	Nữ
1622	NÔNG THỊ VUI	LPH003094	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.75	04/02/1998	Nữ
1623	NÙNG LÝ BĂNG	LPH000218	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.25	13/01/1998	Nam
1624	NÙNG THỊ YẾN	LPH003142	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 6.20	02/02/1998	Nữ
1625	PHAN NGỌC TÚ	LPH002905	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 2.25	11/11/1998	Nam
1626	PHAN THỊ NGÀ	LPH001863	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	05/04/1998	Nữ
1627	PHAN THỊ VỚI	LPH003079	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50	26/05/1998	Nữ
1628	PHAN VĂN TẠO	LPH002394	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.40	05/06/1998	Nam
1629	NGÔ THÚY NGÀ	LPH001860	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 3.00 Tiếng Anh: 3.98	15/11/1998	Nữ
1630	PHAN ĐỨC HẬU	LPH000866	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50	24/07/1998	Nam
1631	PHẦN LỖ CHẨN	LPH000264	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00	17/01/1998	Nam
1632	GIÀNG SEO PHỨ	LPH002109	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.60	23/07/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1633	GIÀNG SEO PÁO	LPH002058	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75	15/10/1993	Nam
1634	GIÀNG SEO SAY	LPH002297	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 0.25	14/01/1993	Nam
1635	GIÀNG SEO SÌN	LPH002316	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.50	19/10/1993	Nam
1636	GIÀNG SEO TRƯ	LPH002864	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25	09/03/1998	Nam
1637	GIÀNG THỊ CHƯ	LPH000343	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 2.25	03/10/1997	Nữ
1638	GIÀNG THỊ CHƯ	LPH000344	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50	17/05/1998	Nữ
1639	GIÀNG THỊ HOA	LPH000988	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.60 Sinh học: 5.20	30/07/1998	Nữ
1640	GIÀNG THỊ LAN	LPH001420	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.80	22/12/1998	Nữ
1641	GIÀNG THỊ MÁI	LPH001711	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00	03/06/1998	Nữ
1642	GIÀNG THỊ SAI	LPH002282	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.00	01/04/1998	Nữ
1643	GIÀNG THỊ XUA	LPH003116	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00	19/08/1998	Nữ
1644	GIÀNG THỊ YÊN	LPH003128	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25	15/04/1998	Nữ
1645	GIÀNG VĂN LẬP	LPH001446	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00	14/09/1998	Nam
1646	HOÀNG ANH THƠ	LPH002609	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.25	18/03/1998	Nữ
1647	GIÀNG SEO HÒA	LPH001004	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	06/08/1998	Nam
1648	HOÀNG CHÍ ĐỨC	LPH000654	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 5.85	14/10/1998	Nam
1649	HOÀNG DẠ THẢO	LPH002483	Toán: 1.50 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75	08/12/1998	Nữ
1650	TRẦN THỊ DUNG	LPH000474	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 3.40 Địa lí: 4.25	02/07/1998	Nữ
1651	TRẦN THỊ HOÀN	LPH001035	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.60	23/05/1998	Nữ
1652	TRẦN THỊ HẰNG	LPH000850	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.80 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	01/02/1998	Nữ
1653	TRẦN THỊ HỒNG	LPH001092	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.60	06/06/1998	Nữ
1654	TRẦN THỊ HỒNG	LPH001093	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.00	09/04/1998	Nữ
1655	TRẦN THỊ LINH	LPH001574	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.50	11/05/1998	Nữ
1656	TRẦN THỊ LIỄU	LPH001477	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.60	06/11/1998	Nữ
1657	TRẦN THỊ NGÁT	LPH001874	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.20	26/09/1998	Nữ
1658	TRẦN THỊ NGỌC	LPH001936	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.40	05/01/1998	Nữ
1659	TRẦN THỊ NGỌC	LPH001937	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60	12/07/1998	Nữ
1660	TRẦN THỊ NGỌC	LPH001938	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 2.40	23/08/1998	Nữ
1661	TRẦN THỊ PHÚC	LPH002103	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00	26/05/1998	Nữ
1662	TRẦN THỊ THUỶ	LPH002653	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	10/07/1998	Nữ
1663	TRẦN THỊ THƠM	LPH002617	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 7.75	12/04/1998	Nữ
1664	TRẦN THỊ VIỄN	LPH003051	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50	20/04/1998	Nữ
1665	TRẦN THỊ XUÂN	LPH003124	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	18/03/1998	Nữ
1666	TRẦN TIẾN ANH	LPH000157	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	25/09/1998	Nam
1667	LIỄU THỊ DUYÊN	LPH000542	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.00	10/01/1998	Nữ
1668	LÂM NGỌC PHONG	LPH002083	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00	18/05/1998	Nam
1669	LÂM THÚY QUỲNH	LPH002255	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.00	28/06/1998	Nữ
1670	LÂM THỊ THƯƠNG	LPH002706	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	08/01/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1671	LÃ HOÀNG Ý NHI	LPH001985	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 2.70	22/07/1998	Nữ
1672	LÊNG BÌNH HƯNG	LPH001247	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 4.40	16/04/1998	Nam
1673	LÊ CÔNG TRƯỜNG	LPH002871	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 4.75	22/08/1995	Nam
1674	LÊ HOÀNG CƯƠNG	LPH000378	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.60 Sinh học: 5.60	03/03/1998	Nam
1675	LÊ HUYỀN TRANG	LPH002775	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25	21/04/1997	Nữ
1676	LÊ THỊ HỒNG HÀ	LPH000734	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.00	01/01/1997	Nữ
1677	LÊ THỊ MAI ANH	LPH000058	Toán: 7.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40 Tiếng Trung: 3.38	17/09/1998	Nữ
1678	LÊ XUÂN TRƯỜNG	LPH002872	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.75	15/12/1998	Nam
1679	LÙ THANH HUYỀN	LPH001200	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	06/06/1998	Nữ
1680	LÙ XUÂN TRƯỜNG	LPH002873	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60	06/11/1998	Nam
1681	LỪNG LÂM DƯƠNG	LPH000588	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	10/10/1998	Nam
1682	LỪNG THỊ THIÊN	LPH002581	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.60	01/11/1998	Nữ
1683	LỪNG VĂN TRINH	LPH002843	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 5.20	25/04/1998	Nam
1684	TRẦN XUÂN SANG	LPH002289	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.40	14/08/1998	Nam
1685	TRẦN XUÂN TÙNG	LPH002987	Toán: 6.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 6.00	03/11/1997	Nam
1686	TRẦN ĐẠI NGHĨA	LPH001899	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.00	12/06/1997	Nam
1687	TRẦN ĐẠI NGHĨA	LPH001900	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.20	20/04/1998	Nam
1688	TRẦN ĐỨC THỊNH	LPH002597	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 3.63	19/01/1998	Nam
1689	TRẦN THỊ DƯƠNG	LPH000589	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.50	23/07/1998	Nữ
1690	TRỊNH NINH THƯ	LPH002697	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 6.80 Địa lí: 4.75	13/07/1998	Nữ
1691	TRỊNH THU HIỀN	LPH000909	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 2.60 Địa lí: 5.25	12/05/1998	Nữ
1692	TRỊNH THỊ TRÚC	LPH002850	Toán: 0.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.00	30/07/1998	Nữ
1693	TẶNG NHẬT LONG	LPH001620	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.50	13/08/1998	Nam
1694	TỔNG HUY HOÀNG	LPH001064	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.60	11/02/1998	Nam
1695	VÀNG KHẮC ĐIẾP	LPH000634	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	13/06/1997	Nam
1696	VÀNG QUANG KHỬ	LPH001377	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.25	03/02/1998	Nam
1697	VÀNG THỊ DUYÊN	LPH000554	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Địa lí: 5.00	29/08/1998	Nữ
1698	VÀNG THỊ HUYỀN	LPH001224	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.60	19/10/1998	Nữ
1699	VÀNG THỊ HƯƠNG	LPH001300	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.75	03/07/1998	Nữ
1700	VÀNG THỊ HƯƠNG	LPH001301	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.40 Địa lí: 4.00	10/12/1997	Nữ
1701	NGUYỄN THU HIỀN	LPH000898	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Sinh học: 4.80 Tiếng Anh: 5.08	12/08/1998	Nữ
1702	NGUYỄN THU HIỀN	LPH000899	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25	16/10/1998	Nữ
1703	NGUYỄN THU HIỀN	LPH000900	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 7.75 Tiếng Anh: 8.33	26/01/1998	Nữ
1704	NGUYỄN THU HẰNG	LPH000843	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 6.48	29/09/1998	Nữ
1705	NGUYỄN THU HẰNG	LPH000844	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 6.78	30/09/1998	Nữ
1706	NGUYỄN THU NGÂN	LPH001881	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.80	15/04/1998	Nữ
1707	NGUYỄN THU THẢO	LPH002510	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.00	15/09/1998	Nữ
1708	NGUYỄN THU THẢO	LPH002511	Toán: 7.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.20 Tiếng Anh: 2.75	25/08/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1709	NGUYỄN THU THỦY	LPH002663	Toán: 8.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.60	07/02/1998	Nữ
1710	NGUYỄN THU THỦY	LPH002664	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 8.95	26/08/1998	Nữ
1711	NGUYỄN THU UYÊN	LPH003023	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 2.93	27/07/1998	Nữ
1712	NGUYỄN THẢO VÂN	LPH003042	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 3.23	23/11/1998	Nữ
1713	NGUYỄN THẾ DINH	LPH000430	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.00	14/06/1998	Nam
1714	NGUYỄN THẾ HÙNG	LPH001141	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.75	04/06/1994	Nam
1715	NGUYỄN THỊ BÍCH	LPH000224	Toán: 1.25 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 2.18	01/01/1997	Nữ
1716	NGUYỄN THỊ BÍCH	LPH000225	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.60	01/05/1998	Nữ
1717	NGUYỄN THIỆN TÚ	LPH002902	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 3.50	16/10/1994	Nam
1718	NGUYỄN THỊ HIỆP	LPH000927	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.00	10/03/1998	Nữ
1719	LY THỊ CHƯ	LPH000346	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.75	04/09/1998	Nữ
1720	LY THỊ CHƯ	LPH000347	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.25	20/10/1998	Nữ
1721	LY THỊ DOI	LPH000441	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 3.50	19/07/1998	Nữ
1722	LY TY NHỎI	LPH001992	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.25	15/05/1998	Nữ
1723	LÃ BÁ HOÀN	LPH001024	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.00	10/12/1997	Nam
1724	LÊ ANH QUÝ	LPH002225	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50	09/04/1997	Nam
1725	LÊ HẢI ANH	LPH000052	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 7.60	28/07/1998	Nữ
1726	LÊ HẢI YẾN	LPH003136	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 6.28	18/12/1998	Nữ
1727	LÊ HỒNG LY	LPH001667	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 2.50	08/06/1998	Nữ
1728	LÊ KIM ANH	LPH000053	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00	25/06/1998	Nữ
1729	LÊ KIM TÂN	LPH002409	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.20	15/07/1998	Nam
1730	LÊ NHỮ PHÚ	LPH002094	Toán: 1.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 2.40 Địa lí: 2.50	26/07/1998	Nam
1731	LÊ SƠN ANH	LPH000056	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.20	30/09/1998	Nam
1732	LÊ THÁI HÀ	LPH000736	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.40	04/01/1998	Nữ
1733	LÊ THÁI TÚ	LPH002896	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.60 Tiếng Anh: 4.30	17/03/1998	Nam
1734	LÊ THỊ HẬU	LPH000863	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	11/11/1998	Nữ
1735	LÊ THỊ THU	LPH002623	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	18/01/1998	Nữ
1736	LÊ THỊ TÂN	LPH002410	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.60	05/10/1998	Nữ
1737	TẠ THU THẢO	LPH002518	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00	14/07/1998	Nữ
1738	TẦN SEO LÊN	LPH001459	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25	13/11/1998	Nam
1739	TẦN THỊ HOA	LPH001002	Toán: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Tiếng Anh: 4.23	18/01/1997	Nữ
1740	TẦN THỊ YẾN	LPH003145	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	18/05/1998	Nữ
1741	VI HÙNG HẬU	LPH000872	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 2.95	22/01/1998	Nam
1742	VI THỊ BẰNG	LPH000219	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00	10/07/1998	Nữ
1743	VI THỊ DUNG	LPH000476	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.80 Sinh học: 7.60	22/01/1998	Nữ
1744	VI THỊ UYÊN	LPH003025	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 2.25	15/04/1998	Nữ
1745	VI TIẾN HUY	LPH001180	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 5.40	11/09/1998	Nam
1746	VI TIẾN ĐẠT	LPH000622	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75	16/03/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1747	VI TUẤN ANH	LPH000169	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 4.80	03/08/1998	Nam
1748	VÀNG A SÁNG	LPH002294	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.00 Địa lí: 6.25	27/08/1998	Nam
1749	VÀNG A THÁI	LPH002425	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	12/04/1998	Nam
1750	VÀNG A TỈNH	LPH002736	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 3.20	30/04/1998	Nam
1751	VÀNG LÁO TẢ	LPH002388	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00	25/07/1998	Nam
1752	VÀNG SEO LÙ	LPH001635	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.80	01/09/1998	Nam
1753	VÀNG THỊ CỎ	LPH000356	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00	01/11/1998	Nữ
1754	VÀNG THỊ HỒ	LPH001073	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00	15/04/1997	Nữ
1755	PHẦN SAN MẦY	LPH001747	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.20	16/04/1998	Nữ
1756	PHẦN THỊ LAN	LPH001431	Toán: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 8.00	26/10/1997	Nữ
1757	PHẦN THỊ NGÀ	LPH001864	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 8.40 Sinh học: 7.20 Tiếng Anh: 2.33	21/11/1998	Nữ
1758	PHÀNG A SÍNH	LPH002322	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.40	24/07/1998	Nam
1759	PHẠM ANH NAM	LPH001829	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 2.53	01/08/1997	Nam
1760	PHẠM DUY NAM	LPH001830	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.40	13/12/1998	Nam
1761	PHẠM HỒNG KỶ	LPH001407	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.60	07/06/1998	Nam
1762	PHẠM HỮU HÒA	LPH001008	Toán: 1.25	28/03/1996	Nam
1763	PHẠM MINH TÚ	LPH002906	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.20	08/01/1998	Nam
1764	PHẠM THU HẬU	LPH000869	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 3.45	21/07/1998	Nữ
1765	PHẠM THẾ ANH	LPH000129	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 5.40	13/08/1998	Nam
1766	PHẠM THẾ ANH	LPH000130	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	21/08/1998	Nam
1767	PHẠM THỊ ANH	LPH000131	Toán: 1.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 5.60	15/05/1998	Nữ
1768	PHẠM THỊ HUỆ	LPH001116	Toán: 1.50 Hóa học: 3.60 Sinh học: 4.80	03/08/1997	Nữ
1769	PHẠM THỊ HẢI	LPH000793	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 2.78	31/10/1998	Nữ
1770	PHẠM THỊ HẬU	LPH000867	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75	02/05/1998	Nữ
1771	PHẠM THỊ HẬU	LPH000868	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.00	18/12/1998	Nữ
1772	PHẠM THỊ MAI	LPH001703	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.50	28/06/1998	Nữ
1773	HOÀNG GIA BẢO	LPH000208	Toán: 8.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.60 Hóa học: 9.20	23/05/1998	Nam
1774	HOÀNG LƯU BẢO	LPH000209	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.20	17/08/1998	Nam
1775	HOÀNG THỊ CHI	LPH000278	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.25	10/02/1998	Nữ
1776	HOÀNG THỊ DÚA	LPH000447	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.60	12/01/1998	Nữ
1777	HOÀNG THỊ DÚA	LPH000448	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00	19/04/1998	Nữ
1778	HOÀNG THỊ DỊU	LPH000437	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 3.40	25/10/1998	Nữ
1779	HOÀNG THỊ HUỆ	LPH001113	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00	10/09/1998	Nữ
1780	HOÀNG THỊ HUỆ	LPH001114	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	12/01/1998	Nữ
1781	HOÀNG THỊ HẬU	LPH000859	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.20	03/05/1998	Nữ
1782	HOÀNG THỊ HẬU	LPH000860	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25	28/06/1998	Nữ
1783	HOÀNG THỊ KIM	LPH001399	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.60	11/08/1998	Nữ
1784	HOÀNG THỊ SƠN	LPH002335	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Sinh học: 2.60 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75	02/02/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1785	HOÀNG THỊ THU	LPH002621	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.50	02/09/1998	Nữ
1786	HOÀNG THỊ THU	LPH002690	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50	03/05/1998	Nữ
1787	HOÀNG VIỆT KỲ	LPH001406	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.80	13/12/1998	Nam
1788	HOÀNG VĂN DUY	LPH000525	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.20	21/12/1998	Nam
1789	HOÀNG VĂN HẬU	LPH000861	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.80	20/05/1998	Nam
1790	TRẦN TIẾN ANH	LPH000158	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.80	28/10/1998	Nam
1791	TRẦN TIẾN ĐẠT	LPH000620	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.80	24/05/1998	Nam
1792	TRẦN TIẾN ĐỨC	LPH000676	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.80	30/08/1998	Nam
1793	TRẦN TUẤN ANH	LPH000161	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00	02/07/1998	Nam
1794	TRẦN TUẤN ANH	LPH000162	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	06/07/1997	Nam
1795	TRẦN TUẤN ANH	LPH000163	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 7.25	11/10/1998	Nam
1796	TRẦN TUẤN ANH	LPH000164	Toán: 1.25 Hóa học: 3.60 Sinh học: 4.40	22/12/1994	Nam
1797	TRẦN TUẤN HẢI	LPH000795	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.40	09/11/1998	Nam
1798	TRẦN VĂN HIẾU	LPH000972	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00	12/02/1998	Nam
1799	TRẦN VĂN HIẾU	LPH000973	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 5.60	14/08/1998	Nam
1800	TRẦN VĂN HIỀN	LPH000908	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.60	13/05/1995	Nam
1801	TRẦN VĂN HÙNG	LPH001148	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00	17/12/1994	Nam
1802	TRẦN VĂN LONG	LPH001622	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.00	29/06/1994	Nam
1803	TRẦN VĂN TOÁN	LPH002748	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 2.45	13/03/1998	Nam
1804	TRẦN VĂN TÌNH	LPH002735	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.25	10/03/1993	Nam
1805	TRẦN VĂN TÙNG	LPH002986	Toán: 7.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80	24/12/1998	Nam
1806	TRẦN XUÂN NAM	LPH001842	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.00	06/10/1998	Nam
1807	TRẦN XUÂN NAM	LPH001843	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50	20/07/1998	Nam
1808	LÝ QUANG HƯỚNG	LPH001324	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00	20/11/1998	Nam
1809	LÝ THANH CƯƠNG	LPH000380	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 3.00	12/11/1998	Nam
1810	LÝ THỊ THU VÂN	LPH003040	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 3.45	15/10/1998	Nữ
1811	LƯU HOÀI TRANG	LPH002779	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 5.73	20/08/1998	Nữ
1812	LƯU NGỌC CHUNG	LPH000332	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.25	19/01/1995	Nam
1813	LƯU THÀNH LUÂN	LPH001637	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.60	15/08/1998	Nam
1814	LƯU THÙY TRANG	LPH002781	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.40	20/05/1998	Nữ
1815	LƯƠNG THU HIỀN	LPH000895	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	11/05/1998	Nữ
1816	LƯƠNG THU THẢO	LPH002492	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	05/03/1998	Nữ
1817	LƯƠNG THỊ BIẾT	LPH000230	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25	28/01/1997	Nữ
1818	LƯƠNG THỊ CHÂM	LPH000265	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00	16/08/1998	Nữ
1819	LƯƠNG THỊ HẠNH	LPH000808	Toán: 3.75 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.00	11/11/1998	Nữ
1820	LƯƠNG THỊ HẠNH	LPH000809	Toán: 6.25 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40	26/04/1996	Nữ
1821	LƯƠNG THỊ THẨM	LPH002532	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75	01/03/1998	Nữ
1822	LƯƠNG THỊ THÚY	LPH002660	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50	10/03/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1823	LƯƠNG THỊ XOAN	LPH003113	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.40	17/08/1998	Nữ
1824	LƯƠNG VĂN HÙNG	LPH001132	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.25	13/01/1998	Nam
1825	LƯƠNG VĂN HƯNG	LPH001248	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.40	02/02/1998	Nam
1826	VÀNG THỊ HƯƠNG	LPH001302	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.00	22/05/1998	Nữ
1827	VÀNG THỊ KHÁNH	LPH001357	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.20	02/09/1998	Nữ
1828	VÀNG THỊ NHUNG	LPH002020	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75	28/08/1998	Nữ
1829	VÀNG THỊ QUỲNH	LPH002276	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75	18/03/1998	Nữ
1830	VÀNG TRẮNG PAO	LPH002057	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	06/07/1998	Nam
1831	VÀNG VĂN LUYỆN	LPH001645	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 5.40	20/05/1998	Nam
1832	VÀNG VĂN QUANG	LPH002200	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.20	06/02/1998	Nam
1833	VÀNG VĂN QUYỀN	LPH002245	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.00	29/08/1998	Nam
1834	VÀNG VĂN THÔNG	LPH002608	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00	20/11/1991	Nam
1835	VÀNG XUÂN VINH	LPH003077	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50	19/08/1998	Nam
1836	VŨ THỊ ÁNH LAN	LPH001432	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.50	19/09/1997	Nữ
1837	VŨI THỊ NGUYỆT	LPH001962	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 3.88	17/05/1998	Nữ
1838	VŨ HOÀNG GIANG	LPH000717	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.20	11/08/1998	Nam
1839	VŨ MẠNH TRƯỜNG	LPH002886	Toán: 2.75 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 1.80 Hóa học: 4.80	03/03/1998	Nam
1840	VŨ PHƯƠNG LINH	LPH001579	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25	17/07/1998	Nữ
1841	VŨ QUYẾT THẮNG	LPH002564	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40	20/12/1997	Nam
1842	VŨ THANH HUYỀN	LPH001226	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.00	01/01/1998	Nữ
1843	VŨ THẢO PHƯƠNG	LPH002162	Toán: 7.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 8.55	21/10/1998	Nữ
1844	NGUYỄN THỊ HẠNH	LPH000810	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 5.20	08/11/1998	Nữ
1845	NGUYỄN THỊ HẠNH	LPH000811	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.80 Sinh học: 5.60	24/02/1998	Nữ
1846	NGUYỄN THỊ HỒNG	LPH001089	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 9.23	23/09/1998	Nữ
1847	NGUYỄN THỊ LINH	LPH001532	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Trung: 5.35	08/09/1998	Nữ
1848	NGUYỄN THỊ LINH	LPH001533	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.25	09/01/1998	Nữ
1849	NGUYỄN THỊ LINH	LPH001534	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Địa lí: 4.00	16/06/1998	Nữ
1850	NGUYỄN THỊ LINH	LPH001535	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 4.40 Địa lí: 5.75	25/05/1998	Nữ
1851	NGUYỄN THỊ LIÊN	LPH001471	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 3.13	21/06/1998	Nữ
1852	NGUYỄN THỊ LOAN	LPH001597	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.60 Tiếng Anh: 3.63	25/04/1998	Nữ
1853	NGUYỄN THỊ NGÂN	LPH001879	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50	27/07/1998	Nữ
1854	NGUYỄN THỊ NGỌC	LPH001926	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80 Địa lí: 3.75	31/12/1998	Nữ
1855	NGUYỄN THỊ NINH	LPH002027	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00	17/04/1998	Nữ
1856	NGUYỄN THỊ THÙY	LPH002650	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 4.50	14/02/1998	Nữ
1857	NGUYỄN THỊ THÙY	LPH002651	Toán: 5.75 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40 Sinh học: 6.20	23/05/1997	Nữ
1858	NGUYỄN THỊ THƠM	LPH002615	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75	12/09/1998	Nữ
1859	NGUYỄN THỊ THƠM	LPH002616	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.40	15/01/1998	Nữ
1860	NGUYỄN THỊ THẢO	LPH002507	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 2.80 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.75	21/04/1996	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1861	LÊ VĂN HẢI	LPH000775	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.50	05/03/1998	Nam
1862	LÊ VŨ DŨNG	LPH000492	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.25	10/08/1998	Nam
1863	LÊ ĐẠI HẢI	LPH000774	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.50	21/10/1994	Nam
1864	LÊ ĐỨC ANH	LPH000050	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 5.78	17/07/1998	Nam
1865	LÊ ĐỨC ANH	LPH000051	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.20	31/10/1998	Nam
1866	LÒ MÙI NẢY	LPH001848	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.60 Địa lí: 5.00 Tiếng Trung: 2.63	16/06/1998	Nữ
1867	LÒ THỊ XÂY	LPH003106	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.00	01/12/1998	Nữ
1868	LÒ VĂN HÙI	LPH001119	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	18/10/1998	Nam
1869	LÙ SEO LỰC	LPH001648	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00	28/04/1998	Nam
1870	LÙ THỊ PHI	LPH002072	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	20/05/1998	Nữ
1871	LÙ THỊ YẾN	LPH003137	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.00	03/06/1998	Nữ
1872	LÙ THỊ ĐÊM	LPH000627	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 3.60	01/09/1998	Nữ
1873	LÙ VĂN HUY	LPH001163	Toán: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	05/10/1997	Nam
1874	LÙ VĂN LỢI	LPH001630	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	07/02/1998	Nam
1875	LÙ VĂN PÁO	LPH002059	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.25	20/03/1986	Nam
1876	LÙ VĂN TÂM	LPH002400	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.00	10/08/1998	Nam
1877	LÙ ĐỨC HẢI	LPH000776	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.60 Sinh học: 7.20	26/11/1998	Nam
1878	LÝ A GIỒNG	LPH000724	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50	13/02/1996	Nam
1879	VÀNG THỊ LA	LPH001412	Toán: 3.25 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.00	02/07/1997	Nữ
1880	VÀNG THỊ LỆ	LPH001457	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 2.60	02/12/1998	Nữ
1881	VÀNG THỊ RÚ	LPH002279	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00	03/07/1998	Nữ
1882	VÀNG THỊ SỐ	LPH002323	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 6.25	17/05/1998	Nữ
1883	VÀNG TẢ MỸ	LPH001753	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.75	08/01/1998	Nữ
1884	VÀNG TẢ MỸ	LPH001754	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.00 Địa lí: 5.25	13/08/1998	Nữ
1885	VÀNG VĂN TƯ	LPH003007	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 5.60	06/04/1998	Nam
1886	VŨ DUY HÙNG	LPH001151	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.25	01/05/1989	Nam
1887	VŨ DUY MẠNH	LPH001735	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.60	28/10/1998	Nam
1888	VŨ HUY HÙNG	LPH001152	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.40	31/07/1998	Nam
1889	VŨ HUY THÁI	LPH002426	Toán: 3.75 Ngữ văn: 2.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 6.20 Tiếng Anh: 6.75	28/04/1998	Nam
1890	VŨ MẠNH ĐỨC	LPH000682	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.40	02/06/1998	Nam
1891	VŨ NGỌC ANH	LPH000171	Toán: 2.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75	27/06/1998	Nam
1892	VŨ NGỌC SƠN	LPH002361	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.40	30/09/1998	Nam
1893	VŨ SƠN TÙNG	LPH002988	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.60	04/11/1997	Nam
1894	VŨ THÁI NAM	LPH001846	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.20	09/06/1998	Nam
1895	VŨ THÚY VÂN	LPH003045	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.60	29/05/1998	Nữ
1896	VŨ THỊ BÍCH	LPH000228	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.50	26/02/1998	Nữ
1897	PHẠM THỊ THU	LPH002632	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50	09/03/1998	Nữ
1898	PHẠM THỊ TỤY	LPH002990	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00	20/03/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1899	PHẠM THỊ VÂN	LPH003043	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.75 Tiếng Trung: 2.75	04/12/1998	Nữ
1900	PHẠM TRÍ MẦN	LPH001739	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.50	21/10/1997	Nam
1901	PHẠM VĂN ANH	LPH000138	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.20	03/04/1998	Nam
1902	PHẠM VĂN DUY	LPH000537	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	12/08/1998	Nam
1903	PHẠM VĂN LÂM	LPH001442	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.40	24/04/1998	Nam
1904	PHẠM VĂN NAM	LPH001833	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.20	14/05/1998	Nam
1905	PHẠM VĂN PHÚ	LPH002096	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.20 Địa lí: 5.50	15/02/1998	Nam
1906	PHẠM VĂN ĐỨC	LPH000669	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00	08/11/1998	Nam
1907	PHẠM ĐỨC ANH	LPH000124	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00	10/02/1998	Nam
1908	PHẠM ĐỨC ANH	LPH000125	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 4.53	26/02/1996	Nam
1909	PHẠM ĐỨC ANH	LPH000126	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	30/06/1998	Nam
1910	PHẠM ĐỨC HẢI	LPH000791	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.20	27/09/1998	Nam
1911	SIN THỊ THÂN	LPH002565	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.50	26/08/1998	Nữ
1912	SÌ THỊ HƯƠNG	LPH001289	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.25	09/12/1998	Nữ
1913	SIN ĐỨC TÍNH	LPH002738	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.00 Địa lí: 4.25	20/09/1998	Nam
1914	SÙNG A QUÁNG	LPH002206	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	06/11/1998	Nam
1915	HOÀNG VĂN KIU	LPH001405	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.80	12/12/1998	Nam
1916	HOÀNG VĂN PHỔ	LPH002093	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.00	07/10/1998	Nam
1917	HOÀNG VĂN SAN	LPH002284	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 6.40	17/09/1998	Nam
1918	HOÀNG VĂN TÂM	LPH002399	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 2.40 Sinh học: 4.20	30/03/1998	Nam
1919	HOÀNG VĂN TÂM	LPH002408	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	22/10/1998	Nam
1920	HOÀNG VĂN ĐẠT	LPH000607	Toán: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.00	03/09/1997	Nam
1921	HOÀNG VĂN ĐẠT	LPH000608	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50	08/06/1998	Nam
1922	HÀ NGỌC CHINH	LPH000306	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 6.50	04/03/1997	Nữ
1923	HÀ NGỌC THẮNG	LPH002548	Toán: 0.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.75	13/03/1998	Nam
1924	HÀ THANH BÌNH	LPH000237	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.60	19/11/1998	Nam
1925	HÀ ĐÌNH CƯƠNG	LPH000377	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50	03/06/1994	Nam
1926	HÀNG SEO DUNG	LPH000458	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00	07/09/1998	Nữ
1927	HẦU CHÍ HƯỚNG	LPH001323	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	06/10/1997	Nam
1928	HỒ THỊ PHƯỢNG	LPH002164	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50	13/09/1998	Nữ
1929	KHẮM VĂN VIỆT	LPH003057	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.75	09/05/1998	Nam
1930	KIỀU TUẤN ANH	LPH000046	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50	28/08/1998	Nam
1931	KIỀU VIỆT ANH	LPH000047	Toán: 4.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	10/02/1998	Nam
1932	LA MINH THÍCH	LPH002571	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.80 Sinh học: 6.00	14/10/1998	Nam
1933	TRẦN ĐÌNH SƠN	LPH002356	Toán: 3.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.40	14/08/1995	Nam
1934	TRẦN ĐỨC BÌNH	LPH000245	Toán: 8.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.20	16/09/1998	Nam
1935	TRẦN ĐỨC HOÀN	LPH001031	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 5.48	25/11/1998	Nam
1936	TRỊNH VĂN ANH	LPH000167	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.00	20/04/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1937	TRINH ĐỨC MẾN	LPH001756	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 6.00	23/11/1998	Nam
1938	TÔ ANH PHƯƠNG	LPH002154	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 2.60 Sinh học: 3.20	12/08/1998	Nam
1939	TẠ QUYỀN LINH	LPH001565	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 3.00 Sinh học: 3.80	09/03/1998	Nam
1940	TẠ ĐỒNG KHÁNH	LPH001351	Toán: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 7.40	08/11/1997	Nam
1941	TÀI THỊ NHUNG	LPH002015	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 2.25	02/06/1998	Nữ
1942	TẦN LÁO CHIÊU	LPH000299	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.20	22/04/1998	Nam
1943	TẦN QUÝ LƯƠNG	LPH001654	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25	12/06/1998	Nam
1944	TẦN THỊ HƯƠNG	LPH001291	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 2.58	06/11/1998	Nữ
1945	VI THỊ PHƯƠNG	LPH002160	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.25	16/02/1998	Nữ
1946	VI THỊ PHƯỢNG	LPH002179	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Địa lí: 6.50	02/04/1998	Nữ
1947	VÀNG PHÙ SÈNG	LPH002305	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50	13/05/1998	Nam
1948	VÀNG SEO DÌNH	LPH000432	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75	02/02/1998	Nam
1949	VÀNG SEO DỪNG	LPH000480	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00	09/10/1998	Nam
1950	VÀNG SEO TUẤN	LPH002957	Toán: 0.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.50	23/07/1996	Nam
1951	LƯƠNG XUÂN NAM	LPH001817	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	03/08/1998	Nam
1952	LẠI KHƯƠNG DUY	LPH000526	Toán: 7.25 Vật lí: 8.40 Hóa học: 7.00	30/08/1996	Nam
1953	LẠI NGỌC THANH	LPH002439	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.25 Tiếng Anh: 2.38	27/03/1998	Nữ
1954	LỤC THỊ PHƯƠNG	LPH002126	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 7.25	16/08/1998	Nữ
1955	LỤC THỊ PHƯỢNG	LPH002127	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00	28/06/1998	Nữ
1956	LỤC XUÂN THỊNH	LPH002593	Toán: 0.75 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 0.75 Địa lí: 4.75	27/01/1998	Nam
1957	LỮU THỊ THƯƠNG	LPH002708	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 5.00	09/01/1998	Nữ
1958	LỖ CHIN NGUYỄN	LPH001950	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.40	19/01/1998	Nam
1959	MA QUANG TRUNG	LPH002853	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 5.00	13/09/1998	Nam
1960	MAI PHƯƠNG HOA	LPH000993	Toán: 7.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 8.00	10/02/1997	Nữ
1961	MAI TIẾN TƯỜNG	LPH003015	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.80	26/02/1998	Nam
1962	MAI VĂN TRƯỜNG	LPH002874	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.60	14/12/1998	Nam
1963	MÔNG NHẬT LINH	LPH001525	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.50	01/11/1994	Nam
1964	MÀU THỊ PHƯỢNG	LPH002167	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.20	08/05/1998	Nữ
1965	NGUYỄN TÚ LINH	LPH001527	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Địa lí: 2.50 Tiếng Trung: 3.13	20/10/1998	Nữ
1966	NGUYỄN ANH DUY	LPH000529	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.20	21/05/1998	Nam
1967	NGUYỄN ANH THƯ	LPH002692	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.20 Tiếng Anh: 2.70	05/12/1998	Nữ
1968	NGUYỄN BÁ DỪNG	LPH000496	Toán: 8.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 5.60	21/12/1997	Nam
1969	VŨ THỊ HẢI YẾN	LPH003149	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75	27/05/1998	Nữ
1970	VŨ THỊ MAI ANH	LPH000172	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.60	02/03/1998	Nữ
1971	VŨ THỊ THÚY HÀ	LPH000763	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75	03/09/1998	Nữ
1972	VŨ TRƯỜNG MINH	LPH001779	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.75	24/07/1992	Nam
1973	VŨ XUÂN TRƯỜNG	LPH002888	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25 Tiếng Trung: 3.20	23/09/1996	Nam
1974	VƯƠNG NGỌC SƠN	LPH002362	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25	11/10/1994	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
1975	VƯƠNG THỊ DUNG	LPH000478	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.40	07/05/1998	Nữ
1976	VƯƠNG THỊ HẰNG	LPH000854	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 6.50	12/02/1998	Nữ
1977	VƯƠNG THỊ XOAN	LPH003115	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.80	18/02/1998	Nữ
1978	VƯƠNG VĂN HIẾU	LPH000977	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 3.75	28/05/1998	Nam
1979	ĐINH PHƯƠNG LY	LPH001665	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 5.60	08/08/1998	Nữ
1980	ĐINH QUANG HUY	LPH001158	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.00	17/10/1997	Nam
1981	ĐINH THÚY HẰNG	LPH000831	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00	23/02/1998	Nữ
1982	ĐINH TRỌNG ĐẠT	LPH000603	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Tiếng Anh: 3.33	28/06/1998	Nam
1983	ĐINH TUẤN MINH	LPH001762	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.25 Tiếng Trung: 4.83	10/12/1998	Nam
1984	ĐINH VIỆT SANG	LPH002286	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 7.00	20/01/1998	Nam
1985	ĐINH VIỆT QUÂN	LPH002208	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Sinh học: 4.20 Địa lí: 4.50	20/08/1996	Nam
1986	ĐINH XUÂN HƯNG	LPH001243	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75	06/08/1990	Nam
1987	NGUYỄN THỊ THẬT	LPH002567	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Trung: 6.61	04/09/1998	Nữ
1988	NGUYỄN THỊ TIẾM	LPH002716	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 2.20 Sinh học: 3.60	13/06/1998	Nữ
1989	NGUYỄN THỊ TƯƠI	LPH003010	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Địa lí: 5.50	26/10/1998	Nữ
1990	NGUYỄN THỊ UYÊN	LPH003021	Toán: 2.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00	21/04/1998	Nữ
1991	NGUYỄN THỊ XUÂN	LPH003121	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50	08/11/1998	Nữ
1992	NGUYỄN TIẾN SẮC	LPH002298	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 6.75	25/10/1998	Nam
1993	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	LPH000612	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	24/05/1997	Nam
1994	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	LPH000613	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00	27/10/1994	Nam
1995	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	LPH000667	Toán: 1.00 Ngữ văn: 4.00 Tiếng Anh: 2.63	17/05/1996	Nam
1996	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000113	Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 3.75	05/05/1994	Nam
1997	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000114	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.40	16/04/1998	Nam
1998	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000115	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.00	16/08/1996	Nam
1999	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000116	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 5.35	23/11/1998	Nam
2000	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000117	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.80	26/11/1998	Nam
2001	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000118	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.60	27/10/1998	Nam
2002	NGUYỄN TUẤN ANH	LPH000119	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.00	30/10/1997	Nam
2003	NGUYỄN TUẤN HẢI	LPH000788	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 2.78	17/06/1998	Nam
2004	NGUYỄN TÙNG LÂM	LPH001441	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 2.78	18/02/1998	Nữ
2005	LÝ A THÀNH	LPH002456	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.60	06/07/1998	Nam
2006	LÝ MÙI CỎI	LPH000354	Toán: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	21/02/1997	Nữ
2007	LÝ MÙI NẤY	LPH001849	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.80	05/04/1998	Nữ
2008	LÝ THỊ BẾT	LPH000220	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.50	20/08/1998	Nữ
2009	LÝ THỊ CẤP	LPH000259	Toán: 5.50 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 3.08	10/02/1998	Nữ
2010	LÝ THỊ GIÃ	LPH000690	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 3.20	28/12/1998	Nữ
2011	LÝ THỊ HOA	LPH000992	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.60 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 3.23	27/07/1998	Nữ
2012	LÝ THỊ HÀO	LPH000821	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	18/10/1997	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2013	LÝ THỊ HẢI	LPH000777	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.75	19/05/1998	Nữ
2014	LÝ THỊ VUI	LPH003092	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.75	27/02/1998	Nữ
2015	LÝ VĂN HUY	LPH001165	Toán: 5.75 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	05/04/1998	Nam
2016	LÝ VĂN THỌ	LPH002599	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	02/07/1997	Nam
2017	LÝ VĂN ĐẠO	LPH000600	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.00	15/10/1998	Nam
2018	LÝ ÔNG KHẾ	LPH001363	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 8.00	12/01/1998	Nam
2019	LÝ ĐỨC ANH	LPH000066	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 5.20 Sinh học: 7.40	25/12/1998	Nam
2020	LƯU THỊ LỰU	LPH001662	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 2.80	16/12/1998	Nữ
2021	LỖ DIN MỸ	LPH001743	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 3.60 Sinh học: 5.20	06/09/1998	Nữ
2022	LỖ DIN SẴN	LPH002299	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	09/03/1992	Nam
2023	VŨ THỊ CHÂM	LPH000266	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.20	24/07/1998	Nữ
2024	VŨ THỊ HẰNG	LPH000853	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75	08/01/1998	Nữ
2025	VŨ THỊ LIÊN	LPH001473	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Sinh học: 3.40 Địa lí: 5.00	23/11/1998	Nữ
2026	VŨ THỊ LOAN	LPH001600	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00	29/03/1998	Nữ
2027	VŨ THỊ NGỌC	LPH001941	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	23/01/1998	Nữ
2028	VŨ THỊ THÚY	LPH002685	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	06/05/1998	Nữ
2029	VŨ THỊ THẢO	LPH002527	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.20	05/02/1998	Nữ
2030	VŨ VĂN CÔNG	LPH000363	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.00	08/09/1998	Nam
2031	VŨ VĂN HIẾU	LPH000976	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.25	13/06/1998	Nam
2032	VŨ VĂN LINH	LPH001581	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25	20/01/1998	Nam
2033	VŨ VĂN LINH	LPH001582	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 5.50	24/12/1998	Nam
2034	VŨ VĂN SANG	LPH002290	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 6.00	26/05/1998	Nam
2035	VŨ VĂN SÁNG	LPH002295	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 5.80	02/12/1998	Nam
2036	VŨ VĂN TIẾN	LPH002731	Ngữ văn: 1.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.50	18/01/1995	Nam
2037	VŨ ĐỨC TUẤN	LPH002959	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 3.38	25/10/1998	Nam
2038	VŨ ĐỨC VIỆT	LPH003066	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.80	28/01/1998	Nam
2039	VŨ THỊ SÚNG	LPH002371	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	06/07/1998	Nữ
2040	ĐÀM THỊ THU	LPH002618	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.25	03/07/1998	Nữ
2041	SÙNG SEO CHÚ	LPH000324	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 5.20	14/06/1998	Nam
2042	SÙNG SEO LÌN	LPH001480	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.75	10/06/1997	Nam
2043	SÙNG SEO NHỀ	LPH001984	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.20	18/06/1998	Nam
2044	SÙNG SEO NỘI	LPH002030	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.20	01/09/1998	Nam
2045	SÙNG THỊ HỎA	LPH001010	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.80 Sinh học: 5.80	07/11/1998	Nữ
2046	SÙNG THỊ LÂU	LPH001448	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.80	21/03/1998	Nữ
2047	SÙNG THỊ NGÀ	LPH001866	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.40	07/07/1998	Nữ
2048	SÙNG THỊ SÁO	LPH002296	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80	01/04/1998	Nữ
2049	SÙNG THỊ THU	LPH002633	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50	15/06/1998	Nữ
2050	SÙNG THỊ XOA	LPH003110	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.75	06/01/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2051	SÙNG VĂN LỰC	LPH001650	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.60	10/11/1998	Nam
2052	SÙNG ĐĂNG LA	LPH001411	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.40	07/06/1998	Nam
2053	SẦM THỊ HIỀN	LPH000906	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00	04/11/1998	Nữ
2054	SẦM THỊ TOÀN	LPH002744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.80	05/05/1998	Nữ
2055	SẦM THỊ XINH	LPH003109	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 4.25	08/10/1998	Nữ
2056	SÙNG A TRẮNG	LPH002835	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 3.60 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 3.75	08/10/1998	Nam
2057	SẦN THU THẢO	LPH002517	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.25	23/09/1998	Nữ
2058	LA THỊ PHƯƠNG	LPH002125	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.60	02/03/1998	Nữ
2059	LIỀNG A THÀNH	LPH002455	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Sinh học: 5.40 Địa lí: 5.50	10/08/1998	Nam
2060	LIỄU THỊ HỒNG	LPH001085	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.00	04/04/1998	Nữ
2061	LÂM THỂ HOÀNG	LPH001047	Ngữ văn: 1.00 Lịch sử: 0.00 Địa lí: 0.50	13/10/1995	Nam
2062	LÂM THỊ TRANG	LPH002774	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 6.75	19/11/1998	Nữ
2063	LỀNG THỊ THẨM	LPH002531	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.20	07/04/1998	Nữ
2064	LÊ ĐIỀU QUYÊN	LPH002232	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.60	23/10/1998	Nữ
2065	LÊ HOÀNG LONG	LPH001610	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	25/01/1998	Nam
2066	LÊ HỒNG NHUNG	LPH002000	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.80	14/11/1998	Nữ
2067	LÊ MINH KHÁNH	LPH001344	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75	02/09/1998	Nữ
2068	LÊ MINH QUANG	LPH002191	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.20 Địa lí: 4.25	20/02/1997	Nam
2069	LÊ PHƯƠNG ANH	LPH000054	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 5.00	18/09/1998	Nữ
2070	LÊ QUANG HIẾU	LPH000949	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	09/08/1998	Nam
2071	LÊ THANH TÙNG	LPH002968	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 5.25	10/06/1998	Nam
2072	LÊ THANH TÙNG	LPH002969	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 3.53	26/12/1998	Nam
2073	LÊ THÙY DƯƠNG	LPH000564	Toán: 8.00 Ngữ văn: 9.00 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 6.10	17/02/1998	Nữ
2074	LÊ THỊ PHƯƠNG	LPH002128	Toán: 1.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.50	12/05/1998	Nữ
2075	VÀNG THỊ BÌNH	LPH000247	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	25/12/1998	Nữ
2076	VÀNG THỊ DUNG	LPH000475	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 5.40 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 3.50	06/09/1998	Nữ
2077	VÀNG THỊ DÍNH	LPH000436	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	15/07/1998	Nữ
2078	VÀNG THỊ HINH	LPH000981	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	03/08/1998	Nữ
2079	VÀNG THỊ MÁNG	LPH001714	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.75	18/02/1998	Nữ
2080	VÀNG THỊ NGHỆ	LPH001886	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.40	03/02/1998	Nữ
2081	VÀNG THỊ NHẤT	LPH001979	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.80	10/12/1998	Nữ
2082	VÀNG THỊ OANH	LPH002049	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	15/04/1998	Nữ
2083	VÀNG THỊ PHÌN	LPH002076	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	05/01/1998	Nữ
2084	VÀNG THỊ SINH	LPH002320	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Địa lí: 6.25	18/02/1998	Nữ
2085	VÀNG THỊ SONG	LPH002325	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.20 Địa lí: 3.50	02/09/1998	Nữ
2086	VÀNG THỊ THẢO	LPH002525	Toán: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	08/10/1997	Nữ
2087	VÀNG THỊ TƯƠI	LPH003012	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.80	02/06/1998	Nữ
2088	VÀNG THỊ VÁNG	LPH003031	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25	30/04/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2089	VÀNG THỊ ỨƠNG	LPH003026	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.25	07/12/1998	Nữ
2090	VÀNG TIẾN SƠN	LPH002359	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 7.50	14/10/1998	Nam
2091	VÀNG TÍN CHẤN	LPH000268	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 3.83	15/09/1998	Nữ
2092	NGUYỄN BÁ TÙNG	LPH002974	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 2.00	11/09/1998	Nam
2093	NGUYỄN DUY HẢI	LPH000780	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00	11/10/1995	Nam
2094	NGUYỄN DẠ THẢO	LPH002499	Toán: 6.00 Hóa học: 6.60 Sinh học: 8.20	29/04/1997	Nữ
2095	NGUYỄN GIA TÂN	LPH002411	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00	03/11/1998	Nam
2096	NGUYỄN HẢI ANH	LPH000082	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.20	03/03/1998	Nữ
2097	NGUYỄN HẢI ANH	LPH000083	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 7.60 Tiếng Anh: 2.50	27/10/1998	Nữ
2098	NGUYỄN HỮU DUY	LPH000532	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.25	12/11/1996	Nam
2099	NGUYỄN HỮU NAM	LPH001819	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.40	04/06/1998	Nam
2100	NGUYỄN KIM BỒN	LPH000251	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25	01/02/1998	Nam
2101	NGUYỄN KIM SƠN	LPH002343	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 8.25	23/10/1996	Nam
2102	NGUYỄN MAI ANH	LPH000084	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.50	02/09/1998	Nữ
2103	NGUYỄN MAI ANH	LPH000085	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.20 Tiếng Anh: 6.10	06/10/1998	Nữ
2104	NGUYỄN MINH SỬ	LPH002379	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.40	17/01/1998	Nam
2105	NGUYỄN NGỌC HÀ	LPH000740	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 4.80	22/06/1998	Nữ
2106	NGUYỄN NGỌC LY	LPH001672	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.80 Địa lí: 4.25	04/11/1997	Nữ
2107	NGUYỄN NGỌC LỄ	LPH001453	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	21/09/1998	Nam
2108	NGUYỄN NHƯ HỨA	LPH001240	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 3.78	15/12/1998	Nữ
2109	ĐOÀN HUY HOÀNG	LPH001044	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.25	05/05/1998	Nam
2110	ĐOÀN NGỌC DŨNG	LPH000485	Toán: 7.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.20 Sinh học: 4.60	20/06/1998	Nam
2111	ĐOÀN NGỌC THẢO	LPH002480	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.40	29/09/1998	Nữ
2112	ĐÀM XUÂN NHIỆM	LPH001987	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	10/03/1998	Nam
2113	ĐÀO HUYỀN LINH	LPH001490	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 8.05	20/05/1998	Nữ
2114	ĐÀO MINH QUANG	LPH002183	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.40 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 2.63	25/01/1998	Nam
2115	ĐÀO NGUYỆT ANH	LPH000027	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 4.65	20/07/1998	Nữ
2116	ĐÀO THU PHƯƠNG	LPH002113	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 4.48	11/06/1998	Nữ
2117	ĐÀO THỊ THU HÀ	LPH000729	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.20	23/02/1998	Nữ
2118	ĐÀO TRUNG HIẾU	LPH000941	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.80	24/10/1998	Nam
2119	ĐÀO VINH QUANG	LPH002184	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.00	18/11/1994	Nam
2120	ĐÀO XUÂN HUYNH	LPH001231	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	02/06/1998	Nam
2121	ĐẶNG CAO THIÊN	LPH002572	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.00	28/03/1998	Nam
2122	ĐẶNG KIM NGHĨA	LPH001888	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.80	05/12/1998	Nam
2123	ĐẶNG MẠNH DŨNG	LPH000484	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 4.80	11/12/1998	Nam
2124	ĐẶNG NGỌC DIỆP	LPH000420	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.20 Sinh học: 8.60	28/10/1998	Nữ
2125	ĐẶNG NGỌC NHẬT	LPH001981	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.75	15/10/1994	Nam
2126	NGUYỄN VIỆT ANH	LPH000122	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.80 Sinh học: 7.60	10/03/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2127	NGUYỄN VĂN BẰNG	LPH000217	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.50	01/12/1994	Nam
2128	NGUYỄN VĂN DŨNG	LPH000502	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Địa lí: 3.75	03/05/1998	Nam
2129	NGUYỄN VĂN DŨNG	LPH000503	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.25	11/11/1994	Nam
2130	NGUYỄN VĂN HIẾU	LPH000962	Ngữ văn: 2.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	20/11/1994	Nam
2131	NGUYỄN VĂN HIẾU	LPH000963	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.20	21/06/1998	Nam
2132	NGUYỄN VĂN HIỀN	LPH000901	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 1.50	18/06/1994	Nam
2133	NGUYỄN VĂN HIẾU	LPH000979	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 2.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.50	23/07/1998	Nam
2134	NGUYỄN VĂN HƯNG	LPH001250	Toán: 6.25 Vật lí: 7.20 Hóa học: 8.00	03/03/1996	Nam
2135	NGUYỄN VĂN KIẾN	LPH001389	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.75	20/09/1992	Nam
2136	NGUYỄN VĂN LONG	LPH001617	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Tiếng Anh: 2.63	01/09/1998	Nam
2137	NGUYỄN VĂN LUÂN	LPH001639	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.75	15/09/1995	Nam
2138	NGUYỄN VĂN MINH	LPH001771	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.80	28/01/1998	Nam
2139	NGUYỄN VĂN MẠNH	LPH001731	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.80	02/06/1998	Nam
2140	NGUYỄN VĂN TUẤN	LPH002947	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.75	21/01/1998	Nam
2141	NGUYỄN VĂN TÙNG	LPH002978	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60	08/04/1998	Nam
2142	NGUYỄN VĂN TÙNG	LPH002979	Toán: 3.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.20	27/06/1997	Nam
2143	NGUYỄN VĂN TÍNH	LPH002737	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.60	06/01/1998	Nam
2144	NGÔ PHƯƠNG THẢO	LPH002498	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 8.45	01/12/1998	Nữ
2145	NGÔ THANH HƯỜNG	LPH001309	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 2.88	17/07/1998	Nữ
2146	NGÔ THỊ QUẾ ANH	LPH000074	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.50	13/02/1998	Nữ
2147	NGÔ TRỌNG TRUNG	LPH002854	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.60	24/10/1998	Nam
2148	NHÂM DUY KHƯƠNG	LPH001379	Toán: 7.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.80 Tiếng Anh: 6.50	24/07/1998	Nam
2149	NHÂM TUẤN THÀNH	LPH002465	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.50	04/11/1998	Nam
2150	NÔNG ANH PHƯƠNG	LPH002146	Toán: 2.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	13/01/1998	Nữ
2151	NÔNG KIỀU TRINH	LPH002841	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 2.13	22/11/1998	Nữ
2152	NÔNG THANH PHÚC	LPH002098	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 3.20	10/07/1998	Nữ
2153	NÔNG THỊ PHƯƠNG	LPH002147	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Địa lí: 5.00	28/08/1998	Nữ
2154	NÙNG THỊ PHƯƠNG	LPH002148	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.00	21/06/1998	Nữ
2155	PHAN NHÂN THIÊN	LPH002586	Toán: 6.25 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.40	08/08/1997	Nam
2156	PHAN THANH HIỆP	LPH000928	Toán: 0.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.00 Tiếng Anh: 3.20	19/03/1998	Nữ
2157	PHAN THANH TÙNG	LPH002981	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25	07/05/1995	Nam
2158	PHAN THÚY QUỲNH	LPH002268	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 8.60 Tiếng Anh: 3.55	18/12/1998	Nữ
2159	PHAN THỊ TRÀ MY	LPH001796	Toán: 5.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 2.90	01/07/1997	Nữ
2160	PHẦN THỊ PHƯƠNG	LPH002174	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.75	04/09/1998	Nữ
2161	PHÙNG TIẾN DŨNG	LPH000509	Toán: 8.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.40 Hóa học: 7.20	01/06/1998	Nam
2162	NGUYỄN THU HUYỀN	LPH001215	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 6.50	24/10/1998	Nữ
2163	NGUYỄN THU HƯƠNG	LPH001286	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.60 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25	29/07/1998	Nữ
2164	NGUYỄN THU HƯỜNG	LPH001312	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.60	07/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2165	NGUYỄN THU TRANG	LPH002801	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 8.20 Sinh học: 8.20	21/09/1998	Nữ
2166	NGUYỄN THUY LINH	LPH001544	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.60	01/07/1998	Nữ
2167	NGUYỄN THÀNH LỘC	LPH001626	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	03/11/1998	Nam
2168	NGUYỄN THUY DUNG	LPH000468	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.00	04/12/1998	Nữ
2169	NGUYỄN THUY DUNG	LPH000469	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 6.95	06/02/1998	Nữ
2170	NGUYỄN THUY LINH	LPH001545	Toán: 2.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.25	08/03/1998	Nữ
2171	NGUYỄN THUY LINH	LPH001546	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50	15/10/1998	Nữ
2172	NGUYỄN THUY LINH	LPH001547	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00	24/11/1998	Nữ
2173	NGUYỄN THUY HẰNG	LPH000846	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 3.25 Tiếng Trung: 5.58	04/11/1998	Nữ
2174	NGUYỄN THUY NGÂN	LPH001882	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Trung: 4.20	15/09/1998	Nữ
2175	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	LPH000393	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.50	29/06/1995	Nam
2176	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	LPH000569	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.00	10/09/1998	Nam
2177	NGUYỄN THỊ DUYÊN	LPH000548	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75	07/04/1998	Nữ
2178	NGUYỄN THỊ GIANG	LPH000706	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.80	03/10/1998	Nữ
2179	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	LPH001061	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.20	28/09/1998	Nam
2180	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	LPH001947	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.00	18/05/1995	Nam
2181	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	LPH002145	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00	12/07/1994	Nam
2182	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	LPH001062	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.60	04/02/1998	Nam
2183	NGUYỄN XUÂN THOẠI	LPH002604	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	19/10/1995	Nam
2184	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	LPH001054	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.80 Sinh học: 6.60	21/07/1998	Nam
2185	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN	LPH002641	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	17/09/1998	Nam
2186	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	LPH002193	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	23/05/1998	Nam
2187	NGÔ THỊ THUY LINH	LPH001526	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.20	12/08/1998	Nữ
2188	NÔNG THỊ HƯƠNG LY	LPH001675	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 5.15	15/02/1998	Nữ
2189	NÔNG THỊ KIM DUNG	LPH000470	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.40	16/09/1998	Nữ
2190	NÔNG THỊ ÁNH DIỆP	LPH000421	Toán: 0.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 6.00	08/08/1998	Nữ
2191	PHANG THANH HOÀNG	LPH001063	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.20 Tiếng Trung: 5.08	03/05/1998	Nam
2192	PHẠM GIA NHẤT DUY	LPH000535	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.20 Địa lí: 3.00	19/02/1998	Nam
2193	PHẠM THỊ DIỆU HOA	LPH000999	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 4.35	20/02/1998	Nữ
2194	PHẠM THỊ HOÀI THU	LPH002629	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 6.23	14/04/1998	Nữ
2195	PHẠM THỊ HẢI LINH	LPH001555	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.20	23/01/1998	Nữ
2196	PHAN THỊ LAN PHƯƠNG	LPH002149	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 7.80	26/06/1998	Nữ
2197	PHAN THỊ THANH THỦY	LPH002665	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00	02/07/1997	Nữ
2198	PHẦN THỊ THU PHƯƠNG	LPH002175	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75	17/08/1998	Nữ
2199	PHẠM THANH KIỀU LAM	LPH001417	Toán: 6.50 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 6.75	17/07/1997	Nữ
2200	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	LPH001556	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Địa lí: 3.25	30/12/1998	Nữ
2201	PHẠM THỊ KIỀU TRANG	LPH002811	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 6.00	26/09/1998	Nữ
2202	PHẠM THỊ LINH GIANG	LPH000714	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.00	20/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2203	PHẠM THỊ THANH THÚY	LPH002683	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.60 Tiếng Anh: 2.25	24/04/1998	Nữ
2204	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	LPH002153	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.00	08/03/1998	Nữ
2205	SÙNG THỊ THANH KHOA	LPH001371	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 5.60	08/03/1998	Nữ
2206	TRẦN BẢO NGỌC QUYÊN	LPH002233	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 7.33	25/02/1998	Nữ
2207	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	LPH002017	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 8.15	10/05/1998	Nữ
2208	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	LPH000154	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.50	24/02/1998	Nữ
2209	TRẦN THỊ THANH XUÂN	LPH003123	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.20 Tiếng Anh: 2.98	03/03/1998	Nữ
2210	TRẦN THỊ THÙY TRANG	LPH002820	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.20	28/06/1998	Nữ
2211	TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	LPH002275	Toán: 6.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 4.85	02/02/1998	Nữ
2212	TRẦN VŨ GIÁNG HƯƠNG	LPH001297	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 4.20	26/01/1998	Nữ
2213	PHƯƠNG ANH TUẤN	LPH002950	Toán: 5.50 Vật lí: 6.20	11/03/1997	Nam
2214	PHẠM ANH PHƯƠNG	LPH002150	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Địa lí: 3.75	07/04/1998	Nữ
2215	PHẠM DƯƠNG ĐÔNG	LPH000644	Toán: 5.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.40	30/04/1998	Nam
2216	PHẠM HOÀNG MINH	LPH001773	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 7.35	10/09/1998	Nam
2217	PHẠM HỒNG DƯƠNG	LPH000577	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	22/06/1998	Nam
2218	PHẠM KHÁNH LINH	LPH001554	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 2.20	03/11/1998	Nữ
2219	PHẠM LAM TRƯỜNG	LPH002880	Toán: 6.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	30/10/1998	Nam
2220	PHẠM LINH TRANG	LPH002810	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50	12/05/1998	Nữ
2221	PHẠM NHẬT KHÁNH	LPH001349	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.30	06/03/1997	Nam
2222	PHẠM PHƯƠNG ANH	LPH000128	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 9.25 Địa lí: 8.50 Tiếng Anh: 6.68	22/12/1998	Nữ
2223	PHẠM PHƯƠNG NAM	LPH001831	Toán: 6.25 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.40	12/04/1997	Nam
2224	PHẠM QUANG HIẾU	LPH000967	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 7.20 Sinh học: 7.80	16/11/1998	Nam
2225	PHẠM THANH HIỀN	LPH000904	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 7.75	15/03/1998	Nữ
2226	PHẠM THÙY DƯƠNG	LPH000579	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.80	26/10/1998	Nữ
2227	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LPH002151	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.20	08/12/1998	Nữ
2228	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LPH002152	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	15/08/1998	Nữ
2229	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LPH002177	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25	05/10/1998	Nữ
2230	NGUYỄN THỊ GIANG	LPH000707	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Tiếng Anh: 3.95	19/06/1998	Nữ
2231	NGUYỄN THỊ GIANG	LPH000708	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	21/02/1998	Nữ
2232	NGUYỄN THỊ HUYNH	LPH001234	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	14/07/1998	Nữ
2233	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LPH001228	Toán: 5.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.50	15/08/1998	Nữ
2234	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LPH001204	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.00 Địa lí: 4.00	03/02/1998	Nữ
2235	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LPH001205	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.40 Sinh học: 6.60	15/02/1998	Nữ
2236	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LPH001206	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.20	21/04/1998	Nữ
2237	NGUYỄN THỊ HUỲNH	LPH001207	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.20	25/05/1998	Nữ
2238	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LPH001278	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75	16/06/1998	Nữ
2239	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LPH001310	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	14/10/1998	Nữ
2240	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LPH001311	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.40 Địa lí: 3.50	18/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2241	NGUYỄN THỊ LUYẾN	LPH001643	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.50	12/05/1998	Nữ
2242	NGUYỄN THỊ NHIÊN	LPH001991	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50	09/06/1998	Nữ
2243	NGUYỄN THỊ NHUNG	LPH002010	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 2.30	11/11/1998	Nữ
2244	NGUYỄN THỊ NHUNG	LPH002011	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80	14/09/1998	Nữ
2245	NGUYỄN THỊ NHUNG	LPH002012	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.00	20/07/1998	Nữ
2246	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LPH002263	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.75	10/07/1998	Nữ
2247	PHẠM THỊ HỒNG THU	LPH002628	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 6.75 Tiếng Anh: 4.05	05/03/1998	Nữ
2248	PHẠM THỊ MỸ DUYẾN	LPH000551	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 7.23	21/12/1998	Nữ
2249	PHẠM THỊ THU HIỀN	LPH000902	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.20 Địa lí: 3.50	18/07/1998	Nữ
2250	PHẠM THỊ THU HIỀN	LPH000903	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.00	19/06/1998	Nữ
2251	PHẠM THỊ THU THẢO	LPH002515	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Sinh học: 4.20 Địa lí: 3.25	01/10/1998	Nữ
2252	PHẠM THỊ THU THẢO	LPH002516	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.40	10/11/1998	Nữ
2253	PHẠM VĂN NGỌC SƠN	LPH002353	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.60 Sinh học: 6.40	23/05/1998	Nam
2254	SIN PHƯƠNG CHUYỀN	LPH000342	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.40 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.75	15/09/1998	Nữ
2255	SÙNG THỊ KIM LIÊN	LPH001472	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25	08/09/1998	Nữ
2256	SẦM THỊ VIỆT LINH	LPH001564	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50	24/08/1998	Nữ
2257	THÀO THỊ KIM DUNG	LPH000472	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 4.80	19/05/1998	Nữ
2258	THÁI QUANG TRƯỜNG	LPH002881	Toán: 2.50 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 3.40 Hóa học: 2.60 Địa lí: 3.25	24/11/1998	Nam
2259	TIÊU THỊ THU HẰNG	LPH000849	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.20 Địa lí: 5.25	01/03/1998	Nữ
2260	TRIỆU NGUYỄN NHẤT	LPH001978	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.75	08/08/1998	Nam
2261	TRẮNG QUYẾT THẮNG	LPH002562	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00	01/11/1998	Nam
2262	TRƯƠNG KHÁNH LINH	LPH001578	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Sinh học: 3.60 Địa lí: 3.00	25/12/1998	Nữ
2263	TRƯƠNG QUANG CHỨC	LPH000352	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 6.25	25/09/1995	Nam
2264	VŨ NGUYỄN GIA PHONG	LPH002090	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Địa lí: 3.25 Tiếng Anh: 3.83	04/10/1998	Nam
2265	VŨ NGUYỄN HOÀNG LÂM	LPH001444	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60 Địa lí: 4.50	15/03/1998	Nam
2266	ĐINH THÙY LINH NGÂN	LPH001876	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.50 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.20 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50	20/06/1998	Nữ
2267	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG CHI	LPH000277	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 7.00	01/12/1998	Nữ
2268	ĐOÀN THỊ THUỶ TRANG	LPH002766	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.20	17/10/1998	Nữ
2269	ĐỒNG THỊ THANH HIỀN	LPH000886	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 7.25 Tiếng Anh: 6.70	07/05/1998	Nữ
2270	ĐỖ NGUYỄN DIỆU LINH	LPH001488	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 7.40	07/12/1998	Nữ
2271	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH HOA	LPH000983	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Tiếng Anh: 3.80	31/03/1998	Nữ
2272	DƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	LPH002759	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Anh: 2.00	08/08/1998	Nữ
2273	GIÀNG THỊ THU PHƯƠNG	LPH002117	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.20	10/06/1998	Nữ
2274	HOÀNG THỊ NGỌC HUYỀN	LPH001194	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.00	09/04/1998	Nữ
2275	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	LPH000044	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.50	13/04/1998	Nữ
2276	HOÀNG THỊ QUẾ PHƯƠNG	LPH002122	Toán: 0.25 Ngữ văn: 3.00 Sinh học: 2.20 Địa lí: 2.75	23/09/1998	Nữ
2277	HOÀNG THỊ THẢO SƯƠNG	LPH002380	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 2.45	24/09/1998	Nữ
2278	KHUẤT THỊ THÙY TRANG	LPH002772	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.48	04/08/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2279	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG NAM	LPH001815	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 4.23	06/07/1998	Nam
2280	PHẠM THỊ THU HÀ	LPH000751	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.20	14/01/1998	Nữ
2281	PHẠM TRUNG HIẾU	LPH000968	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40	20/06/1998	Nam
2282	PHẠM TRUNG KIẾN	LPH001390	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00	28/12/1997	Nam
2283	PHẠM TRƯỜNG ANH	LPH000133	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Địa lí: 3.75	04/03/1998	Nam
2284	PHẠM TRƯỜNG NAM	LPH001832	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40	01/12/1998	Nam
2285	PHẠM TÙNG DƯƠNG	LPH000580	Toán: 7.25 Vật lí: 7.60 Hóa học: 4.60	05/11/1997	Nam
2286	PHẠM TÙNG DƯƠNG	LPH000581	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 5.03	16/04/1998	Nam
2287	PHẠM VIỆT TRUNG	LPH002861	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.40 Sinh học: 5.80	14/01/1998	Nam
2288	PHẠM VĂN KHƯƠNG	LPH001380	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50	10/10/1997	Nam
2289	PHẠM VĂN TRUỞNG	LPH002890	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	23/11/1998	Nam
2290	PHẠM XUÂN PHONG	LPH002087	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.60	28/11/1998	Nam
2291	QUÁCH TIẾN DŨNG	LPH000510	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.60	23/12/1998	Nam
2292	SẦM THỊ HẢI YẾN	LPH003144	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.80 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.00	26/05/1997	Nữ
2293	TRIỆU THỊ HUYNH	LPH001235	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	19/03/1998	Nữ
2294	TRIỆU THỊ TUYẾN	LPH003001	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.80	26/10/1998	Nữ
2295	TRÁNG VĂN THÀNH	LPH002468	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.20	27/02/1998	Nam
2296	TRƯƠNG HỒNG SƠN	LPH002357	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.50	08/03/1998	Nam
2297	NGUYỄN THỊ THANH	LPH002441	Toán: 1.75 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75	16/01/1998	Nữ
2298	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002795	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 4.00 Địa lí: 4.75	05/04/1998	Nữ
2299	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002796	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.75 Địa lí: 7.50	14/01/1998	Nữ
2300	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002797	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 7.30	15/04/1997	Nữ
2301	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002798	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.80	15/08/1998	Nữ
2302	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002799	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 5.75	19/06/1998	Nữ
2303	NGUYỄN THỊ TRANG	LPH002800	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 4.50	28/07/1998	Nữ
2304	NGUYỄN THỊ TUYỀN	LPH002996	Toán: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	15/04/1997	Nữ
2305	NGUYỄN THỦY TIÊN	LPH002717	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.60	13/06/1998	Nữ
2306	NGUYỄN TIẾN DŨNG	LPH000501	Toán: 5.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.80	06/10/1998	Nam
2307	NGUYỄN TIẾN MẠNH	LPH001729	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.25	06/06/1998	Nam
2308	NGUYỄN TIẾN MẠNH	LPH001730	Toán: 2.25 Vật lí: 3.20 Tiếng Anh: 1.38	30/08/1995	Nam
2309	NGUYỄN TIẾN SANG	LPH002288	Toán: 9.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 8.20 Tiếng Anh: 3.38	20/07/1998	Nam
2310	NGUYỄN TRUNG ANH	LPH000112	Toán: 6.75 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.40	03/02/1997	Nam
2311	NGUYỄN TRUNG SƠN	LPH002345	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.20 Tiếng Anh: 3.50	22/03/1998	Nam
2312	NGUYỄN TRẦN LINH	LPH001548	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50	05/09/1994	Nam
2313	NGUYỄN TRẦN TUẤN	LPH002946	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00	24/08/1994	Nam
2314	NGUYỄN TUẤN LINH	LPH001549	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.20 Địa lí: 2.75	10/09/1997	Nam
2315	TRƯƠNG THANH HÙNG	LPH001150	Toán: 2.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.80	18/04/1998	Nam
2316	TRƯƠNG THÀNH CÔNG	LPH000362	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.60 Tiếng Anh: 3.13	05/10/1997	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2317	TRƯƠNG THÀNH VINH	LPH003076	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.80 Hóa học: 6.40 Địa lí: 3.75	26/05/1998	Nam
2318	TRƯƠNG THÙY TRANG	LPH002827	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.75	21/06/1998	Nữ
2319	TRẦN PHƯƠNG THANH	LPH002445	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.80	02/04/1998	Nữ
2320	TRẦN QUANG TRƯỜNG	LPH002885	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.60	04/10/1998	Nam
2321	TRẦN THỊ HƯƠNG LY	LPH001678	Toán: 3.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.75 Tiếng Trung: 4.33	28/04/1998	Nữ
2322	TRẦN THỊ HƯƠNG LY	LPH001679	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 4.85	30/06/1998	Nữ
2323	TRẦN THỊ LINH CHI	LPH000286	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75	18/05/1998	Nữ
2324	TRẦN THỊ NGỌC ANH	LPH000153	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.60 Tiếng Anh: 2.70	12/10/1998	Nữ
2325	TRẦN THỊ NGỌC MAI	LPH001706	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 7.75	05/08/1998	Nữ
2326	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	LPH000198	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.60	07/05/1998	Nữ
2327	TRẦN THỊ THU THẢO	LPH002523	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.00	26/07/1998	Nữ
2328	TRẦN THỊ THU THỦY	LPH002670	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.60	31/03/1998	Nữ
2329	TRẦN ĐỖ HIỀN LINH	LPH001570	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 4.75	15/11/1998	Nữ
2330	TẠ THỊ THÙY TRANG	LPH002816	Toán: 7.50 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 6.60	30/08/1998	Nữ
2331	VÀNG THỊ THU HIỀN	LPH000910	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 6.50	25/06/1998	Nữ
2332	LƯƠNG THỊ THANH HIỀN	LPH000894	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.50	14/05/1998	Nữ
2333	NGUYỄN HUỲNH ĐỨC HUY	LPH001167	Toán: 6.25 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40	21/12/1998	Nam
2334	NGUYỄN PHẠM VIỆT ANH	LPH000092	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	12/08/1998	Nam
2335	NGUYỄN THU MINH HẰNG	LPH000845	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.60	05/12/1998	Nữ
2336	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	LPH001088	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.00	12/05/1998	Nữ
2337	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	LPH001924	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 3.75	08/03/1998	Nữ
2338	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	LPH001925	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.50	18/07/1998	Nữ
2339	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	LPH000098	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.60	16/11/1998	Nữ
2340	NGUYỄN THỊ HOÀNG ÁNH	LPH000189	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 3.40 Địa lí: 4.75	25/03/1996	Nữ
2341	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN	LPH001596	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.50	30/10/1998	Nữ
2342	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	LPH002534	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.40	25/07/1998	Nữ
2343	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	LPH001279	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 4.38	03/12/1998	Nữ
2344	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	LPH001281	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.30	15/10/1998	Nữ
2345	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	LPH000226	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.20 Sinh học: 7.20 Tiếng Anh: 3.23	09/07/1998	Nữ
2346	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	LPH000227	Toán: 4.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.75	21/01/1998	Nữ
2347	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	LPH002262	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.80	10/08/1998	Nữ
2348	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	LPH001537	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25	29/07/1998	Nữ
2349	TRƯƠNG MỸ HUYỀN	LPH001222	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.20 Tiếng Trung: 3.00	19/01/1998	Nữ
2350	TRƯƠNG NAM THÁI	LPH002424	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	22/09/1994	Nam
2351	TRƯƠNG NGỌC SƠN	LPH002358	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.40	13/11/1998	Nam
2352	TRƯƠNG THỊ HOÀI	LPH001019	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.50	08/05/1996	Nữ
2353	TRƯƠNG VIỆT HẢO	LPH000826	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00	30/10/1998	Nam
2354	TRƯƠNG VĂN ĐỒNG	LPH000647	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.25	20/06/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2355	TRẦN HOÀNG DŨNG	LPH000512	Toán: 8.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 9.00 Hóa học: 8.40 Tiếng Anh: 3.95	19/07/1998	Nam
2356	TRẦN HOÀNG HIẾP	LPH000932	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.00	08/05/1992	Nam
2357	TRẦN HỒNG TRANG	LPH002817	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 1.75	21/02/1996	Nữ
2358	TRẦN HỮU TRƯỜNG	LPH002884	Toán: 6.75 Vật lí: 8.00 Tiếng Anh: 6.83	20/12/1997	Nam
2359	TRẦN KHÁNH HOÀN	LPH001032	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.60	16/08/1998	Nữ
2360	TRẦN KHÁNH NGỌC	LPH001935	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	04/08/1998	Nữ
2361	TRẦN MINH CHIẾN	LPH000298	Toán: 6.25 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.00	06/08/1997	Nam
2362	TRẦN MINH HOÀNG	LPH001065	Toán: 9.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 8.00 Sinh học: 7.00	26/08/1998	Nam
2363	TRẦN MẠNH CƯỜNG	LPH000397	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.40	05/09/1998	Nam
2364	TRẦN MẠNH CƯỜNG	LPH000398	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 5.85	25/05/1998	Nam
2365	TRẦN NGỌC KHÁNH	LPH001354	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.00	25/04/1998	Nữ
2366	TRẦN NGỌC QUANG	LPH002196	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00	18/07/1998	Nam
2367	NGUYỄN VIỆT HOÀN	LPH001028	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.00 Sinh học: 5.20	19/03/1998	Nam
2368	NGUYỄN VIỆT DŨNG	LPH000504	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.20	07/08/1998	Nam
2369	NGUYỄN VIỆT HIẾU	LPH000964	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 4.10	09/01/1998	Nam
2370	NGUYỄN VIỆT HÙNG	LPH001143	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	15/04/1998	Nam
2371	NGUYỄN VIỆT TÙNG	LPH002980	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 3.50 Tiếng Anh: 5.78	31/08/1998	Nam
2372	NGUYỄN VĂN CHÍNH	LPH000315	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 6.00	09/04/1995	Nam
2373	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	LPH000395	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.00 Địa lí: 2.75	26/01/1997	Nam
2374	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	LPH000575	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25	18/08/1998	Nam
2375	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	LPH001321	Toán: 8.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.60	13/07/1997	Nam
2376	NGUYỄN VĂN NGHĨA	LPH001897	Toán: 1.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.60	26/11/1997	Nam
2377	NGUYỄN VĂN QUANG	LPH002195	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.80	25/05/1998	Nam
2378	NGUYỄN VĂN QUYỀN	LPH002241	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	12/09/1998	Nam
2379	NGUYỄN VĂN THIÊN	LPH002575	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.00 Địa lí: 4.00	11/05/1998	Nam
2380	NGUYỄN VĂN THIẾT	LPH002590	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.60	17/09/1998	Nam
2381	NGUYỄN VĂN THUẤN	LPH002639	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.20	19/02/1998	Nam
2382	NGUYỄN VĂN THUẬN	LPH002642	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.50	01/01/1998	Nam
2383	NGUYỄN VĂN THUẬN	LPH002643	Toán: 7.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 6.80	20/05/1998	Nam
2384	VŨ HẰNG THỦY NGỌC	LPH001940	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.00 Hóa học: 6.60 Sinh học: 6.60	04/09/1998	Nữ
2385	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	LPH002021	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 4.75	16/08/1997	Nữ
2386	VŨ THỊ NGỌC KHÁNH	LPH001360	Toán: 7.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 7.68	16/07/1998	Nữ
2387	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	LPH000173	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 3.00	02/12/1998	Nữ
2388	VŨ THỊ THANH HIỀN	LPH000911	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 7.50	20/11/1998	Nữ
2389	XIN THỊ THUỶ MINH	LPH001780	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.60	02/07/1998	Nữ
2390	ĐÌNH HUYỀN THƯƠNG	LPH002703	Toán: 5.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.40	12/09/1998	Nữ
2391	ĐÌNH THỊ KIM DUNG	LPH000452	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.00	29/10/1998	Nữ
2392	ĐÌNH THỊ THANH MỸ	LPH001803	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 6.75	09/09/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2393	ĐINH VŨ THÙY DUNG	LPH000453	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.00	26/07/1998	Nữ
2394	ĐIỀN THỊ ÁNH NGỌC	LPH001911	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	19/05/1998	Nữ
2395	ĐOÀN HẢI ANH TUẤN	LPH002922	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.40	01/12/1998	Nam
2396	ĐÀM THỊ THANH HUỆ	LPH001111	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.60	12/07/1998	Nữ
2397	ĐÀO THỊ HOÀNG HẢI	LPH000769	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.80	25/10/1998	Nữ
2398	ĐÀO THỊ NGỌC LINH	LPH001491	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.20 Tiếng Anh: 1.25	22/07/1998	Nữ
2399	ĐÀO THỊ THU HƯƠNG	LPH001261	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.80	08/07/1998	Nữ
2400	ĐẶNG THỊ THÚY TÂM	LPH002397	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 5.83	29/01/1998	Nữ
2401	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	LPH001210	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 5.40	03/10/1998	Nữ
2402	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	LPH001211	Toán: 7.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.00	28/10/1997	Nữ
2403	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	LPH001282	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 9.40	14/06/1998	Nữ
2404	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	LPH001283	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75	24/03/1998	Nữ
2405	NGUYỄN THỊ THU TRANG	LPH002791	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	21/05/1998	Nữ
2406	NGUYỄN THỊ THU TRANG	LPH002792	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.60	22/09/1998	Nữ
2407	NGUYỄN THỊ THU TRANG	LPH002793	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.50	22/11/1998	Nữ
2408	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LPH001539	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.60	27/01/1998	Nữ
2409	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LPH001540	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.80 Tiếng Anh: 2.55	03/01/1998	Nữ
2410	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LPH001541	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50	05/07/1998	Nữ
2411	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LPH001542	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Địa lí: 3.75	05/11/1997	Nữ
2412	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	LPH001543	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.00	26/02/1998	Nữ
2413	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	LPH001880	Toán: 6.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 1.98	29/08/1998	Nữ
2414	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	LPH001699	Toán: 8.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 9.75	17/12/1998	Nữ
2415	NGUYỄN TRÍ MINH HIẾU	LPH000960	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.40	16/08/1998	Nam
2416	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	LPH002812	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.60 Sinh học: 6.80 Tiếng Anh: 3.13	02/05/1998	Nữ
2417	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	LPH002813	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 2.68	26/01/1998	Nữ
2418	TRẦN QUANG DŨNG	LPH000513	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	08/09/1998	Nam
2419	TRẦN QUANG TIẾN	LPH002729	Toán: 4.25 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	23/10/1993	Nam
2420	TRẦN QUANG TUẤN	LPH002955	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.80	07/05/1998	Nam
2421	TRẦN QUANG VINH	LPH003075	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.75	01/01/1998	Nam
2422	TRẦN QUỐC KHÁNH	LPH001355	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 2.80	08/07/1998	Nam
2423	TRẦN QUỐC KHÁNH	LPH001356	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.00	23/09/1998	Nam
2424	TRẦN THANH THÁI	LPH002422	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 6.00	07/06/1998	Nam
2425	TRẦN THANH TÙNG	LPH002985	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 2.60	04/04/1998	Nam
2426	TRẦN THÀNH THÁI	LPH002423	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.00	12/05/1998	Nam
2427	TRẦN THÙY DƯƠNG	LPH000584	Toán: 7.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 8.33	30/11/1998	Nữ
2428	TRẦN THÙY TRANG	LPH002824	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.75 Tiếng Anh: 6.93	05/12/1998	Nữ
2429	TRẦN THÙY TRANG	LPH002825	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.20 Địa lí: 3.25	24/09/1998	Nữ
2430	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LPH002178	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 4.20 Sinh học: 3.20	17/02/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2431	TRẦN THỊ THU HÀ	LPH000758	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 7.40 Sinh học: 5.80	24/03/1998	Nữ
2432	TRẦN THỊ THU HÀ	LPH000759	Toán: 6.75 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	26/03/1996	Nữ
2433	TRẦN THỦY TRINH	LPH002842	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Tiếng Anh: 4.20	03/02/1997	Nữ
2434	TRẦN TIẾN HOÀNG	LPH001067	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 2.75	11/02/1995	Nam
2435	TRẦN TIẾN QUANG	LPH002197	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.25	14/10/1998	Nam
2436	NGUYỄN VĂN THÀNH	LPH002463	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 7.60 Sinh học: 7.20	06/02/1998	Nam
2437	NGUYỄN VĂN THÀNH	LPH002464	Toán: 5.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 9.25	10/03/1998	Nam
2438	NGUYỄN VĂN THẮNG	LPH002556	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 3.60	22/07/1998	Nam
2439	NGUYỄN VĂN TRINH	LPH002840	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.50	14/03/1994	Nam
2440	NGUYỄN XUÂN BÌNH	LPH000241	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 3.25	30/01/1998	Nam
2441	NGUYỄN XUÂN QUÂN	LPH002216	Toán: 7.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.20	23/05/1998	Nam
2442	NGUYỄN XUÂN ĐỊNH	LPH000636	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 2.80	07/06/1998	Nam
2443	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	LPH000497	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.40	30/04/1998	Nam
2444	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	LPH001367	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.80 Sinh học: 7.00 Tiếng Anh: 2.70	01/01/1998	Nam
2445	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	LPH001368	Toán: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40	15/06/1997	Nam
2446	NGUYỄN ĐĂNG NINH	LPH002026	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.60 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.75	14/02/1998	Nam
2447	NGUYỄN ĐẮC THÀNH	LPH002459	Toán: 9.25 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 8.80 Sinh học: 8.60 Tiếng Anh: 5.15	14/03/1998	Nam
2448	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	LPH000295	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.40	16/05/1998	Nam
2449	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	LPH000388	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.00 Địa lí: 3.50	20/04/1997	Nam
2450	NGUYỄN ĐỨC DUYỄN	LPH000544	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	22/05/1998	Nam
2451	NGUYỄN ĐỨC QUYẾT	LPH002248	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.60	02/01/1998	Nam
2452	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	LPH002584	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 2.75	04/01/1990	Nam
2453	ĐỒNG THỊ HÀ GIANG	LPH000697	Toán: 8.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 3.75	04/12/1998	Nữ
2454	ĐỒNG THỊ MỸ KHÁNH	LPH001341	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 3.58	02/09/1998	Nữ
2455	ĐỖ THỊ HOÀI THANH	LPH002429	Toán: 7.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.80	26/11/1998	Nữ
2456	ĐỖ THỊ HỒNG TUYẾT	LPH003002	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.38	01/02/1998	Nữ
2457	ĐỖ THỊ THANH THÚY	LPH002674	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.00	02/04/1998	Nữ
2458	ĐỖ THỊ THANH THÚY	LPH002675	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 2.60 Sinh học: 5.60 Địa lí: 4.50	03/12/1998	Nữ
2459	ĐỖ THỊ THUỶ DƯƠNG	LPH000558	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40	26/12/1998	Nữ
2460	ĐỖ TRẦN MINH CHÂU	LPH000269	Toán: 5.25 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 3.50 Tiếng Anh: 7.45	08/01/1998	Nữ
2461	BÀNG THỊ HỒNG THẨM	LPH002529	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.75 Tiếng Anh: 2.00	07/04/1998	Nữ
2462	BÙI THỊ KIỀU CHINH	LPH000304	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Sinh học: 3.80 Địa lí: 3.50	06/09/1998	Nữ
2463	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	LPH000014	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 6.20 Tiếng Anh: 3.90	19/04/1998	Nữ
2464	BÙI THỊ THANH CHÚC	LPH000328	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 5.20	22/08/1998	Nữ
2465	CHU THỊ MAI PHƯƠNG	LPH002110	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	06/02/1998	Nữ
2466	CHU THỊ THANH DUNG	LPH000450	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.20 Địa lí: 5.00	20/12/1997	Nữ
2467	DOÃN THỊ HỒNG HẠNH	LPH000800	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 6.20 Sinh học: 6.40 Tiếng Anh: 2.80	01/04/1998	Nữ
2468	GIÀNG CHÍNH PHƯƠNG	LPH002116	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 3.20	15/12/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2469	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	LPH001218	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.50	06/03/1998	Nữ
2470	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	LPH001219	Toán: 7.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60 Tiếng Anh: 1.75	08/08/1998	Nữ
2471	TRẦN NGUYỄN VIỆT ĐỨC	LPH000674	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.25	12/08/1998	Nam
2472	TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG	LPH002157	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 5.00	01/09/1998	Nữ
2473	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	LPH002819	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 7.50	19/09/1998	Nữ
2474	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	LPH001961	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 4.40	23/07/1998	Nữ
2475	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002521	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25	17/07/1998	Nữ
2476	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002522	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.50 Vật lí: 4.80 Tiếng Anh: 3.60	25/05/1998	Nữ
2477	TRỊNH THỊ MAI PHƯƠNG	LPH002158	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 3.70	09/01/1998	Nữ
2478	VÀNG NGUYỄN ÁNH HỒNG	LPH001094	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.80 Tiếng Anh: 7.88	21/10/1998	Nữ
2479	VƯƠNG THỊ NGỌC KHÁNH	LPH001361	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.60 Hóa học: 2.40 Sinh học: 4.00 Địa lí: 2.75	14/04/1998	Nữ
2480	VƯƠNG THỊ THANH NGÂN	LPH001884	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 6.25	24/08/1998	Nữ
2481	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002478	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.40 Sinh học: 4.40	27/05/1998	Nữ
2482	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002481	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00	02/10/1998	Nữ
2483	ĐOÀN THỊ THẢO NGUYỄN	LPH001944	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.75	17/02/1998	Nữ
2484	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LIÊN	LPH001466	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 7.50	06/11/1998	Nữ
2485	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	LPH001187	Toán: 7.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.60	21/04/1998	Nữ
2486	TRẦN TRUNG HIẾU	LPH000971	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	16/05/1998	Nam
2487	TRẦN TRUNG KIÊN	LPH001393	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 6.00	13/10/1998	Nam
2488	TRẦN TRUNG KIÊN	LPH001394	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	23/12/1998	Nam
2489	TRẦN TUẤN THÀNH	LPH002470	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.20	19/09/1998	Nam
2490	TRẦN VIỆT CƯỜNG	LPH000402	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.40	02/01/1998	Nam
2491	TRẦN VĂN THƯỜNG	LPH002715	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.75	23/06/1995	Nam
2492	TRẦN XUÂN PHONG	LPH002089	Toán: 7.50 Ngữ văn: 4.50 Tiếng Anh: 6.83	24/02/1992	Nam
2493	TRẦN ĐÔNG PHONG	LPH002088	Toán: 6.25 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.80	02/05/1996	Nam
2494	TRẦN ĐỨC NGHIẾP	LPH001903	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	11/12/1997	Nam
2495	TRỊNH DUY QUANG	LPH002199	Toán: 3.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	12/09/1997	Nam
2496	TRỊNH HỒNG LIỄU	LPH001478	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.40	24/06/1998	Nữ
2497	TRỊNH MAI HƯƠNG	LPH001298	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.40	04/12/1998	Nữ
2498	TRỊNH MINH NGỌC	LPH001939	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Tiếng Anh: 5.80	01/08/1998	Nữ
2499	TRỊNH QUANG ANH	LPH000165	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.40	06/06/1998	Nam
2500	TRỊNH QUỐC TUẤN	LPH002956	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.00	02/04/1998	Nam
2501	TRỊNH THÚY HẰNG	LPH000852	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.60	26/08/1998	Nữ
2502	TRỊNH THỊ TRANG	LPH002826	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.75	14/01/1998	Nữ
2503	TRỊNH TIẾN DŨNG	LPH000516	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.80	01/05/1998	Nam
2504	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	LPH002585	Toán: 8.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 7.35	27/09/1998	Nam
2505	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	LPH002856	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.20	08/06/1998	Nam
2506	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	LPH002846	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.25	12/04/1993	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2507	NGÔ THƯƠNG THIÊN	LPH002583	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.80	18/06/1998	Nam
2508	NINH PHƯƠNG THẢO	LPH002512	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.40 Sinh học: 3.40	26/05/1997	Nữ
2509	NÔNG THỊ KIM THU	LPH002627	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 7.20	25/08/1998	Nữ
2510	PHAN HOÀNG GIANG	LPH000711	Toán: 8.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.00	14/08/1998	Nam
2511	PHAN QUỲNH TRANG	LPH002808	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.80 Tiếng Anh: 6.10	31/10/1998	Nữ
2512	PHAN THANH HUYỀN	LPH001216	Toán: 8.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 7.60 Sinh học: 8.20 Tiếng Trung: 7.98	09/07/1998	Nữ
2513	PHAN THANH ĐƯỜNG	LPH000683	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 6.25	18/06/1998	Nam
2514	PHAN THỊ THU NAM	LPH001828	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 5.00	18/07/1998	Nữ
2515	PHẦN HUYỀN TRANG	LPH002807	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.00	13/02/1998	Nữ
2516	PHÙNG HOÀNG VIỆT	LPH003064	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.63	05/04/1998	Nam
2517	PHÙNG THỊ NGUYỆT	LPH001960	Toán: 1.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 4.25	28/02/1998	Nữ
2518	PHẠM BÍCH PHƯƠNG	LPH002176	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	10/07/1998	Nữ
2519	PHẠM HUYỀN TRANG	LPH002809	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.00 Sinh học: 3.00	07/09/1998	Nữ
2520	PHẠM KHÁNH HUYỀN	LPH001217	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.00	22/12/1998	Nữ
2521	HOÀNG THỊ HOÀI LÂM	LPH001438	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 3.50	11/12/1998	Nữ
2522	HOÀNG THỊ HOÀI THU	LPH002620	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	03/06/1998	Nữ
2523	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	LPH001877	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25	10/12/1998	Nữ
2524	HOÀNG THỊ MINH TÁM	LPH002393	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 6.75	08/03/1998	Nữ
2525	HOÀNG THỊ MINH TÂM	LPH002398	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 4.63	26/08/1998	Nữ
2526	HOÀNG THỊ NGỌC LAN	LPH001422	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.20	07/03/1998	Nữ
2527	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	LPH001692	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.20	16/06/1998	Nữ
2528	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	LPH000180	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.00	01/10/1998	Nữ
2529	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	LPH000181	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.80	28/04/1998	Nữ
2530	HOÀNG THỊ THU THỦY	LPH002658	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 3.93	01/08/1998	Nữ
2531	HOÀNG THỊ THÚY HOA	LPH000989	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.60 Tiếng Anh: 6.10	23/03/1998	Nữ
2532	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	LPH000699	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.20 Tiếng Anh: 2.33	07/10/1998	Nam
2533	HÀ THỊ THANH HUYỀN	LPH001189	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.60 Sinh học: 5.00	04/09/1998	Nữ
2534	HÀNG THỊ LIÊN KHÚC	LPH001374	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00	15/09/1998	Nữ
2535	KHỔNG THỊ HOÀI THU	LPH002622	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	22/01/1998	Nữ
2536	HOÀNG CHU VĂN TUẤN	LPH002925	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.00	13/01/1998	Nam
2537	LÊ THỊ THANH TUYỀN	LPH002995	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.00	24/05/1998	Nữ
2538	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG ANH	LPH000041	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00	27/03/1998	Nữ
2539	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	LPH001193	Toán: 7.75 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 7.68	26/10/1998	Nữ
2540	HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	LPH001951	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 5.50	10/07/1998	Nữ
2541	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002485	Toán: 2.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.00	21/02/1998	Nữ
2542	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	LPH001195	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 6.23	22/08/1997	Nữ
2543	LƯƠNG THỊ THANH HUYỀN	LPH001202	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.00	10/10/1998	Nữ
2544	NGUYỄN BẢO NGỌC TRUNG	LPH002855	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 7.43	31/08/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2545	NGUYỄN LÊ QUỲNH TRANG	LPH002787	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 7.03	27/11/1998	Nữ
2546	NGUYỄN THỊ DIỄU HƯƠNG	LPH001277	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Tiếng Anh: 3.00	30/10/1998	Nữ
2547	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	LPH002044	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.80	27/06/1998	Nữ
2548	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN	LPH001470	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Hóa học: 5.40 Sinh học: 5.80	26/04/1998	Nữ
2549	NGUYỄN THỊ HỒNG CHIÊM	LPH000290	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.75	02/01/1998	Nữ
2550	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	LPH002007	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.20	02/08/1998	Nữ
2551	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	LPH002008	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 3.75	13/05/1998	Nữ
2552	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	LPH002009	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.40	18/11/1998	Nữ
2553	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	LPH001531	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.25	23/08/1998	Nữ
2554	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	LPH002790	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.20	11/08/1998	Nữ
2555	TRỊNH XUÂN DŨNG	LPH000517	Toán: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.40	04/12/1997	Nam
2556	TUNG MINH CHUNG	LPH000336	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Sinh học: 3.40 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.75	25/02/1998	Nam
2557	TUNG SANG HƯƠNG	LPH001299	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.00	21/08/1998	Nữ
2558	TẠ THỊ NGỌC ANH	LPH000142	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.60 Tiếng Anh: 6.10	19/10/1998	Nữ
2559	VĂN ĐÌNH NGUYỄN	LPH001948	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 8.20 Tiếng Anh: 2.93	17/04/1998	Nam
2560	VŨ HOÀNG NGUYỄN	LPH001949	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00	13/07/1994	Nam
2561	VŨ THỊ HẰNG NGA	LPH001870	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 4.75 Tiếng Trung: 8.54	19/02/1998	Nữ
2562	VŨ THỊ HỒNG GẮM	LPH000687	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.20 Sinh học: 4.60	04/01/1998	Nữ
2563	VŨ THỊ KIM LOAN	LPH001599	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 6.60	06/05/1998	Nữ
2564	VŨ THỊ THU HIỀN	LPH000912	Toán: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 6.60 Sinh học: 5.20	01/04/1997	Nữ
2565	VŨ THỊ TRÚC MAI	LPH001710	Toán: 1.50 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 4.78	22/08/1998	Nữ
2566	VƯƠNG MINH QUÂN	LPH002219	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75	25/09/1997	Nam
2567	VƯƠNG THÙY LINH	LPH001583	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.20 Địa lí: 6.25	15/10/1998	Nữ
2568	VƯƠNG THỊ DUYÊN	LPH000556	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 3.60 Địa lí: 3.50	24/03/1998	Nữ
2569	VƯƠNG THỊ LUYẾN	LPH001644	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.60	13/11/1998	Nữ
2570	VƯƠNG VĂN PHONG	LPH002091	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 3.75	02/09/1997	Nam
2571	ĐÌNH QUANG HIẾP	LPH000916	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.00	16/04/1998	Nam
2572	PHẠM QUANG QUYỀN	LPH002244	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	21/10/1998	Nam
2573	PHẠM THÀNH TRUNG	LPH002860	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.20	02/09/1998	Nam
2574	PHẠM THỊ HẢI YẾN	LPH003143	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 2.80 Hóa học: 2.80 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 6.50	26/01/1998	Nữ
2575	PHẠM THỊ KIM CHI	LPH000285	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.20	16/06/1998	Nữ
2576	PHẠM THỊ MINH LÝ	LPH001683	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75	30/01/1998	Nữ
2577	PHẠM THỊ MỸ LINH	LPH001558	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.20	15/01/1998	Nữ
2578	PHẠM THỊ VÂN ANH	LPH000132	Toán: 2.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.50	16/05/1998	Nữ
2579	PHẠM TRỌNG NGHĨA	LPH001898	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 3.50	24/02/1997	Nam
2580	SÙNG THỊ MAI XUA	LPH003117	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75	11/01/1998	Nữ
2581	THÈN NGỌC TRƯỜNG	LPH002882	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.60	18/08/1998	Nam
2582	TRIỆU CHÒI PHIẾU	LPH002074	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.00	24/07/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2583	TRIỆU DIỄM QUỲNH	LPH002273	Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00	07/11/1997	Nữ
2584	TRIỆU HỒNG NHUNG	LPH002016	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00	19/09/1998	Nữ
2585	TRÁNG MINH KHÁNH	LPH001352	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.25	28/11/1998	Nam
2586	TRÁNG MẠNH CƯỜNG	LPH000396	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.40	00/02/1998	Nam
2587	TRƯƠNG HIẾU HÙNG	LPH001149	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.25	21/03/1997	Nam
2588	TRƯƠNG MINH HIẾU	LPH000974	Toán: 4.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.40	24/12/1998	Nam
2589	LÊ TRẦN PHƯƠNG ANH	LPH000060	Toán: 8.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 8.80 Hóa học: 9.00	24/06/1998	Nữ
2590	LƯU THỊ KIỀU CHINH	LPH000309	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 2.13	30/03/1998	Nữ
2591	LƯƠNG THỊ HÀ CHINH	LPH000308	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.20 Sinh học: 3.60 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50	12/02/1998	Nữ
2592	LƯƠNG THỊ THU THẢO	LPH002490	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.50	28/04/1998	Nữ
2593	LƯƠNG THỊ VIỆT NHA	LPH001965	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.00	06/05/1998	Nữ
2594	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	LPH000703	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50	13/02/1998	Nữ
2595	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	LPH000704	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.80	13/07/1998	Nữ
2596	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	LPH000705	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 7.50	23/07/1998	Nữ
2597	NGUYỄN HẠNH PHƯƠNG	LPH002135	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 8.08	21/06/1998	Nữ
2598	NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG	LPH002875	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 2.50	20/04/1998	Nam
2599	NGUYỄN KHÁNH DUYÊN	LPH000545	Toán: 4.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 8.25 Tiếng Anh: 5.28	18/04/1998	Nữ
2600	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	LPH002170	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 7.50	02/10/1998	Nữ
2601	NGUYỄN NGỌC NGHIÊM	LPH001902	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.50	21/11/1997	Nam
2602	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	LPH000090	Toán: 7.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 8.10	24/03/1998	Nữ
2603	NGUYỄN PHƯƠNG OANH	LPH002043	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.75	19/07/1998	Nữ
2604	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	LPH002681	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.20	25/06/1998	Nữ
2605	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	LPH002500	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.50	01/01/1998	Nữ
2606	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	LPH001429	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.20	28/01/1998	Nữ
2607	NGUYỄN THỊ QUỲNH DUNG	LPH000467	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.00 Địa lí: 6.00	25/07/1998	Nữ
2608	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGỌC	LPH001928	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.60	24/02/1998	Nữ
2609	NGUYỄN THỊ THANH ĐIẾP	LPH000632	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.20	06/04/1998	Nữ
2610	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	LPH000570	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.00	09/07/1998	Nữ
2611	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	LPH000571	Toán: 5.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 6.68	27/10/1998	Nữ
2612	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	LPH002794	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 4.10	04/08/1997	Nữ
2613	NGUYỄN TRẦN GIÁC VIỄN	LPH003052	Toán: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.60	22/02/1996	Nam
2614	NGUYỄN VŨ MINH NGUYỆT	LPH001959	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.80 Sinh học: 6.60	10/09/1998	Nữ
2615	PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH	LPH002443	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	06/08/1998	Nữ
2616	TRƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG	LPH002159	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.00	20/09/1997	Nữ
2617	TẦN HOÀNG THANH THANH	LPH002444	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 3.50	11/05/1998	Nam
2618	ĐINH NGUYỄN ĐIẾP LINH	LPH001493	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.65	28/01/1998	Nữ
2619	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG LINH	LPH001496	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 6.80 Sinh học: 6.00 Tiếng Anh: 4.15	07/01/1998	Nữ
2620	NGUYỄN THÙY LINH TRANG	LPH002803	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.00	10/06/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2621	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	LPH002136	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.60	25/05/1998	Nữ
2622	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	LPH002137	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 5.25	26/09/1998	Nữ
2623	ĐINH QUỐC VƯƠNG	LPH003096	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.80	07/11/1998	Nam
2624	ĐINH THỊ THƯƠNG	LPH002704	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 2.50	28/05/1998	Nữ
2625	ĐINH VIỆT TƯỜNG	LPH003014	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	07/10/1998	Nam
2626	ĐIỀN THANH HIẾU	LPH000942	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.25	13/05/1998	Nam
2627	ĐOÀN THANH BÌNH	LPH000235	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.20	20/07/1998	Nữ
2628	ĐÀM THANH PHONG	LPH002078	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 6.43	19/02/1998	Nam
2629	ĐÀO HUYỀN TRANG	LPH002761	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40	29/06/1998	Nữ
2630	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	LPH002477	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.00	13/08/1997	Nữ
2631	ĐÀO QUANG GIANG	LPH000696	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.25	02/01/1998	Nam
2632	ĐÀO THANH HUYỀN	LPH001186	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 5.50	08/09/1998	Nữ
2633	ĐÀO THỊ NHẬT LỆ	LPH001455	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 2.88	01/01/1998	Nữ
2634	ĐẶNG HỒNG NHUNG	LPH001995	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.20	15/12/1998	Nữ
2635	ĐẶNG LAN PHƯƠNG	LPH002114	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.00	02/10/1998	Nữ
2636	ĐẶNG MINH VƯƠNG	LPH003097	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.00	23/08/1998	Nam
2637	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	LPH000029	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40 Sinh học: 3.80	27/01/1998	Nữ
2638	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	LPH000561	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.60	18/10/1998	Nữ
2639	ĐẶNG THÙY TRANG	LPH002765	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 4.50	15/04/1998	Nữ
2640	TRƯƠNG QUỐC TIẾN	LPH002730	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.60 Sinh học: 4.20 Tiếng Anh: 2.25	01/05/1998	Nam
2641	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	LPH001223	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 5.50	28/06/1998	Nữ
2642	TRƯƠNG THỊ QUYẾN	LPH002247	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	05/09/1998	Nữ
2643	TRẦN HUYỀN TRANG	LPH002818	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.20	21/07/1998	Nữ
2644	TRẦN NGỌC THƯƠNG	LPH002711	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 3.80	25/08/1998	Nữ
2645	TRẦN PHƯƠNG THẢO	LPH002520	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 4.20	01/05/1998	Nữ
2646	TRẦN QUANG TRUNG	LPH002862	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.20	17/09/1998	Nam
2647	TRẦN THANH HUYỀN	LPH001221	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00	28/08/1998	Nữ
2648	TRẦN THỊ DIỆU MY	LPH001799	Toán: 4.25 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.75	03/02/1998	Nữ
2649	TRẦN THỊ HẢI YẾN	LPH003146	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.00	15/10/1997	Nữ
2650	TRẦN THỊ KIM ANH	LPH000150	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.80 Tiếng Anh: 2.98	07/09/1998	Nữ
2651	TRẦN THỊ KIM ANH	LPH000151	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.20	10/08/1998	Nữ
2652	TRẦN THỊ MAI ANH	LPH000152	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.00	03/08/1998	Nữ
2653	TRẦN THỊ THU TRÀ	LPH002752	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 7.25	06/05/1998	Nữ
2654	TRẦN THỊ VÂN ANH	LPH000155	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75	06/02/1998	Nữ
2655	TRẦN TRỌNG CƯỜNG	LPH000400	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 4.50	30/10/1989	Nam
2656	TRỊNH HÙNG CƯỜNG	LPH000403	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.50	21/09/1993	Nam
2657	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	LPH002501	Toán: 8.50 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.60 Tiếng Anh: 7.98	05/02/1998	Nữ
2658	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	LPH002502	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 4.58	11/04/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2659	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	LPH002595	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 3.00	20/09/1994	Nam
2660	NGUYỄN QUANG THẮNG	LPH002554	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.80	09/08/1998	Nam
2661	NGUYỄN QUANG TUYẾN	LPH002999	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 6.60	17/04/1998	Nam
2662	NGUYỄN QUỲNH DUYÊN	LPH000547	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 4.10	11/06/1998	Nữ
2663	NGUYỄN QUỲNH TRANG	LPH002788	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 7.25 Tiếng Anh: 6.80	21/04/1998	Nữ
2664	NGUYỄN THANH HƯƠNG	LPH001284	Toán: 2.75 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 8.75	25/01/1998	Nữ
2665	NGUYỄN THANH THIÊN	LPH002574	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.80 Tiếng Anh: 6.60	08/02/1998	Nam
2666	NGUYỄN THÀNH CHUNG	LPH000333	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.80	18/08/1998	Nam
2667	NGUYỄN THÀNH TRUNG	LPH002857	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 4.75	01/07/1994	Nam
2668	NGUYỄN THÀNH TRUNG	LPH002858	Toán: 5.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.40	15/06/1998	Nam
2669	NGUYỄN THÀNH TUYẾN	LPH002994	Toán: 6.25 Ngữ văn: 2.00 Hóa học: 7.60 Sinh học: 5.40	01/01/1998	Nam
2670	NGUYỄN THẾ TÂY BẮC	LPH000214	Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 3.00	26/06/1994	Nam
2671	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	LPH003139	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 2.80 Tiếng Anh: 5.40	19/03/1998	Nữ
2672	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	LPH003140	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	28/10/1998	Nữ
2673	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	LPH000373	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.80 Sinh học: 6.40 Tiếng Anh: 2.50	30/01/1998	Nữ
2674	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	LPH002789	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 5.75	16/01/1998	Nữ
2675	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	LPH001208	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 2.80	13/09/1998	Nữ
2676	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	LPH001209	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 5.90	30/06/1998	Nữ
2677	NGUYỄN THỊ KHÁNH QUỲNH	LPH002261	Toán: 6.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 2.35	25/09/1998	Nữ
2678	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	LPH001538	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.40 Địa lí: 3.25	08/08/1998	Nữ
2679	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002503	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.60 Tiếng Anh: 2.90	05/05/1998	Nữ
2680	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002504	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.50	16/05/1998	Nữ
2681	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002505	Toán: 3.50 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 8.00 Tiếng Anh: 4.85	24/01/1998	Nữ
2682	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002506	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Trung: 5.62	27/10/1997	Nữ
2683	NGUYỄN TRẦN MẠNH CƯỜNG	LPH000394	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40	27/11/1998	Nam
2684	TRẦN NGUYỄN KHÁNH LINH	LPH001572	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 8.50 Địa lí: 8.50	15/02/1998	Nữ
2685	ĐINH NGUYỄN TIẾN THÀNH	LPH002449	Toán: 4.50 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.60	09/11/1998	Nam
2686	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	LPH002140	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.60	07/09/1998	Nữ
2687	NGUYỄN THỊ TUYẾT PHƯƠNG	LPH002142	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.25	08/06/1998	Nữ
2688	ĐẶNG VĂN PHƯƠNG	LPH002115	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.40	10/02/1998	Nam
2689	ĐỖ THỊ THUÝ VÂN	LPH003036	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.00	17/08/1998	Nữ
2690	ĐỖ THỊ THUY VÂN	LPH003037	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 5.75	18/03/1998	Nữ
2691	BÙI THỊ KHÁNH LY	LPH001663	Toán: 2.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 4.50	31/03/1998	Nữ
2692	CHU THỊ THU HIỀN	LPH000881	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 8.10	10/06/1996	Nữ
2693	DƯƠNG CÔNG THẮNG	LPH002541	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 3.50	04/02/1998	Nam
2694	DƯƠNG THANH HIỀN	LPH000882	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 4.50	13/01/1998	Nữ
2695	DƯƠNG THÀNH CÔNG	LPH000358	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.80	01/07/1998	Nam
2696	DƯƠNG VĂN CHUYỀN	LPH000341	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.80 Sinh học: 3.20	06/10/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2697	GIÀNG THỊ HÀ THU	LPH002619	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 6.75	17/03/1998	Nữ
2698	GIÀNG TIẾN THÀNH	LPH002450	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.60	24/10/1998	Nam
2699	HOÀNG CHUNG KIÊN	LPH001385	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.00	01/03/1998	Nam
2700	HOÀNG HIỀN LƯƠNG	LPH001651	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 1.88	16/10/1998	Nữ
2701	HOÀNG HIẾU PHONG	LPH002081	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.20	01/11/1998	Nam
2702	HOÀNG MAI THƯƠNG	LPH002705	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.80	11/01/1998	Nữ
2703	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	LPH000383	Toán: 7.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 8.00 Tiếng Anh: 5.58	19/03/1998	Nam
2704	HOÀNG MINH DUYỄN	LPH000557	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.20	09/03/1998	Nữ
2705	TRỊNH PHỤNG LINH	LPH001577	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.25	18/08/1998	Nữ
2706	TƯỚNG THU THƯƠNG	LPH002712	Toán: 6.50 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 5.80	02/08/1998	Nữ
2707	TỔNG PHƯƠNG LINH	LPH001567	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 4.75	06/06/1998	Nữ
2708	VÀNG THỊ VÂN ANH	LPH000168	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 4.00	15/11/1998	Nữ
2709	VŨ LÊ KIỀU DƯƠNG	LPH000586	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.80 Địa lí: 4.25	20/11/1998	Nữ
2710	VŨ THỊ HOÀI LINH	LPH001580	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.50	03/02/1998	Nữ
2711	VŨ THỊ HỒNG MINH	LPH001778	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.60	05/11/1998	Nữ
2712	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	LPH002277	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.80	05/11/1998	Nữ
2713	VŨ THỊ QUỲNH MAI	LPH001708	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 5.03	21/06/1998	Nữ
2714	VŨ THỊ THANH MAI	LPH001709	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.50	20/09/1998	Nữ
2715	VŨ THỊ THU HƯƠNG	LPH001303	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.40 Địa lí: 3.75	09/12/1998	Nữ
2716	VŨ THỊ THU HƯƠNG	LPH001304	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.00	12/02/1998	Nữ
2717	VŨ THỊ THU TRANG	LPH002831	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 6.13	15/03/1998	Nữ
2718	VŨ TRẦN TIẾN ANH	LPH000174	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 7.60	11/02/1998	Nam
2719	VƯƠNG ĐỨC THƯƠNG	LPH002714	Toán: 2.50 Ngữ văn: 2.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.75	07/08/1998	Nam
2720	ĐOÀN NGUYỆT HẰNG	LPH000834	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	02/08/1998	Nữ
2721	ĐOÀN THỊ KIM ANH	LPH000032	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 8.50	08/09/1998	Nữ
2722	NGUYỄN THỊ KIM THƯ	LPH002693	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 5.48	03/02/1998	Nữ
2723	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	LPH000190	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 7.75	02/02/1998	Nữ
2724	NGUYỄN THỊ LAN ANH	LPH000099	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.20	17/01/1998	Nữ
2725	NGUYỄN THỊ LAN ANH	LPH000100	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.20 Sinh học: 4.80	25/03/1998	Nữ
2726	NGUYỄN THỊ LAN ANH	LPH000101	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.20	30/11/1998	Nữ
2727	NGUYỄN THỊ MAI ANH	LPH000102	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 2.20	12/02/1998	Nữ
2728	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	LPH000743	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.20	02/11/1998	Nữ
2729	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	LPH000744	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 7.50	19/04/1998	Nữ
2730	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	LPH002751	Toán: 1.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 7.25	19/07/1998	Nữ
2731	NGUYỄN THỊ TÂM ANH	LPH000107	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Sinh học: 3.40 Địa lí: 3.75	06/01/1998	Nữ
2732	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	LPH000110	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.00	09/01/1998	Nữ
2733	NGUYỄN TRỌNG PHONG	LPH002086	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.20	18/09/1998	Nam
2734	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	LPH002555	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 5.00	16/04/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2735	NGUYỄN VŨ NGỌC ÁNH	LPH000194	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.25	12/02/1998	Nữ
2736	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	LPH002877	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.00	11/02/1998	Nam
2737	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	LPH002878	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Sinh học: 5.00 Địa lí: 3.25	14/07/1998	Nam
2738	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	LPH002879	Toán: 5.75 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.60	28/10/1997	Nam
2739	HOÀNG MINH QUANG	LPH002186	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 5.40	07/05/1998	Nam
2740	HOÀNG MINH QUANG	LPH002187	Toán: 3.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.80	14/05/1998	Nam
2741	HOÀNG PHƯƠNG ANH	LPH000042	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.40	30/07/1998	Nữ
2742	HOÀNG PHƯƠNG NAM	LPH001813	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 6.00	04/10/1998	Nam
2743	HOÀNG THANH LOAN	LPH001591	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.75	30/01/1998	Nữ
2744	HOÀNG THANH TÙNG	LPH002967	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.60	27/05/1998	Nam
2745	HOÀNG THU PHƯƠNG	LPH002123	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 3.75	03/05/1998	Nữ
2746	HOÀNG THU PHƯƠNG	LPH002124	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.80	09/10/1998	Nữ
2747	HOÀNG THÚY QUỲNH	LPH002253	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 4.98	22/10/1998	Nữ
2748	HOÀNG THỊ NGUYỆT	LPH001952	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 5.25	24/04/1997	Nữ
2749	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LPH002120	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 5.50	01/09/1998	Nữ
2750	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LPH002121	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.80	19/05/1998	Nữ
2751	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LPH002165	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.20	22/08/1998	Nữ
2752	HOÀNG THỊ THU HÀ	LPH000732	Toán: 5.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.80	19/09/1997	Nữ
2753	HOÀNG THỊ TÚ ANH	LPH000045	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	08/11/1998	Nữ
2754	HOÀNG TRUNG HIẾU	LPH000946	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.00	15/06/1998	Nam
2755	HOÀNG TRƯỜNG SƠN	LPH002336	Toán: 5.25 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.80 Sinh học: 6.40	05/07/1997	Nam
2756	ĐOÀN THỊ MỸ LINH	LPH001499	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.00	10/01/1998	Nữ
2757	ĐOÀN TRẦN TRÀ MY	LPH001790	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 7.60 Sinh học: 6.00	15/11/1998	Nữ
2758	ĐOÀN TRỌNG NGHĨA	LPH001889	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.00	09/08/1998	Nam
2759	ĐÀO THỊ KIM LIÊN	LPH001465	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 6.60 Sinh học: 5.00	09/02/1998	Nữ
2760	ĐẶNG THANH HUYỀN	LPH001188	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	20/02/1998	Nữ
2761	ĐẶNG THỊ KIM ANH	LPH000030	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Trung: 4.58	23/03/1998	Nữ
2762	ĐẶNG THỊ KIM CHI	LPH000276	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.80	15/06/1998	Nữ
2763	ĐỖ THỊ BÍCH HOÀN	LPH001022	Toán: 1.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 2.80 Địa lí: 5.00	05/08/1997	Nữ
2764	ĐỖ THỊ NGUYỆT HÀ	LPH000727	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 7.63	29/05/1998	Nữ
2765	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG	LPH001258	Toán: 1.25 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.00	25/01/1993	Nữ
2766	BÀN THỊ HỒNG LOAN	LPH001585	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	19/05/1998	Nữ
2767	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	LPH001256	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.00	29/07/1998	Nữ
2768	BÙI THỊ THANH ĐÀO	LPH000597	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 4.40	05/02/1998	Nữ
2769	BÙI THỊ THU TRANG	LPH002755	Toán: 0.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.25	07/02/1998	Nữ
2770	BÙI THỊ THÚY HẰNG	LPH000828	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Trung: 6.96	26/05/1997	Nữ
2771	CHU THỊ QUỲNH ANH	LPH000018	Toán: 7.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 5.65	03/02/1998	Nữ
2772	DIỆM HÀ HỒNG HẠNH	LPH000799	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Sinh học: 4.20 Tiếng Anh: 2.35	28/10/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2773	NGÔ NGỌC QUỲNH ANH	LPH000072	Toán: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.60	22/06/1997	Nữ
2774	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	LPH000073	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 4.60 Sinh học: 4.60	21/08/1998	Nữ
2775	NGÔ THỊ THÙY TRANG	LPH002786	Toán: 7.00 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 7.13	03/05/1998	Nữ
2776	NÔNG THỊ MINH THÚY	LPH002682	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 8.25	01/12/1998	Nữ
2777	NÔNG THỊ THÚY KIỀU	LPH001398	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.60 Sinh học: 5.40	14/12/1998	Nữ
2778	PHAN THỊ HỒNG THẨM	LPH002535	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00	02/07/1998	Nữ
2779	PHAN THỊ THANH MAI	LPH001701	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Anh: 2.38	24/08/1998	Nữ
2780	PHÙNG THỊ ÁNH LINH	LPH001563	Toán: 7.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 7.83	16/12/1998	Nữ
2781	PHẠM THỊ HƯƠNG MAI	LPH001702	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 4.60 Sinh học: 3.80	02/11/1998	Nữ
2782	PHẠM THỊ HƯƠNG THU	LPH002630	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 8.50	11/02/1998	Nữ
2783	PHẠM THỊ HỒNG PHÚC	LPH002100	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 5.80	27/11/1998	Nữ
2784	PHẠM THỊ MINH HẠNH	LPH000818	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 5.00 Tiếng Anh: 4.60	18/11/1998	Nữ
2785	PHẠM THỊ MINH HẰNG	LPH000848	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.20	19/09/1998	Nữ
2786	PHẠM THỊ PHƯƠNG LY	LPH001676	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.60	28/06/1998	Nữ
2787	PHẠM THỊ THANH NGÀ	LPH001865	Toán: 3.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 6.00	16/02/1998	Nữ
2788	PHẠM THỊ THANH THU	LPH002631	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 2.80 Sinh học: 4.60	12/08/1998	Nữ
2789	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	LPH001288	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 2.88	05/11/1998	Nữ
2790	HOÀNG TRỌNG HÙNG	LPH001124	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 7.00	27/07/1998	Nam
2791	HOÀNG VIỆT QUANG	LPH002189	Toán: 7.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 6.00 Tiếng Anh: 5.98	14/09/1998	Nam
2792	HOÀNG VĂN TRƯỞNG	LPH002889	Toán: 5.00 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	18/05/1996	Nam
2793	HOÀNG XUÂN HUYNH	LPH001232	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	20/10/1993	Nam
2794	HOÀNG XUÂN THANH	LPH002436	Toán: 0.50 Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 4.75	27/11/1998	Nam
2795	HOÀNG XUÂN THÀNH	LPH002452	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.00	12/06/1998	Nam
2796	HOÀNG ĐÌNH CHIÊM	LPH000289	Toán: 2.00 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 1.88	23/04/1998	Nam
2797	HOÀNG ĐỖ BẢO NAM	LPH001812	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	06/01/1997	Nam
2798	HÀ THỊ THANH HẢI	LPH000772	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 4.20 Sinh học: 4.80	23/12/1998	Nữ
2799	HÀ THỊ THU HUYỀN	LPH001190	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75	06/09/1998	Nữ
2800	HỨA THỊ THU HIỀN	LPH000889	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 7.70	02/09/1998	Nữ
2801	KHUẤT MINH QUYÊN	LPH002231	Toán: 8.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 9.40 Tiếng Anh: 8.73	06/12/1998	Nữ
2802	KHƯƠNG ĐÌNH THỜI	LPH002611	Toán: 2.50 Ngữ văn: 2.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.00	17/07/1998	Nam
2803	KIM THỊ THU HIỀN	LPH000891	Toán: 2.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50	27/11/1998	Nữ
2804	LA THỊ DIỆP LINH	LPH001512	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25	05/11/1998	Nữ
2805	HOÀNG TRỌNG HIỆU	LPH000978	Toán: 1.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 2.60 Sinh học: 4.20	25/10/1995	Nam
2806	LÊ QUỐC VIỆT ANH	LPH000055	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 2.60 Hóa học: 5.40 Sinh học: 3.40	12/12/1998	Nam
2807	HOÀNG CHIẾN THẮNG	LPH002549	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.25	07/07/1998	Nam
2808	HOÀNG HUYỀN LƯƠNG	LPH001652	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.40 Sinh học: 4.20	01/09/1998	Nữ
2809	HOÀNG KHÁNH HUYỀN	LPH001191	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 5.73	02/09/1998	Nữ
2810	HOÀNG NGUYỄN HƯNG	LPH001245	Toán: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.20	13/05/1997	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2811	HOÀNG NGỌC THUYẾT	LPH002689	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 7.25	13/08/1998	Nam
2812	HOÀNG PHƯƠNG LINH	LPH001506	Toán: 7.00 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 5.60	21/03/1998	Nữ
2813	HOÀNG THANH TRANG	LPH002768	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.40 Sinh học: 7.00	15/07/1998	Nữ
2814	HOÀNG THỊ HỒNG MƠ	LPH001782	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 6.25	18/08/1998	Nữ
2815	HOÀNG THỊ KIM CHI	LPH000279	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 6.75	10/01/1998	Nữ
2816	HOÀNG THỊ KIM THỊ	LPH002570	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 3.40	15/02/1998	Nữ
2817	HOÀNG ĐÌNH CHUYỀN	LPH000340	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.75 Địa lí: 8.00	05/10/1998	Nam
2818	HÀ THỊ KHÁNH LINH	LPH001502	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.40	08/06/1998	Nữ
2819	HÀ THỊ THU PHƯƠNG	LPH002118	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Hóa học: 6.80 Sinh học: 6.00	05/12/1998	Nữ
2820	KHƯƠNG VIỆT HOÀNG	LPH001045	Toán: 3.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.60	11/02/1997	Nam
2821	KHƯƠNG VĂN TRƯỜNG	LPH002870	Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.25	29/11/1994	Nam
2822	LÀN THỊ NHƯ QUỲNH	LPH002254	Toán: 3.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 8.50	08/08/1998	Nữ
2823	LÂM THỊ MINH HẰNG	LPH000837	Toán: 1.25 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 2.60 Sinh học: 4.60	21/06/1998	Nữ
2824	LÊ THỊ THÙY TRANG	LPH002776	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 3.63	26/06/1998	Nữ
2825	PHẠM THỊ THÙY LINH	LPH001559	Toán: 7.75 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 6.80 Tiếng Anh: 3.20	20/04/1998	Nữ
2826	PHẠM THỊ THÙY LINH	LPH001560	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.00 Tiếng Anh: 5.88	26/07/1998	Nữ
2827	PHẠM THỊ THÙY LINH	LPH001561	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.80 Sinh học: 3.80 Địa lí: 5.00	29/09/1996	Nữ
2828	THIỀU QUANG TRƯỜNG	LPH002883	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 3.20	11/07/1998	Nam
2829	THIỀU THỊ KIM OANH	LPH002048	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 1.75	15/10/1998	Nữ
2830	TRĂNG KHÁNH PHƯƠNG	LPH002155	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 4.40	11/10/1998	Nam
2831	TRẦN THỊ HỒNG THÁI	LPH002421	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.80	11/08/1998	Nữ
2832	TRẦN THỊ KIM HƯƠNG	LPH001295	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.20	08/05/1998	Nữ
2833	TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ	LPH001868	Toán: 6.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00 Sinh học: 6.20	16/02/1998	Nữ
2834	TRẦN THỊ THANH HOA	LPH001003	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 4.40 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 6.65	14/08/1998	Nữ
2835	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	LPH001296	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 4.68	13/05/1998	Nữ
2836	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	LPH001315	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Địa lí: 3.50	25/11/1998	Nữ
2837	TRẦN THỊ THÙY LINH	LPH001575	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.20 Sinh học: 5.00	30/07/1998	Nữ
2838	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	LPH000851	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50	19/04/1998	Nữ
2839	TRỊNH THỊ HƯƠNG LY	LPH001680	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.20	08/03/1998	Nữ
2840	TRỊNH THỊ NGỌC ANH	LPH000166	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 6.00	08/04/1998	Nữ
2841	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	LPH001919	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	03/06/1998	Nữ
2842	LÊ THỊ DIỆU LINH	LPH001516	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 7.53	06/08/1998	Nữ
2843	LÊ THỊ DIỆU LINH	LPH001517	Toán: 7.50 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 7.00 Tiếng Trung: 9.08	19/02/1998	Nữ
2844	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	LPH000807	Toán: 6.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 7.63	21/07/1998	Nữ
2845	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	LPH000223	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.40	09/08/1998	Nữ
2846	LÊ THỊ QUỲNH MAI	LPH001693	Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 5.00	18/11/1997	Nữ
2847	LÊ THỊ THUỖ DUNG	LPH000464	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.40	18/08/1998	Nữ
2848	LÊ VŨ TOÀN THẮNG	LPH002552	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.40	19/11/1997	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2849	LÙNG THỊ KIM CHI	LPH000282	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 8.75	25/01/1998	Nữ
2850	LÝ HOÀNG LAN ANH	LPH000067	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Địa lí: 5.00	02/04/1998	Nữ
2851	LƯU THỊ CHẨM ANH	LPH000065	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 6.25	10/01/1998	Nữ
2852	LƯU THỊ HẢI LINH	LPH001522	Toán: 7.25 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 7.13	16/06/1998	Nữ
2853	LƯƠNG PHƯƠNG NAM	LPH001816	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 4.60	04/09/1998	Nam
2854	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	LPH001345	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.80	09/02/1998	Nam
2855	LƯƠNG THÙY DƯƠNG	LPH000566	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 7.70	01/04/1998	Nữ
2856	LƯƠNG THẠCH THẢO	LPH002491	Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.50	30/04/1997	Nữ
2857	LƯƠNG VIỆT HOÀNG	LPH001052	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	13/03/1998	Nam
2858	LƯƠNG ÁNH NGUYỆT	LPH001953	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Tiếng Anh: 2.35	07/10/1998	Nữ
2859	LÊ THỊ TRANG LINH	LPH001518	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25	01/08/1998	Nữ
2860	LÙ THỊ THANH HOAN	LPH001020	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 4.75	28/10/1998	Nữ
2861	LÝ THỊ THUỶ DƯƠNG	LPH000567	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 3.20	14/08/1998	Nữ
2862	LƯƠNG HƯƠNG QUỲNH	LPH002256	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	12/08/1998	Nữ
2863	LƯƠNG THANH THUẬN	LPH002640	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 3.00	15/10/1998	Nam
2864	LƯƠNG THỊ KIM CHI	LPH000283	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.00 Địa lí: 6.25	20/07/1998	Nữ
2865	LƯƠNG TRỌNG NGHĨA	LPH001892	Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 7.75	03/09/1996	Nam
2866	LƯƠNG XUÂN PHƯƠNG	LPH002129	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.25 Địa lí: 6.00	13/06/1997	Nữ
2867	LƯU THỊ HUYỀN HẢO	LPH000824	Toán: 3.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 3.80	04/02/1998	Nữ
2868	MA THỊ THUY TRANG	LPH002782	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 6.20	18/02/1998	Nữ
2869	MAI BÙI TIẾN DŨNG	LPH000494	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.20	29/10/1998	Nam
2870	MAI THỊ HỒNG THỦY	LPH002662	Toán: 5.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.60	26/04/1998	Nữ
2871	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	LPH002133	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 4.75 Tiếng Anh: 6.88	10/10/1998	Nữ
2872	NGUYỄN CÔNG THÀNH	LPH002458	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.60 Sinh học: 7.00	07/07/1998	Nam
2873	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	LPH001135	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 5.10	13/01/1998	Nam
2874	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	LPH002941	Toán: 4.00 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.40	29/10/1998	Nam
2875	NGUYỄN HƯƠNG THƠM	LPH002614	Toán: 1.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 6.00	18/08/1998	Nữ
2876	VÀNG THỊ HỒNG HẠNH	LPH000819	Toán: 4.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.40 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 4.53	05/08/1998	Nữ
2877	VŨ THỊ BÍCH PHƯƠNG	LPH002161	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 5.55	01/08/1998	Nữ
2878	VŨ THỊ HOÀI THƯƠNG	LPH002713	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.40 Địa lí: 5.25	19/12/1998	Nữ
2879	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	LPH002828	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 6.00 Tiếng Anh: 3.00	12/06/1998	Nữ
2880	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	LPH002829	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.20	20/12/1998	Nữ
2881	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	LPH002830	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.25	23/09/1998	Nữ
2882	VƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	LPH000199	Toán: 4.25 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 4.80 Sinh học: 3.40	18/09/1998	Nữ
2883	ĐINH THỊ THANH HOA	LPH000984	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	16/06/1998	Nữ
2884	ĐINH THỊ THỦY LINH	LPH001494	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 5.00	21/11/1998	Nữ
2885	ĐOÀN THỊ QUỲNH ANH	LPH000033	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 4.28	30/05/1998	Nữ
2886	ĐÀO THỊ THUY TRANG	LPH002762	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.00 Hóa học: 4.00	21/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2887	ĐẶNG HOÀI LINH CHI	LPH000275	Toán: 7.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.40	11/09/1998	Nữ
2888	ĐẶNG THỊ HỒNG NGỌC	LPH001912	Toán: 4.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.20	28/09/1998	Nữ
2889	ĐẶNG THỊ HỒNG THÚY	LPH002677	Toán: 3.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 5.25 Địa lí: 5.75	08/08/1998	Nữ
2890	ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG	LPH000833	Toán: 3.00 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 9.00	05/01/1998	Nữ
2891	ĐẶNG VŨ TIẾN TRỌNG	LPH002845	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Tiếng Anh: 7.03	11/02/1997	Nam
2892	ĐỒNG THỊ THUỶ LINH	LPH001497	Toán: 3.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.20	15/10/1997	Nữ
2893	MAI THỊ HỒNG MẾN	LPH001755	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.75	21/10/1997	Nữ
2894	NGHIÊM THỊ TRANG	LPH002784	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.00	29/10/1998	Nữ
2895	NGUYỄN BÌNH MINH	LPH001769	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 8.00	09/08/1997	Nam
2896	NGUYỄN BÍCH NGỌC	LPH001920	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 4.00 Sinh học: 4.40	15/04/1998	Nữ
2897	NGUYỄN BÍCH NGỌC	LPH001921	Toán: 6.50 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 7.33	23/08/1998	Nữ
2898	NGUYỄN CAO CƯỜNG	LPH000387	Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 3.00 Địa lí: 3.25	17/06/1994	Nam
2899	NGUYỄN CÔNG CHỨC	LPH000351	Toán: 8.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 7.20	14/12/1998	Nam
2900	NGUYỄN CÔNG MINH	LPH001770	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.60 Sinh học: 5.20	01/03/1998	Nam
2901	NGUYỄN CÔNG TÙNG	LPH002975	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.00	05/05/1998	Nam
2902	NGUYỄN CÔNG VIỆT	LPH003053	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 4.75	13/02/1993	Nam
2903	NGUYỄN DIỆU THÚY	LPH002648	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 5.58	03/11/1998	Nữ
2904	NGUYỄN DUY KHÁNH	LPH001347	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.80	10/06/1998	Nam
2905	NGUYỄN HOÀNG HẢI	LPH000783	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 4.20	09/02/1998	Nam
2906	NGUYỄN HOÀNG LAN	LPH001424	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 3.60	22/12/1998	Nữ
2907	NGUYỄN HOÀNG NAM	LPH001818	Toán: 2.00 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 3.20 Lịch sử: 2.75 Địa lí: 3.00	12/01/1998	Nam
2908	NGUYỄN HOÀNG ĐẠI	LPH000593	Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	14/08/1994	Nam
2909	NGUYỄN HUY HOÀNG	LPH001056	Toán: 5.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.60 Địa lí: 3.75	27/04/1998	Nam
2910	NGUYỄN HỒNG NHUNG	LPH002006	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.80 Tiếng Anh: 5.85	29/03/1998	Nữ
2911	NGUYỄN KHÁNH LINH	LPH001529	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.20 Sinh học: 3.00	08/01/1998	Nữ
2912	NGUYỄN KHẮC THÀNH	LPH002460	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.40 Tiếng Anh: 5.80	30/01/1998	Nam
2913	NGUYỄN KIÊN CƯỜNG	LPH000389	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 6.00 Sinh học: 3.60	14/09/1998	Nam
2914	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	LPH002169	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 6.75 Địa lí: 9.00	14/05/1998	Nữ
2915	NGUYỄN MINH QUANG	LPH002194	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 4.80 Sinh học: 5.60	12/06/1998	Nam
2916	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	LPH000390	Toán: 0.25	16/02/1996	Nam
2917	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	LPH000391	Toán: 7.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 2.73	20/10/1998	Nam
2918	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	LPH000392	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.20	22/07/1998	Nam
2919	NGUYỄN MẠNH NGHĨA	LPH001896	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 3.20 Tiếng Anh: 2.60	30/01/1998	Nam
2920	NGUYỄN NGHĨA HIẾU	LPH000959	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 3.43	13/11/1998	Nam
2921	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	LPH002258	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.00 Tiếng Anh: 7.80	13/10/1998	Nữ
2922	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	LPH000093	Toán: 2.25 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 4.00	01/05/1998	Nữ
2923	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	LPH000094	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.60 Hóa học: 6.80 Sinh học: 8.20	08/12/1998	Nữ
2924	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	LPH000095	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 3.35	27/07/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2925	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	LPH000533	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 5.25	16/12/1998	Nam
2926	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	LPH001821	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.60	06/11/1998	Nam
2927	ĐỖ TUẤN NHẬT HOÀNG	LPH001042	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.00 Hóa học: 5.60 Sinh học: 6.00	13/02/1998	Nam
2928	BÙI NGỌC THANH TÙNG	LPH002962	Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 8.00 Địa lí: 8.75	25/09/1997	Nam
2929	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	LPH002754	Toán: 6.75 Ngữ văn: 8.50 Địa lí: 5.25 Tiếng Anh: 5.70	27/06/1998	Nữ
2930	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002473	Toán: 4.75 Ngữ văn: 8.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 9.25	07/11/1998	Nữ
2931	BÙI THỊ THẢO NGUYỄN	LPH001943	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.00	20/12/1998	Nữ
2932	CAO THỊ HUYỀN TRANG	LPH002756	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.75 Địa lí: 5.00	09/02/1998	Nữ
2933	CHẤU THỊ VIỆT TRINH	LPH002838	Toán: 5.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.25	18/09/1998	Nữ
2934	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	LPH001915	Toán: 3.00 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 4.50	18/02/1998	Nữ
2935	HOÀNG THỊ HỒNG NGỌC	LPH001916	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 3.20 Địa lí: 3.50	15/08/1997	Nữ
2936	HOÀNG THỊ KIM XUYẾN	LPH003125	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.00 Hóa học: 5.40 Sinh học: 6.00	14/05/1998	Nữ
2937	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	LPH001196	Toán: 3.25 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 5.00 Địa lí: 5.75	24/02/1998	Nữ
2938	HOÀNG THỊ THU NHIỆM	LPH001988	Toán: 3.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.75	02/04/1998	Nữ
2939	HOÀNG THỊ THU TRANG	LPH002767	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.80 Hóa học: 5.40 Tiếng Anh: 2.93	15/12/1998	Nữ
2940	HOÀNG THỊ THẢO LIÊN	LPH001467	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.40 Sinh học: 3.00	09/07/1997	Nữ
2941	HOÀNG THỊ ÁNH TUYẾT	LPH003003	Toán: 3.00 Ngữ văn: 7.00 Sinh học: 4.00 Địa lí: 3.75	24/02/1998	Nữ
2942	HUỖNH THỊ HỒNG LOAN	LPH001592	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 4.80	01/10/1998	Nữ
2943	KHỔNG THỊ HỒNG THẨM	LPH002530	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 6.20 Sinh học: 4.00	29/01/1998	Nữ
2944	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LPH002134	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.20	16/03/1998	Nữ
2945	NGUYỄN HỒNG NGỌC	LPH001922	Toán: 5.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 8.25 Địa lí: 7.50	18/12/1998	Nữ
2946	NGUYỄN HỒNG QUÂN	LPH002213	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 3.00 Hóa học: 3.20	15/12/1998	Nam
2947	NGUYỄN HỒNG ĐĂNG	LPH000625	Toán: 4.00 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.60 Hóa học: 3.40	30/09/1998	Nam
2948	NGUYỄN HỮU HOÀNG	LPH001055	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.20 Hóa học: 5.00	17/04/1998	Nam
2949	NGUYỄN HỮU THẮNG	LPH002537	Toán: 3.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.20	27/09/1998	Nam
2950	NGUYỄN KIỀU OANH	LPH002041	Toán: 2.00 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.60 Địa lí: 5.00	26/12/1998	Nữ
2951	NGUYỄN KIỀU OANH	LPH002042	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 4.50	28/05/1998	Nữ
2952	NGUYỄN LAN HƯƠNG	LPH001275	Toán: 1.75 Ngữ văn: 8.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.00	01/10/1998	Nữ
2953	NGUYỄN LAN HƯƠNG	LPH001276	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Sinh học: 4.40 Địa lí: 5.75	24/04/1998	Nữ
2954	NGUYỄN MINH HIẾU	LPH000955	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 3.75	12/02/1998	Nam
2955	NGUYỄN MINH HIẾU	LPH000956	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.75 Địa lí: 8.75 Tiếng Anh: 2.45	14/03/1998	Nam
2956	NGUYỄN MINH TUẤN	LPH002942	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 7.00 Tiếng Anh: 3.80	19/03/1998	Nam
2957	NGUYỄN MẠNH DŨNG	LPH000499	Toán: 6.25 Ngữ văn: 8.00 Vật lí: 4.40 Tiếng Anh: 8.08	11/11/1998	Nam
2958	NGUYỄN MẠNH DŨNG	LPH000500	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Trung: 4.80	21/12/1998	Nam
2959	NGUYỄN MẠNH HÙNG	LPH001136	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.00	02/04/1998	Nam
2960	NGUYỄN MẠNH HÙNG	LPH001137	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 7.40 Tiếng Anh: 3.85	03/02/1998	Nam
2961	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	LPH001822	Toán: 8.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 8.40 Hóa học: 7.80 Tiếng Anh: 4.73	12/02/1998	Nam
2962	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	LPH001823	Toán: 3.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.40	16/09/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
2963	NGUYỄN QUANG HIỆP	LPH000926	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.40	18/11/1998	Nam
2964	NGUYỄN QUANG VIỆT	LPH003061	Toán: 4.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 3.80	23/10/1998	Nam
2965	NGUYỄN QUYẾT TIẾN	LPH002723	Toán: 4.50 Ngữ văn: 2.50 Vật lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.25	14/01/1998	Nam
2966	NGUYỄN THANH LOAN	LPH001598	Toán: 2.75 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 6.75	24/11/1998	Nữ
2967	NGUYỄN THANH THÙY	LPH002646	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.80 Hóa học: 6.80	19/03/1998	Nữ
2968	NGUYỄN THANH TÙNG	LPH002976	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.80	01/04/1998	Nam
2969	NGUYỄN THANH UYÊN	LPH003022	Toán: 4.00 Ngữ văn: 7.50 Lịch sử: 7.00 Địa lí: 6.00	15/08/1998	Nữ
2970	NGUYỄN THU PHƯƠNG	LPH002144	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25	25/12/1998	Nữ
2971	NGUYỄN THUỶ TRANG	LPH002802	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.00 Sinh học: 5.40	09/02/1998	Nữ
2972	NGUYỄN THÀNH CÔNG	LPH000360	Toán: 7.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 8.60	01/09/1997	Nam
2973	NGUYỄN THÀNH CÔNG	LPH000361	Toán: 2.00 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 5.00	18/10/1998	Nam
2974	NGUYỄN THÀNH LUÂN	LPH001638	Toán: 6.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 5.60	06/10/1998	Nam
2975	NGUYỄN THÀNH NHÂN	LPH001974	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.50	18/10/1995	Nam
2976	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	LPH000572	Toán: 5.00 Ngữ văn: 9.00 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 4.90	13/08/1998	Nữ
2977	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	LPH000573	Toán: 4.50 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 4.00 Tiếng Anh: 2.33	24/03/1998	Nữ
2978	LÊ HOÀNG QUYỀN LINH	LPH001515	Toán: 4.25 Hóa học: 3.40 Sinh học: 3.60	15/08/1997	Nam
2979	LÊ THỊ QUỲNH THƯƠNG	LPH002707	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 5.40	05/03/1997	Nữ
2980	LÊ VƯƠNG KHÁNH LINH	LPH001520	Toán: 6.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 8.20 Hóa học: 7.80	16/08/1998	Nữ
2981	LƯU THỊ PHƯƠNG LINH	LPH001523	Toán: 4.75 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 7.00 Hóa học: 4.60	08/03/1998	Nữ
2982	LƯƠNG THỊ DIỆP LINH	LPH001521	Toán: 5.75 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 5.60	10/08/1998	Nữ
2983	LƯƠNG THỊ HỒNG HIỆP	LPH000921	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 3.50	18/11/1998	Nữ
2984	LƯƠNG THỊ THANH TÂM	LPH002401	Toán: 6.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20 Sinh học: 7.40	10/01/1998	Nữ
2985	LƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	LPH001273	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.00 Địa lí: 4.00	19/05/1998	Nữ
2986	MAI THỊ PHƯƠNG THẢO	LPH002497	Toán: 7.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.60 Hóa học: 6.20 Sinh học: 5.20	07/09/1998	Nữ
2987	NGUYỄN BÁ ANH CHÍNH	LPH000314	Toán: 3.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 5.20	10/10/1998	Nam
2988	NGUYỄN BÁ QUỲNH ANH	LPH000076	Toán: 3.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 7.40 Sinh học: 3.80	27/09/1998	Nam
2989	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	LPH002168	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 4.80	06/05/1998	Nữ
2990	NGUYỄN LAN HƯƠNG LY	LPH001671	Toán: 3.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 3.80 Địa lí: 3.25	13/12/1997	Nữ
2991	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	LPH002143	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.20 Hóa học: 3.80	04/08/1998	Nam
2992	NGUYỄN THẾ VIỆT ANH	LPH000111	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 3.50 Địa lí: 5.50	17/10/1998	Nam
2993	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	LPH002626	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 3.00	13/08/1998	Nữ
2994	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	LPH001673	Toán: 1.75 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 6.50 Địa lí: 4.25	27/07/1998	Nữ
2995	NGUYỄN MẠNH HÙNG	LPH001138	Toán: 4.75 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	12/11/1998	Nam
2996	NGUYỄN MẠNH HÙNG	LPH001139	Toán: 7.75 Vật lí: 8.20 Hóa học: 8.20	15/07/1997	Nam
2997	NGUYỄN MẠNH HÙNG	LPH001140	Toán: 5.25 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	17/03/1998	Nam
2998	NGUYỄN MẠNH QUÂN	LPH002214	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.40 Hóa học: 7.60 Tiếng Anh: 4.73	14/04/1998	Nam
2999	NGUYỄN MẠNH QUÂN	LPH002215	Ngữ văn: 1.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 2.25	31/12/1990	Nam
3000	NGUYỄN MẠNH TIẾN	LPH002720	Toán: 5.75 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 7.20 Sinh học: 7.60 Tiếng Anh: 3.28	11/12/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
3001	NGUYỄN MẠNH TIẾN	LPH002721	Toán: 6.75 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 7.00 Sinh học: 7.20	12/05/1998	Nam
3002	NGUYỄN MẠNH TIẾN	LPH002722	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Sinh học: 4.00 Tiếng Anh: 3.60	17/04/1998	Nam
3003	NGUYỄN MẠNH TUẤN	LPH002943	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 1.75 Địa lí: 4.50	03/09/1998	Nam
3004	NGUYỄN MẠNH TUẤN	LPH002944	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 5.45	28/09/1998	Nam
3005	NGUYỄN NGỌC HIẾU	LPH000957	Toán: 6.25 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 8.65	20/03/1998	Nam
3006	NGUYỄN NGỌC HIẾU	LPH000958	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 8.40 Hóa học: 7.20 Tiếng Anh: 5.30	27/06/1998	Nam
3007	NGUYỄN NGỌC MẠNH	LPH001728	Toán: 6.25 Vật lí: 7.80 Hóa học: 7.40	05/09/1997	Nam
3008	NGUYỄN NGỌC TUẤN	LPH002945	Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 6.00 Địa lí: 5.50	16/07/1992	Nam
3009	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	LPH001058	Toán: 1.50 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 6.25	24/03/1997	Nam
3010	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	LPH002259	Toán: 4.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 2.60 Hóa học: 4.80 Sinh học: 4.20	17/03/1998	Nữ
3011	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	LPH002260	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 2.80 Hóa học: 4.00	20/06/1998	Nữ
3012	NGUYỄN THÙY TRANG	LPH002805	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 1.50 Địa lí: 1.75	26/09/1997	Nữ
3013	NGUYỄN THÚY HƯỜNG	LPH001313	Toán: 8.50 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 6.50 Tiếng Anh: 9.78	16/04/1998	Nữ
3014	NGUYỄN THÚY QUỲNH	LPH002264	Toán: 6.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 6.40 Tiếng Anh: 6.78	27/05/1998	Nữ
3015	NGUYỄN THỊ LƯU LY	LPH001674	Toán: 6.00 Ngữ văn: 7.50 Địa lí: 6.75 Tiếng Anh: 4.10	12/10/1998	Nữ
3016	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	LPH001946	Toán: 1.25 Ngữ văn: 3.50 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.25	19/08/1998	Nữ
3017	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	LPH001956	Toán: 7.75 Ngữ văn: 5.50 Hóa học: 7.40 Sinh học: 7.40	13/10/1998	Nữ
3018	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	LPH001957	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.20 Hóa học: 5.40	17/02/1998	Nữ
3019	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	LPH001958	Toán: 1.50 Vật lí: 3.40 Hóa học: 3.00 Sinh học: 4.00	22/03/1997	Nữ
3020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LPH002138	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.60 Tiếng Anh: 4.83	10/11/1998	Nữ
3021	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LPH002139	Toán: 3.50 Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 7.25	13/01/1998	Nữ
3022	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LPH002171	Toán: 3.50 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.00	01/01/1998	Nữ
3023	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LPH002172	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.50 Địa lí: 5.75	17/10/1998	Nữ
3024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LPH002173	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 5.20	30/06/1998	Nữ
3025	NGUYỄN THỊ THU HÀ	LPH000745	Toán: 7.25 Ngữ văn: 7.00 Vật lí: 8.00 Hóa học: 7.60	01/09/1998	Nữ
3026	NGUYỄN THỊ THU HÀ	LPH000746	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 4.68	22/10/1998	Nữ
3027	NGUYỄN THÙY TRANG	LPH002804	Toán: 1.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 3.20 Hóa học: 3.00	25/09/1997	Nữ
3028	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	LPH002709	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 4.80 Tiếng Anh: 1.88	20/08/1998	Nữ
3029	NGUYỄN THỊ KIM OANH	LPH002045	Toán: 1.75 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.00 Địa lí: 3.50	24/03/1998	Nữ
3030	NGUYỄN THỊ KIM OANH	LPH002046	Toán: 2.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 3.25 Địa lí: 4.50	29/05/1998	Nữ
3031	NGUYỄN THỊ LINH CHI	LPH000284	Toán: 7.50 Ngữ văn: 5.00 Hóa học: 7.80 Sinh học: 7.40	07/04/1998	Nữ
3032	NGUYỄN THỊ MAI LINH	LPH001536	Toán: 2.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 4.20 Hóa học: 5.20	05/06/1998	Nữ
3033	NGUYỄN THỊ MINH ANH	LPH000103	Toán: 8.00 Ngữ văn: 8.00 Địa lí: 5.50 Tiếng Anh: 9.38	03/12/1998	Nữ
3034	NGUYỄN THỊ MINH ANH	LPH000104	Toán: 7.75 Ngữ văn: 8.00 Tiếng Anh: 7.00	08/03/1997	Nữ
3035	NGUYỄN THỊ MINH HOA	LPH000998	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 7.00	14/11/1998	Nữ
3036	NGUYỄN THỊ MINH HUỆ	LPH001108	Toán: 8.50 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 9.00 Sinh học: 9.60	23/01/1998	Nữ
3037	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	LPH000105	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.40	09/10/1998	Nữ
3038	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	LPH000106	Toán: 2.25 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 6.25 Tiếng Anh: 2.48	25/05/1998	Nữ

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
3039	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	LPH001428	Toán: 5.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 5.60	27/01/1998	Nữ
3040	NGUYỄN THỊ NGỌC TÂN	LPH002412	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.50 Địa lí: 4.25	09/01/1998	Nữ
3041	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	LPH000191	Toán: 2.00 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.25 Địa lí: 5.75	01/05/1998	Nữ
3042	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	LPH000192	Toán: 4.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 5.20 Hóa học: 4.00	23/10/1998	Nữ
3043	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	LPH000193	Toán: 4.25 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 7.50 Địa lí: 7.75	25/10/1998	Nữ
3044	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	LPH003041	Toán: 7.00 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.40 Hóa học: 6.00 Sinh học: 7.20	21/02/1998	Nữ
3045	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	LPH001927	Toán: 4.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 5.40 Địa lí: 3.50	07/11/1998	Nữ
3046	NGUYỄN NHẬT LINH	LPH001530	Toán: 7.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.80 Tiếng Anh: 6.53	16/04/1998	Nữ
3047	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001168	Toán: 5.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 6.20 Tiếng Anh: 5.40	01/03/1998	Nam
3048	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001169	Toán: 3.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 3.10	06/01/1998	Nam
3049	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001170	Toán: 2.25 Ngữ văn: 4.00 Địa lí: 4.50 Tiếng Anh: 3.50	14/07/1997	Nam
3050	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001171	Toán: 2.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.00 Hóa học: 5.00	23/07/1998	Nam
3051	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001172	Toán: 2.75 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 5.50 Địa lí: 5.00	27/07/1998	Nam
3052	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001173	Toán: 6.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 6.20 Hóa học: 4.40 Tiếng Anh: 5.23	28/11/1998	Nam
3053	NGUYỄN QUANG HUY	LPH001174	Toán: 4.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.80	30/06/1998	Nam
3054	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	LPH001861	Toán: 7.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 8.40 Tiếng Anh: 7.83	08/01/1998	Nữ
3055	NGUYỄN THANH HẢI	LPH000786	Toán: 4.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Hóa học: 6.00	03/09/1998	Nam
3056	NGUYỄN THANH HẢI	LPH000787	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 4.40 Hóa học: 3.40 Sinh học: 4.20	11/02/1998	Nữ
3057	NGUYỄN THANH LAM	LPH001416	Toán: 5.25 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 6.40 Tiếng Anh: 2.88	14/11/1998	Nữ
3058	NGUYỄN THANH SƠN	LPH002344	Toán: 5.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.40	05/09/1998	Nam
3059	NGUYỄN THANH TÂM	LPH002406	Toán: 6.25 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.60 Tiếng Anh: 5.05	13/11/1998	Nữ
3060	NGUYỄN THU HUYỀN	LPH001212	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 5.92	09/05/1998	Nữ
3061	NGUYỄN THU HUYỀN	LPH001213	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 5.60 Hóa học: 5.80 Tiếng Anh: 4.23	18/10/1998	Nữ
3062	NGUYỄN THU HUYỀN	LPH001214	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.40 Hóa học: 3.60	22/08/1998	Nữ
3063	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	LPH002710	Toán: 3.00 Ngữ văn: 3.50 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.60	23/03/1998	Nữ
3064	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	LPH001793	Toán: 3.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 3.60 Hóa học: 4.60	12/01/1998	Nữ
3065	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	LPH001794	Toán: 3.25 Ngữ văn: 5.50 Địa lí: 3.50 Tiếng Anh: 3.13	27/07/1998	Nữ
3066	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	LPH000109	Toán: 5.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 4.25 Tiếng Anh: 2.85	27/12/1998	Nữ
3067	NGUYỄN TIẾN CHUNG	LPH000334	Toán: 4.25 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 3.80 Hóa học: 4.40	06/04/1998	Nam
3068	NGUYỄN TIẾN THÀNH	LPH002461	Ngữ văn: 5.50 Lịch sử: 4.00 Địa lí: 5.00	02/11/1991	Nam
3069	NGUYỄN TIẾN THÀNH	LPH002462	Toán: 2.50 Ngữ văn: 5.00 Vật lí: 5.60 Hóa học: 3.00	14/01/1998	Nam
3070	NGUYỄN TRUNG HIẾU	LPH000961	Toán: 2.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 4.60	12/08/1998	Nam
3071	NGUYỄN TRUNG KIẾN	LPH001387	Toán: 5.00 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 7.40 Hóa học: 6.20 Tiếng Anh: 4.53	12/10/1997	Nam
3072	NGUYỄN TRUNG KIẾN	LPH001388	Toán: 5.25 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 6.00 Tiếng Anh: 4.53	30/09/1998	Nam
3073	NGUYỄN TRUNG THỰC	LPH002699	Toán: 2.00 Ngữ văn: 4.50 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 4.50	26/12/1998	Nam
3074	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	LPH001142	Toán: 9.00 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.40 Tiếng Anh: 1.75	01/04/1998	Nam
3075	NGUYỄN TUẤN THANH	LPH002442	Toán: 3.25 Ngữ văn: 6.00 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 5.75	17/06/1998	Nam
3076	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	LPH000574	Toán: 8.50 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 9.20 Tiếng Anh: 8.73	21/06/1998	Nam

STT	HO_TEN	SOBAODANH	DIEM_THI	NGAY_SINH	GIOI_TINH
3077	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	LPH001059	Toán: 1.50 Ngữ văn: 3.00 Vật lí: 4.40 Hóa học: 2.40 Địa lí: 3.00	08/06/1998	Nam
3078	NGUYỄN VIỆT THẮNG	LPH002557	Toán: 5.25 Vật lí: 7.20 Hóa học: 6.40	06/11/1994	Nam
3079	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	LPH001060	Toán: 5.50 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.00 Địa lí: 3.50	03/06/1998	Nam
3080	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	LPH000878	Toán: 6.00 Ngữ văn: 4.50 Hóa học: 5.20 Sinh học: 8.00	22/05/1998	Nữ
3081	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	LPH000897	Toán: 6.00 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 4.00	26/10/1998	Nữ
3082	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	LPH001016	Toán: 4.75 Ngữ văn: 7.50 Vật lí: 5.80 Hóa học: 5.00 Sinh học: 4.00	24/04/1998	Nữ
3083	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	LPH000842	Toán: 1.25 Ngữ văn: 6.50 Hóa học: 3.00 Lịch sử: 1.25 Địa lí: 4.00	26/12/1998	Nữ
3084	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	LPH001090	Toán: 6.50 Ngữ văn: 4.00 Hóa học: 6.20 Sinh học: 7.20 Tiếng Anh: 3.03	06/02/1998	Nữ
3085	NGUYỄN THỊ THU THẢO	LPH002508	Toán: 6.25 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	07/10/1998	Nữ
3086	NGUYỄN THỊ THU THẢO	LPH002509	Toán: 6.75 Ngữ văn: 5.50 Vật lí: 6.40 Hóa học: 5.40	15/10/1998	Nữ
3087	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	LPH003020	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.50 Vật lí: 7.20 Tiếng Anh: 5.25	15/07/1998	Nữ
3088	NGUYỄN THỊ THÙY ANH	LPH000108	Toán: 6.75 Ngữ văn: 7.00 Địa lí: 3.75 Tiếng Trung: 8.51	24/09/1998	Nữ
3089	NGUYỄN THỊ TIỂU YẾN	LPH003141	Toán: 0.50 Ngữ văn: 5.00 Lịch sử: 2.00 Địa lí: 3.25	15/08/1998	Nữ
3090	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	LPH001700	Toán: 6.75 Ngữ văn: 6.00 Vật lí: 7.60 Hóa học: 7.00	13/11/1998	Nữ
3091	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	LPH000709	Ngữ văn: 4.00 Lịch sử: 2.25 Địa lí: 2.75	19/06/1995	Nam
3092	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	LPH002876	Toán: 5.75 Ngữ văn: 4.50 Vật lí: 6.80 Hóa học: 5.40	15/02/1998	Nam
3093	NGUYỄN ĐỨC ANH TUẤN	LPH002939	Toán: 2.50 Ngữ văn: 6.50 Lịch sử: 6.25 Địa lí: 6.50	02/01/1998	Nam
3094	NÔNG MINH HOÀNG SƠN	LPH002349	Toán: 2.75 Ngữ văn: 3.50 Vật lí: 4.80 Hóa học: 4.40 Địa lí: 4.00	26/02/1998	Nam
3095	NÔNG THỊ THÙY TRANG	LPH002806	Toán: 5.50 Ngữ văn: 4.00 Vật lí: 6.00 Hóa học: 6.00	04/11/1998	Nữ
3096	NÔNG THỊ THÚY QUỲNH	LPH002266	Toán: 4.50 Ngữ văn: 7.00 Lịch sử: 4.75 Địa lí: 7.25	17/08/1998	Nữ